

CÔNG TY TNHH MTV NGUYỆT TÂM



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án:
**PHƯƠNG ÁN VẬN CHUYỂN VÀ TẬN THU PHẦN
ĐẤT, CÁT DÔI DƯ SAU KHI CẢI TẠO AO HỒ
XÂY DỰNG KHU NUÔI TÔM THỂ CHÂN TRẮNG
MẬT ĐỘ CAO CỦA HỘ ÔNG MAI VĂN YÊN**

Huyện Duyên Hải, tháng 11 năm 2023

CÔNG TY TNHH MTV NGUYỆT TÂM



BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án:

**Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư
sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng
mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên**

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH MTV
NGUYỆT TÂM
GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Tâm

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ
XÂY DỰNG TRÀ VINH



Trần Đức Huy

Duyên Hải, tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Xuất xứ của dự án	1
1.1. Thông tin về dự án	1
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương	2
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan	3
1.4. Mối quan hệ của dự án với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp	4
2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	4
2.1. Các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM	4
2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án	5
2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	6
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường	6
4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường	10
5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM	14
5.1. Thông tin về dự án	14
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường	16



5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo giai đoạn của dự án.....	17
5.4. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án.....	19
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án.....	23
CHƯƠNG 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN.....	24
1.1. Thông tin về dự án.....	24
1.1.1. Tên dự án.....	24
1.1.2. Chủ dự án, nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án.....	24
1.1.3. Vị trí địa lý.....	24
1.1.4. Hiện trạng quản lý và sử dụng đất của dự án.....	27
1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường.....	29
1.1.6. Mục tiêu, quy mô, công suất, công nghệ và loại hình dự án.....	29
1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án.....	31
1.2.1. Các hạng mục công trình chính.....	31
1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ.....	32
1.2.3. Các hoạt động của dự án.....	32
1.2.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.....	33
1.2.5. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường.....	33
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án.....	34
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành.....	34
1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	35
CHƯƠNG 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	42
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	42
2.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	42
2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội.....	48
2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án.....	52
2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường.....	52



2.2.2. Tài nguyên sinh vật khu vực dự án.....	61
2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án.....	64
2.4. Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án	65
CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	66
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng.....	66
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành.....	66
3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động	66
3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường	80
3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	87
3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo.....	88
CHƯƠNG 4: PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG	90
CHƯƠNG 5: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG.....	91
5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án	91
5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án.....	94
CHƯƠNG 6: KẾT QUẢ THAM VẤN.....	95
6.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng	95
6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên cổng thông tin điện tử.....	95
6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến.....	95
6.1.3. Tham vấn bằng văn bản.....	95
6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng	95
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT	96
1. Kết luận.....	96
2. Cam kết của chủ dự án.....	96
3. Kiến nghị.....	96



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa 5 ngày
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên và môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
BXD	Bộ xây dựng
CH ₄	Khí mêtan
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CO	Cacbon monoxit
CTNH	Chất thải nguy hại
CTV	Cộng tác viên
DO	Nồng độ oxy hòa tan
GPMB	Giải phóng mặt bằng
H ₂ S	Hyđro sunfua
NĐ-CP	Nghị định chính phủ
NH ₃	Khí amoniac
NO ₂	Nitơ đioxit
pH	Chỉ số đo hoạt động của ion hydro
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
QĐ	Quyết định
SO ₂	Lưu huỳnh đioxit
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TN&MT	Tài nguyên và môi trường
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân



DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập báo cáo	9
Bảng 2. Các phương pháp thực hiện báo cáo ĐTM của dự án	10
Bảng 3. Hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường	16
Bảng 4. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án.....	18
Bảng 5. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án	19
Bảng 6. Tọa độ khu vực cải tạo thửa đất số 521 tờ bản đồ số 17	25
Bảng 7. Tọa độ khu vực cải tạo thửa đất số 1347 tờ bản đồ số 17	26
Bảng 8. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho thiết bị, phương tiện của dự án.....	34
Bảng 9. Tiến độ thực hiện dự án	36
Bảng 10. Tổng hợp vốn đầu tư thực hiện dự án.....	36
Bảng 11. Phương pháp tính thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác	38
Bảng 12. Bố trí lao động của dự án.....	41
Bảng 13. Thống kê nhiệt độ trung bình từ năm 2019 – 2022 tại trạm Càng Long	44
Bảng 14. Thống kê độ ẩm không khí trung bình từ năm 2019 – 2022 tại trạm Càng Long.....	45
Bảng 15. Thống kê lượng mưa trung bình từ năm 2019 – 2022 tại trạm Càng Long	46
Bảng 16. Thống kê số giờ nắng trung bình từ năm 2019 – 2022 tại trạm Càng Long	47
Bảng 17. Kết quả quan trắc nước mặt tác động huyện Duyên Hải năm 2022.....	52
Bảng 18. Giá trị WQI nước mặt huyện Duyên Hải qua các năm	54
Bảng 19. Kết quả thử nghiệm nước dưới đất huyện Duyên Hải năm 2022.....	56
Bảng 20. Kết quả thử nghiệm không khí môi trường tác động huyện Duyên Hải.	57
Bảng 21. Thông tin các vị trí quan trắc môi trường nền.....	59
Bảng 22. Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường không khí xung quanh ...	59



Bảng 23. Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường nước mặt.....	60
Bảng 24. Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường đất	60
Bảng 25. Khối lượng bụi phát sinh của khu vực dự án.....	69
Bảng 26. Bảng tổng hợp nhiều liệu tiêu hao của máy móc thi công	70
Bảng 27. Tải lượng và nồng độ ô nhiễm khí thải của các thiết bị thi công	70
Bảng 28. Tải lượng ô nhiễm của phương tiện vận chuyển đường bộ.....	71
Bảng 29. Tải lượng ô nhiễm của phương tiện vận chuyển đường thủy.....	72
Bảng 30. Khối lượng CTNH phát sinh của dự án.....	74
Bảng 31. Mức ồn tối đa từ hoạt động của máy cơ giới.....	76
Bảng 32. Tác hại của tiếng ồn đối với sức khỏe con người.....	77
Bảng 33. Mức độ gây rung của một số máy móc xây dựng	78
Bảng 34. Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án.....	87
Bảng 35. Độ tin cậy của các phương pháp.....	88
Bảng 36. Các công trình xử lý ô nhiễm môi trường	91

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. Vị trí khu vực cải tạo và chứa đất dôi dư tại thửa đất số 521 tờ bản đồ số 17 trên ảnh vệ tinh Google Earth	25
Hình 2. Vị trí thửa đất số 1347 trên ảnh vệ tinh Google Earth	26
Hình 3. Khu đất dôi dư số 01, tháng 11 năm 2023.....	27
Hình 4. Khu đất dôi dư số 01, tháng 11 năm 2023.....	28
Hình 5. Thiết kế sơ bộ bãi lưu chứa tạm thời (thửa 1347)	30
Hình 6. Hình ảnh vệ tinh mô tả vị trí đặt tuyến ống.....	31
Hình 7. Sơ đồ quy trình vận hành dự án.....	35
Hình 8. Diễn biến WQI khu vực huyện Duyên Hải năm 2022	55
Hình 9. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt.....	80



MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin về dự án

Nhằm phát triển kinh tế gia đình, nhiều hộ dân nuôi trồng thủy sản trên địa bàn 04 xã đảo huyện Duyên Hải đã thực hiện phương án cải tạo ao hồ để phục vụ cho việc nuôi tôm thâm canh mật độ cao. Đối với hộ ông Mai Văn Yên, sau khi thực hiện cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 17 có phát sinh khối lượng đất, cát dôi dư khoảng 17.842,57 m³. Chủ đất cũng đã lập phương án cải tạo đất nông nghiệp và được UBND huyện Duyên Hải phê duyệt tại Công văn số 578/UBND-KT ngày 29/4/2022 về việc phê duyệt phương án xin cải tạo ao hồ của ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải.

Đến tháng 10 năm 2023, hộ ông Mai Văn Yên đã cơ bản hoàn thành việc cải tạo⁽¹⁾. Qua kiểm tra của cơ quan chức năng, việc cải tạo ao hồ của hộ ông Mai Văn Yên đã thực hiện đúng theo phương án xin cải tạo ao hồ đã được phê duyệt⁽²⁾. Sau khi cải tạo, đất dôi dư phát sinh được hộ ông Mai Văn Yên bố trí lưu chứa tạm thời ngay tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 17 (thuộc sở hữu của hộ). Do khối lượng đất, cát dôi dư tương đối lớn, việc lưu chứa khối lượng đất, cát dôi dư ngay tại thửa đất còn gặp khó khăn, nếu không vận chuyển đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ này sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Bên cạnh đó, hiện nay nhu cầu san lấp mặt bằng để phục vụ xây dựng các công trình dân dụng, công ích là rất lớn; mặt khác nguồn tài nguyên cát ở các mỏ trữ lượng ngày càng cạn kiệt và khan hiếm. Vì thế, việc lập dự án “Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên” trong thời điểm hiện nay là cần thiết nhằm tận thu đất dôi dư ra sau cải tạo để phục vụ cung cấp vật liệu san lấp công trình phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng của 04 xã đảo huyện Duyên Hải và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện và đáp ứng nhu cầu xây dựng của người dân.

Để đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, pháp lý trong quá trình tận thu, vận chuyển, hộ ông Mai Văn Yên đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm đại diện thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và các thủ tục vận chuyển, tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên theo hợp đồng số 01/HĐ-

⁽¹⁾ Phù hợp khung thời gian cải tạo theo Công văn số 1350/UBND-KT ngày 13/9/2023 của UBND huyện Duyên Hải về việc cải tạo ao, khu nuôi và lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023-2024 trên địa bàn huyện Duyên Hải

⁽²⁾ Báo cáo số 119/BC-TNMT ngày 06/11/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Duyên Hải



ĐTM ngày 09 tháng 11 năm 2023 (đính kèm phụ lục). Vì thế, Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm được xem là chủ dự án của dự án: “Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên” và chịu mọi nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan.

Thực hiện hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc lập phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bãi chứa bùn và các thủ tục về môi trường có liên quan, dự án “Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên” được xem là loại hình dự án khai thác khoáng sản. Căn cứ theo số thứ tự 09, phụ lục IV phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án thuộc danh mục dự án đầu tư nhóm II quy định tại điểm d khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Như vậy, Dự án thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 30, Luật Bảo vệ môi trường 2020. Thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là UBND tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 35, Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Chủ dự án phối hợp với đơn vị tư vấn Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Trà Vinh thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt.

Cấu trúc và nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được trình bày theo quy định tại mẫu số 04, phụ lục II, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trên cơ sở đó lựa chọn giải pháp tối ưu cho hoạt động bền vững của dự án, bảo vệ sức khỏe của người lao động và bảo vệ môi trường.

* *Loại hình dự án:* Dự án tận thu, khai thác khoáng sản (đất dôi dư sau cải tạo đất nông nghiệp).

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương

Tổ chức phê duyệt phương án khai thác, vận chuyển của dự án “Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu



nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên” là UBND tỉnh Trà Vinh.

Tổ chức lập phương án khai thác, vận chuyển của dự án “Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên” là Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan

Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên được thực hiện dựa trên các văn bản pháp luật sau:

- Công văn số 2451/TCMT-TĐ ngày 27/7/2022 của Tổng cục Môi trường về việc hướng dẫn thủ tục môi trường đối với loại hình dự án hạ độ cao (các bãi chứa vật liệu nạo vét, bờ kênh/ao, đất sản xuất nông nghiệp) và có sử dụng vật liệu sau hạ độ cao;

- Công văn số 2606/STNMT-QLMT ngày 09/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phổ biến hướng dẫn thủ tục môi trường đối với loại hình dự án hạ độ cao (các bãi chứa vật liệu nạo vét, bờ kênh/ao, đất sản xuất nông nghiệp) và có sử dụng vật liệu sau hạ độ cao;

- Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cải tạo đất nông nghiệp có vận chuyển đất dôi dư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bờ ao, bãi chứa bùn và các thủ tục về môi trường có liên quan.

- Công văn số 578/UBND-KT ngày 29/4/2022 của UBND huyện Duyên Hải về việc phê duyệt phương án xin cải tạo ao hồ của ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải;

- Công văn số 1350/UBND-KT ngày 13/9/2023 của UBND huyện Duyên Hải về việc cải tạo ao, khu nuôi và lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023-2024 trên địa bàn huyện Duyên Hải;



- Công văn số 1759/UBND-KT ngày 14/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc thẩm định Phương án vận chuyển đất, cát dôi dư sau khi cải tạo đất nông nghiệp của hộ ông Mai Văn Yên;

- Biên bản khảo sát thực tế khu vực xin vận chuyển đất, cát dôi dư từ việc cải tạo đất phục vụ sản xuất nông nghiệp của hộ ông Mai Văn Yên của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Duyên Hải.

1.4. Mối quan hệ của dự án với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp

Dự án không nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

2.1. Các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM

*** Luật, nghị định, thông tư và quyết định**

- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;
- Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
- Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định các loại phí thuộc lĩnh vực tài nguyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.



- Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 31/7/2023 về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại tỉnh Trà Vinh.

- Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cải tạo đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 về việc phê duyệt phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh quy định giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh);

- Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập phương án vận chuyển đất, cát dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bãi chứa bùn và thủ tục về môi trường có liên quan.

*** Các quy chuẩn môi trường và các tiêu chuẩn khác**

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 03-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất;

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án

- Công văn số 578/UBND-KT ngày 29/4/2022 của UBND huyện Duyên Hải về việc phê duyệt phương án xin cải tạo ao hồ của ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải;



- Công văn số 1350/UBND-KT ngày 13/9/2023 của UBND huyện Duyên Hải về việc cải tạo ao, khu nuôi và lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023-2024 trên địa bàn huyện Duyên Hải;

- Công văn số 1759/UBND-KT ngày 14/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc thẩm định Phương án vận chuyển đất, cát dôi dư sau khi cải tạo đất nông nghiệp của hộ ông Mai Văn Yên;

- Biên bản khảo sát thực tế khu vực xin vận chuyển đất, cát dôi dư từ việc cải tạo đất phục vụ sản xuất nông nghiệp của hộ ông Mai Văn Yên của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Duyên Hải.

- Hợp đồng số 01/HĐ-ĐTM ngày 09/11/2023 được ký kết giữa hộ ông Mai Văn Yên với Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm về việc thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và các thủ tục vận chuyển, tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên.

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Báo cáo thuyết minh Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên.

- Các bản vẽ kỹ thuật của dự án,...

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

Trong quá trình thực hiện lập báo cáo ĐTM của dự án thì chủ dự án đã phối hợp cùng với đơn vị tư vấn để tiến hành lập và hoàn thiện báo cáo theo đúng quy định của pháp luật và trình cơ quan thẩm định, phê duyệt. Quá trình tổ chức lập báo cáo ĐTM của Dự án được tóm tắt như sau:

- Bước 1: Nghiên cứu phương án cải tạo đất nông nghiệp đã được UBND huyện Càng Long phê duyệt, lập phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi cải tạo phù hợp.

- Bước 2: Nghiên cứu về các điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực Dự án và khảo sát thực tế tại khu vực Dự án.

+ Xác định vị trí lấy mẫu quan trắc đánh giá hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường.

+ Xác định cụ thể, chi tiết các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội, các yếu tố môi trường nhạy cảm.



- Bước 3: Thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích và đánh giá hiện trạng môi trường khu vực Dự án và vùng xung quanh.

Đơn vị thực hiện quan trắc môi trường có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể: Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt (đơn vị lấy và phân tích mẫu) tiến hành lấy và thử nghiệm các mẫu nước mặt, không khí xung quanh, trầm tích của khu vực. Phòng thí nghiệm của Công ty được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường do Bộ Tài Nguyên và môi trường đánh giá và cấp với số hiệu VIMCERTS 286; giấy chứng nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 của Hội Khoa học và Kỹ thuật về Tiêu chuẩn và Chất lượng Việt Nam - VACI đánh giá và cấp với số hiệu VALAS 073.

- Bước 4: Thực hiện đánh giá, dự báo các tác động tiêu cực tới môi trường theo các giai đoạn thực hiện dự án.

- Bước 5: Xây dựng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố của dự án. Xây dựng chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án.

- Bước 6: Tổ chức tham vấn ý kiến cộng đồng (theo 3 hình thức theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

- Bước 7: Hoàn thiện báo cáo ĐTM của Dự án.

- Bước 8: Trình Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

+ Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính như: Đóng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đúng theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

+ Chủ dự án và đơn vị tư vấn có trách nhiệm tham dự Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Bước 9: Hoàn chỉnh nội dung báo cáo theo biên bản Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

*** Thông tin về đơn vị lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:**

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRÀ VINH

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 116, đường Mậu Thân, phường 9, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

- Người đại diện: Ông HUỖNH VĂN LỚT

Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0982600347



- Mã số thuế: 2100605852

- Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100605852 do phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Trà Vinh cấp lần đầu ngày 27/01/2016.

- Danh sách các thành viên trực tiếp tham gia lập Báo cáo ĐTM của dự án được thể hiện trong bảng sau:



Bảng 1. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập báo cáo

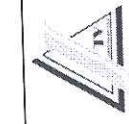
STT	Họ và tên	Chức vụ/Học vị	Chuyên ngành	Nội dung phụ trách	Chữ ký người tham gia lập báo cáo
I	CHỦ DỰ ÁN: CÔNG TY TNHH MTV NGUYỆT TÂM				
1	Trần Thanh Tâm	Giám đốc	-	Quản lý lập dự án	
II	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRÀ VINH				
1	Tiên Đức Huy	Phó Giám đốc	Kỹ thuật Môi trường	- Tổ chức lập báo cáo - Kiểm soát nội dung	
2	Bùi Văn Lâm	Phó Giám đốc	Kỹ thuật XD Dân dụng và Công nghiệp	Góp ý chung	
3	Ngô Hữu Lộc	Nhân viên	Trắc địa	Cán bộ khảo sát, đo vẽ	
4	Lê Thị Cẩm Linh	Nhân viên	Kỹ thuật Xây dựng công trình thủy	Cán bộ khảo sát, đo vẽ	
5	Sơn Minh Trí	Nhân viên	Kỹ thuật XD Công trình thủy	Phối hợp lấy mẫu; Tham vấn ý kiến cộng đồng	
6	Trần Thị Tú Uyên	Nhân viên	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Viết các chuyên đề báo cáo ĐTM	
7	Nguyễn Thanh Tuấn	Nhân viên	Công nghệ môi trường		
8	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Chuyên gia cố vấn	Khoa học môi trường		

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được xây dựng dựa trên các phương pháp sau:

Bảng 2. Các phương pháp thực hiện báo cáo ĐTM của dự án

STT	Tên phương pháp	Nội dung của phương pháp	Nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
I	Nhóm phương pháp ĐTM			
1	Phương pháp Bảng kiểm tra	<p>Đây là một trong các phương pháp cơ bản để nhận định các tác động môi trường và xã hội. Bảng kiểm tra (check list) là bảng thể hiện mối quan hệ giữa các hoạt động của dự án với các thông số môi trường có khả năng chịu tác động do dự án. Một bảng kiểm tra được xây dựng tốt sẽ bao quát được tất cả các vấn đề môi trường và xã hội của dự án, cho phép đánh giá sơ bộ mức độ tác động và định hướng các tác động cơ bản nhất của dự án.</p>	Xác định nguồn tác động tác, đối tượng bị tác động	Chương 3, 4
2	Phương pháp ma trận	<p>Ma trận môi trường là sự phát triển ứng dụng của bảng kiểm tra. Một ma trận cũng là sự đối chiếu từng hoạt động của dự án với từng thông số hoặc thành phần môi trường để đánh giá mối quan hệ nguyên nhân – hậu quả nhưng ở mức định lượng cao hơn.</p>	Đánh giá tác động của các nguồn ô nhiễm có liên quan và không liên quan đến chất thải đến môi trường vật lý, hệ sinh thái, tác động đến sinh hoạt của người dân	Chương 3, 4



STT	Tên phương pháp	Nội dung của phương pháp	Nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
3	Phương pháp mạng lưới	Phương pháp mạng lưới nhằm xác định các nguyên nhân và hậu quả của tác động bằng cách xác định mối quan hệ tương hỗ giữa nguồn tác động và các yếu tố môi trường bị tác động ở mức sơ cấp (tác động trực tiếp) và thứ cấp (tác động gián tiếp). Phương pháp này thường được thể hiện qua sơ đồ chuỗi nối tiếp, cho thấy các tác động sơ cấp, thứ cấp và hậu quả môi trường của dự án.	Xác định mối quan hệ giữa các hoạt động thực hiện dự án đến các nhân tố môi trường như nước mặt, không khí, giao thông đường bộ, sự cố môi trường	Chương 3, 4
4	Phương pháp đánh giá nhanh	Phương pháp đánh giá nhanh được nêu trong tài liệu do Alexander Economopolous biên tập và Tổ chức y tế thế giới (WHO) xuất bản lần đầu tiên năm 1993 có hiệu quả khá cao trong việc xác định tải lượng ô nhiễm, nồng độ ô nhiễm đối với các dự án khác nhau. Hiện nay phương pháp này đang được áp dụng thịnh hành trong phần lớn các báo cáo ĐTM tại Việt Nam.	Định lượng nguồn phát thải có liên quan đến bụi, khí thải, CTR sinh hoạt, CTNH, nước thải sinh hoạt, nước mưa.	Chương 3, 4
5	Phương pháp chuyên gia	Tận dụng trình độ uyên bác về lý luận, thành thạo về chuyên môn, phong phú về khả năng thực tiễn, nhạy bén của nhà khoa học thuộc các chuyên môn bao hàm hay nằm trong miền lân cận của đối tượng dự báo nhằm đưa ra những hướng dẫn đúng đắn, tiếp cận, dự báo tác động rõ ràng, chi tiết.	Áp dụng trong đánh giá tác động, xác định nguồn tác động từ hoạt động của dự án; trong tham vấn cộng đồng	Chương 3, 4, 5



STT	Tên phương pháp	Nội dung của phương pháp	Nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
II	Nhóm phương pháp khác			
1	Phương pháp so sánh	Dựa vào kết quả khảo sát, đo đạc tại hiện trường, kết quả phân tích trong phòng thí nghiệm và kết quả tính toán theo lý thuyết so sánh với tiêu chuẩn Việt Nam nhằm xác định chất lượng môi trường tại khu vực thực hiện dự án. Tham khảo tài liệu của các dự án tương tự đã được thực hiện trong nước và trong khu vực.	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chất lượng môi trường nền của dự án - So sánh các nội dung đánh giá về nước thải sinh hoạt, nước mưa, bụi, khí thải với QCVN - Đánh giá hiệu quả xử lý của các biện pháp, giải pháp giảm thiểu đề xuất 	Chương 2, 3
2	Phương pháp lấy mẫu, phân tích môi trường	Các phương pháp phân tích đo đạc được sử dụng là các phương pháp tiêu chuẩn đã được ban hành theo Việt Nam và quốc tế. Phòng thí nghiệm thực hiện chức năng phân tích, đo đạc được đảm bảo đầy đủ chức năng theo quy định của pháp luật. Số liệu quan trắc tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm được kiểm tra, tính toán và xử lý.	Đánh giá hiện trạng môi trường nền (nước mặt, không khí xung quanh, nước dưới đất, trầm tích nước ngọt)	Chương 2



STT	Tên phương pháp	Nội dung của phương pháp	Nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
3	Phương pháp điều tra, khảo sát	Tiến hành khảo sát thực địa tại dự án. Thu thập số liệu thông qua các câu hỏi, phỏng vấn trực tiếp, ghi nhận hiện trạng trực tiếp tại hiện trường và trong cuộc họp.	<ul style="list-style-type: none"> Tổng hợp thông tin về dự án (tứ cận, đối tượng tiếp giáp, đối tượng có khả năng bị ảnh hưởng). Hiện trạng về địa chất, thủy văn, khí tượng, kinh tế – xã hội của khu vực thực hiện dự án. 	Chương Mở đầu, 1, 2
4	Phương pháp thống kê, xử lý số liệu	Sau khi thu thập, các số liệu được thống kê với nhiều phương pháp như thống kê mô tả, thống kê suy diễn, ước lượng và trắc nghiệm, phân tích và được xử lý nhằm phân tích dữ liệu điều tra các yếu tố môi trường (không khí, nước dưới đất, nước mặt,...) phục vụ cho việc phân tích hiện trạng môi trường và đánh giá tác động môi trường.	<ul style="list-style-type: none"> Tổng hợp thông tin về dự án (công suất, công nghệ khai thác, nguyên vật liệu, con người, thiết bị, tiến độ thực hiện, vốn đầu tư). Tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, dữ liệu môi trường Tổng hợp các yếu tố đánh giá và biện pháp giảm thiểu đề xuất vào chương trình quản lý, giám sát môi trường 	Chương Mở đầu, 1, 2, 4, 5

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023)



5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

- Thông tin chung:

+ Tên dự án: Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên.

+ Chủ dự án: Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm.

+ Địa chỉ trụ sở của Chủ dự án: ấp Tân Thành, xã Long Khánh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

+ Địa điểm thực hiện dự án: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Phạm vi, quy mô, công suất:

+ Phạm vi thực hiện dự án: hoạt động vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên (từ 02 khu đất dôi dư thuộc thửa đất số 521, tờ bản đồ số 17, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh).

+ Quy mô, công suất:

Hoạt động cải tạo ao hồ đã hoàn thành theo đúng phương án được phê duyệt tại Công văn số 578/UBND-KT ngày 29/4/2022 của UBND huyện Duyên Hải về việc phê duyệt phương án xin cải tạo ao hồ của ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải và có phát sinh khối lượng đất dôi dư khoảng 17.842,57 m³, đang được bố trí thành 02 khu, ngay tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 17, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Cụ thể như sau:

- Khu 01: diện tích 4.100,22m², khối lượng đất dôi dư khoảng 8.205,66m³;
- Khu 02: diện tích 3.944,74m², khối lượng đất dôi dư khoảng 9.636,91 m³.

Phương án vận chuyển đất dôi dư sau cải tạo đất nông nghiệp được thực hiện theo Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc lập phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bãi chứa bùn và các thủ tục về môi trường có liên quan.

- Tổng diện tích các thửa khu đất cần vận chuyển đất dôi dư: 8.044,96m².

- Khối lượng đất cần lấy: $17.842,57 \text{ m}^3$.
- Diện tích bãi lưu chứa tạm: 11.847 m^2 .
- Thời gian thực hiện dự kiến: 12 tháng (trong đó: thời gian bơm đất, cát từ thửa đất cải tạo đến bãi lưu chứa tạm là 03 tháng), kể từ ngày đủ điều kiện khai thác, vận chuyển. Thời gian thực hiện trong tháng: 30 ngày (trừ nghỉ Tết theo quy định).
- Công suất bơm đất, cát dôi dư đến bãi lưu chứa tạm: $198,25 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Công suất vận chuyển đất dôi dư: $49,56 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- **Hoạt động của dự án và công nghệ thi công:** Quá trình thi công dự án được thực hiện bằng các phương tiện cơ giới chuyên dùng, bao gồm:

+ Hoạt động vận chuyển đất, cát dôi dư từ khu vực cải tạo đến bãi lưu chứa tạm thời tại thửa đất 1347, tờ bản đồ số 17 thuộc ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh bằng biện pháp dùng máy bơm và đường ống đặt dọc theo sông Cồn Cù, tuyến ống có tổng chiều dài 2.000m.

+ Hoạt động bốc dỡ đất dôi dư từ bãi tập kết tạm thời lên phương tiện vận chuyển: xe cuốc.

+ Hoạt động vận chuyển đất dôi dư đến nơi tiêu thụ trên địa bàn 04 xã đảo: xe ben (tải trọng vận chuyển 10 tấn ~ 5 m^3 ; tuyến đường vận chuyển chủ yếu là Quốc lộ 53B, với cự ly tối đa 20km).

- **Các hạng mục công trình:**

+ 02 khu đất dôi dư tại thửa đất sau khi cải tạo:

- Khu 01: diện tích $4.100,22 \text{ m}^2$, khối lượng đất dôi dư khoảng $8.205,66 \text{ m}^3$;
- Khu 02: diện tích $3.944,74 \text{ m}^2$, khối lượng đất dôi dư khoảng $9.636,91 \text{ m}^3$.

+ Tuyến đường ống bơm đất, cát dài 2.000m từ 02 khu bố trí đất dôi dư đến bãi tập kết tạm thời;

+ Bãi tập kết tạm thời, có thiết kế các ô thu, lắng và thoát nước.

+ Giao thông vận tải: chủ yếu là giao thông đường bộ, kết cấu hạ tầng đường bộ xuất phát từ dự án chuyên chủ yếu là Quốc lộ 53B, với cự ly tối đa 20km.

+ Hệ thống điện: Dự án khai thác chủ yếu vào ban ngày và công nhân không ở lại dự án nên không đầu tư hệ thống cấp điện.



+ Hệ thống PCCC: trang bị bình chữa cháy mini theo phương tiện khai thác và vận chuyển.

+ Hệ thống cấp nước: chủ yếu cung cấp vệ sinh cá nhân tại công trường, nước được lấy từ nguồn nước cấp tại địa phương (sử dụng nhờ các hộ dân lân cận).

+ Ngoài ra, dự án còn bố trí các hạng mục bảo vệ môi trường như sau:

- Hạng mục thu gom, lưu trữ CTNH: Chủ dự án sẽ bố trí 01 thùng chứa CTNH phù hợp với điều kiện thực tế tại bãi xe Công ty, đảm bảo các điều kiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- Hạng mục thoát nước mưa: nước mưa trong phạm vi bãi tập kết tạm thời được thu gom bằng các rãnh thoát nước dẫn về ao chứa và ao lắng trước khi thoát ra sông Cồn Cù.

- **Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:** Dự án có hoạt động chủ yếu là vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ được thực hiện tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh không có yếu tố nhạy cảm về môi trường (Căn cứ theo quy định tại khoản 4 điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Quá trình thực hiện dự án “Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên” sẽ phát sinh một số loại chất thải, từ đó gây tác động xấu nhất định đến chất lượng các thành phần môi trường, các đối tượng xung quanh cụ thể như sau:

Bảng 3. Hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Stt	Hạng mục công trình và hoạt động phát sinh chất thải	Các tác động đến môi trường	
		Nguồn tác động liên quan đến chất thải	Nguồn tác động không liên quan đến chất thải
1	Hoạt động bơm đất, cát dôi dư đến bãi tập kết tạm	- Nước thải	- Tiếng ồn, độ rung - An toàn giao thông - An toàn lao động - Sự cố tràn bờ bao bãi chứa

Stt	Hạng mục công trình và hoạt động phát sinh chất thải	Các tác động đến môi trường	
		Nguồn tác động liên quan đến chất thải	Nguồn tác động không liên quan đến chất thải
2	Hoạt động lưu chứa và vận chuyển đất sau cải tạo đến công trình có nhu cầu	- Bụi, khí thải - Chất thải rắn thông thường: Bùn đất rơi vãi - Nước mưa chảy tràn (quá trình lưu chứa chờ chờ đi).	- Tiếng ồn, độ rung - An toàn giao thông - An toàn lao động - Sụt lún đường giao thông - Sự cố sạt lở bờ bao
3	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	- Chất thải rắn sinh hoạt - Nước thải sinh hoạt	An ninh trật tự
4	Hoạt động sửa chữa máy móc, phương tiện	Chất thải nguy hại	- Tiếng ồn, độ rung

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023)

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo giai đoạn của dự án

Theo tính chất của dự án là hoạt động bốc dỡ và vận chuyển khối lượng đất dôi dư ra để thực hiện san lấp mặt bằng, khu vực thực hiện dự án là đất nuôi trồng thủy sản, trên mặt bằng dự án không có công trình và dự án triển khai không tiến hành xây dựng hạng mục công trình → Không đánh giá giai đoạn thi công, xây dựng.

Trong giai đoạn hoạt động, các tác động môi trường chính gồm có:

- Hoạt động bơm vật liệu về bãi chứa tạm thời: phát sinh nước thải từ hoạt động bơm.
- Hoạt động bốc dỡ lên xe ben: phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực dự án.
- Hoạt động vận chuyển đường bộ bằng xe ben: phát sinh bụi, khí thải tiếng ồn làm ảnh hưởng đến môi trường không khí theo tuyến vận chuyển, hoạt động sản xuất nông nghiệp, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn giao thông.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân: làm phát sinh nước thải sinh hoạt, rác sinh hoạt làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường đất, nước, không khí khu vực dự án.

- Yếu tố khí tượng: nước mưa chảy tràn → ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước mặt.

- Sự cố, tai nạn lao động, tai nạn giao thông → ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và công nhân, người dân khu vực dự án.

* Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì Dự án nằm ngoài danh mục dự án/cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Các tác động môi trường của dự án được tổng hợp như sau:

Bảng 4. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án

Stt	Loại chất thải	Nguồn phát sinh	Quy mô nguồn thải	Tính chất nguồn thải
1	Nước thải	Sinh hoạt của công nhân	Lưu lượng khoảng 0,448 m ³ /ngày	Chứa nhiều chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh vật gây bệnh
		Hoạt động bơm vật liệu vào bãi chứa	Tại tại thửa đất 1347 (bãi lưu chứa tạm) phát sinh 128 m ³ /ngày, trong 03 tháng	
		Nước mưa chảy tràn	Tại khu đất dôi dư (Thửa 521) phát sinh 128 m ³ /ngày, trong 03 tháng	Độ đục cao
			Tại tại thửa đất 1347 (bãi lưu chứa tạm) phát sinh 128 m ³ /ngày, trong 18 tháng	
2	Khí thải và bụi	Hoạt động của phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển	Khí thải phát sinh chứa nhiều các chất ô nhiễm: bụi, SO ₂ , NO _x , CO, THC	Nguồn thải di động, ô nhiễm phân tán
3	Chất thải rắn, chất thải nguy hại	Hoạt động sửa chữa phương tiện, thiết bị	Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 296 kg/năm	Bao gồm dầu nhớt thải, giẻ lau, có độc tính, có tính dễ cháy, có tính ăn mòn
		Hoạt động vận chuyển đường bộ	Khối lượng ước tính 0,1 m ³ /ngày	Bùn đất rơi vãi

Stt	Loại chất thải	Nguồn phát sinh	Quy mô nguồn thải	Tính chất nguồn thải
		Hoạt động sinh hoạt của công nhân	Ước tính khối lượng khoảng 5,6 kg/ngày	CTRSH có thành phần chủ yếu là hộp xốp, bao bì nylon, một số chất hữu cơ dễ phân huỷ như thức ăn thừa
4	Tiếng ồn, độ rung	Phương tiện cơ giới	Độ ồn phát sinh dao động trong khoảng 72 -94dBA Độ rung phát sinh dao động trong khoảng 74 – 75dB	Phát sinh liên tục và thường vượt giới hạn cho phép
5	<p>Các tác động khác bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - An ninh trật tự - An toàn giao thông - An toàn lao động - Sụt lún đường giao thông - Sự cố sạt lở bờ bao - Tác động đến hoạt động sản xuất của các ao nuôi tôm lân cận 			

5.4. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án

Bảng 5. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Stt	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Khối lượng	Thời gian thực hiện
1	Nước thải sinh hoạt	Sử dụng nhà vệ sinh của các cơ sở dịch vụ ăn uống xung quanh	-	Trong suốt thời gian thực hiện dự án (12 tháng tính từ ngày được cấp phép vận chuyển, tận thu)
2	Nước thải từ hoạt động bơm vật liệu vào bãi chứa	Nước thải thoát theo rãnh dẫn về ao chứa và ao lắng, sau đó thoát ra sông Cồn Cù	1.000m ²	03 tháng

Stt	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Khối lượng	Thời gian thực hiện
3	Nước mưa chảy tràn	Tại khu đất dôi dư (Thửa 521): Nước mưa chảy tràn xuống ao hiện hữu, lắng tự nhiên và thoát ra rạch tiếp giáp	-	03 tháng
		Tại tại thửa đất 1347 (bãi lưu chứa tạm): nước mưa thoát theo rãnh dẫn về ao chứa và ao lắng, sau đó thoát ra sông Cồn Cù	1.000m ²	18 tháng
4	Chất thải rắn sinh hoạt	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt	- 05 thùng dung tích 05 lít. - 01 thùng dung tích 20 lít.	Trong suốt thời gian thực hiện dự án (12 tháng tính từ ngày được cấp phép vận chuyển, tận thu)
		Đóng phí thu gom CTRSH	1 năm	
5	Chất thải nguy hại	- Thiết bị lưu chứa -Khu vực lưu chứa	04 thùng	Trong suốt thời gian thực hiện dự án (12 tháng tính từ ngày được cấp phép vận chuyển, tận thu)
		Thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý	296 kg	
6	Bụi, khí thải	Bạt che chắn trên phương tiện vận chuyển	-	
		Dụng cụ bảo hộ lao động	-	

➤ Về thu gom và xử lý nước thải nước thải sinh hoạt:

Chủ dự án sử dụng công nhân là người địa phương nên chỉ làm việc theo ca không có lưu trú tại dự án, dự án không bố trí khu vực sinh hoạt cho công nhân nên lượng nước thải phát sinh được thu gom và xử lý tại hộ gia đình. Trong thời gian làm việc tại dự án (8 giờ/ngày) chủ yếu là 04 công nhân lái xe

cuộc sẽ sử dụng chung nhà vệ sinh của chủ 02 thửa đất, và sử dụng nhà vệ sinh của các cơ sở dịch vụ ăn uống gần khu vực dự án. Đối với công nhân lái xe, lái tàu di chuyển thường xuyên nên sử dụng nhà vệ sinh của các cơ sở dịch vụ ăn uống theo tuyến đường vận chuyển.

➤ **Về thu gom và xử lý nước thải nước thải từ hoạt động bơm vật liệu về bãi chứa:**

Toàn bộ nước thải phát sinh từ bãi chứa tại thửa 521 đều được dẫn qua cửa xả vào ao nuôi để lắng tự nhiên. Đối với thửa 1347, toàn bộ nước thải từ bãi chứa được thu gom theo mương dẫn vào ao lắng, ao chứa 1.000 m² thuộc phạm vi thửa đất 1347 để lắng tự nhiên, sau đó nước đã qua lắng thoát ra sông Cồn Cù. Trong suốt thời gian thực hiện cải tạo bằng biện pháp sên bùn, không thải nước ra môi trường bên ngoài.

➤ **Về xử lý bụi, khí thải:**

- Tất cả các thiết bị thi công cơ giới phải được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ theo quy định và đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng các loại máy móc quá cũ, kém chất lượng

- Các thiết bị hoạt động phải sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (không quá 0,5%S), chủ dự án sử dụng nhiên liệu dầu Diesel có hàm lượng lưu huỳnh 0,25%.

➤ **Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý CTNH**

Thu gom và xử lý theo quy định tại của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí 02 thùng chứa bằng nhựa cứng loại 120 lít, 02 thùng chứa bằng nhựa loại 60 lít để lưu chứa CTNH.

- Bố trí khu vực lưu chứa CTNH tại bãi tập kết VLXD của Công ty.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đã được cấp giấy phép vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đến vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định.

➤ **Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

- Trang bị 08 thùng rác dung tích 05 lít trên mỗi phương tiện thi công, vận chuyển (04 xe cuốc, 04 xe ben). Sà lan bố trí 01 thùng nhựa 20 lít để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Cuối ngày bố trí nhân công thu gom rác mang bỏ vào thùng rác công cộng.

- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo quy định.



➤ **Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn**

- Thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng động cơ của các thiết bị phương tiện thi công. Sử dụng nhiên liệu dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ để giảm thiểu ô nhiễm không khí và gây ồn.

- Đối với người lao động trực tiếp trong công trường cần được trang bị bảo hộ lao động để đảm bảo sức khỏe.

➤ **Giảm thiểu rủi ro**

❖ **Tai nạn lao động**

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân cho công nhân
- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo trì thường xuyên.
- Bố trí thời gian làm việc hợp lý
- Các thiết bị, phương tiện phải được kiểm định.
- Tập huấn về an toàn lao động cho nhân viên, xử lý nghiêm các trường hợp không tuân thủ an toàn lao động: không tuân thủ bảo hộ lao động, uống rượu bia trong thời gian làm việc, đùa nghịch,...

❖ **Tai nạn giao thông**

- Các phương tiện máy móc, thiết bị sử dụng đều được kiểm định về chất lượng, an toàn khi vận hành; Trong suốt thời gian hoạt động, chủ dự án phải thực hiện đúng phương án, biện pháp, thời gian hoạt động đã được phê duyệt, phải đảm bảo an toàn giao thông suốt;

- Tuyên truyền, nhắc nhở nhân viên phải tuân thủ đúng quy định về an toàn giao thông đường thủy và đường bộ (phạm vi lưu thông, tốc độ lưu thông, báo hiệu an toàn, ...).

- Phương tiện vận chuyển đường thủy đảm bảo được neo đậu chắc chắn, không bị xô dịch làm ảnh hưởng đến giao thông thủy.

❖ **Giảm thiểu sự cố rò rỉ dầu, nhớt:**

- Tạm dừng ngay hoạt động của các phương tiện thi công và vận chuyển khối lượng đất bốc dỡ bị rò rỉ dầu nhớt để giảm tình trạng lan tràn ra khu vực xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra; bảo trì, bảo dưỡng và thay thế phụ tùng của phương tiện thi công và vận chuyển.

- Tiến hành phối hợp với chính quyền địa phương đánh giá mức độ thiệt hại về sản xuất của người dân đặc biệt là các hộ dân nuôi thủy sản khu vực và môi trường. Đồng thời thực hiện bồi hoàn thiệt hại (nếu có).



5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn

- Số lượng mẫu giám sát: 02 mẫu.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại bãi tập kết tạm.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thành phần giám sát: chất thải rắn sinh hoạt, bùn đất rơi vãi và CTNH.
- Nội dung giám sát: khối lượng, công tác thu gom, phân loại và xử lý tại khu vực dự án.

Quan trắc, giám sát môi trường khác

Giám sát thường xuyên khu vực ao cải tạo, khu vực bãi tập kết tạm, tuyến đường vận chuyển về tính an toàn, sự cố sụt lún, sạt lở phát sinh.

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin về dự án

1.1.1. Tên dự án

“Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên”

1.1.2. Chủ dự án, nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án

a. Chủ dự án

- Chủ dự án: Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm
- Địa chỉ: ấp Tân Thành, xã Long Khánh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện: Ông Trần Thanh Tâm; Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0918117925.

b. Nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án

Nguồn vốn thực hiện dự án: Tổng mức đầu tư dự án: **1.229.394.000** đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi chín triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Nguồn vốn thực hiện của dự án là vốn tự có của Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm.

Tiến độ thực hiện: Thời gian thực hiện là 12 tháng, (tính từ ngày được UBND tỉnh cấp phép khai thác vận chuyển và tận thu đất dôi dư).

1.1.3. Vị trí địa lý

Dự án “Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên” tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh thuộc thửa đất số 521, tờ bản đồ số 17 của hộ ông Mai Văn Yên (vị trí đất dôi dư) và thửa đất 1347 tờ bản đồ số 17 của Ông Nguyễn Văn Cát (vị trí lưu chứa tạm thời). Với vị trí như sau:

- Vị trí 02 khu đất dôi dư sau khi cải tạo tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 17:
 - Phía Bắc giáp đất nông nghiệp của hộ ông Đoàn Văn Giang;
 - Phía Đông giáp thửa đất nuôi trồng thủy sản của ông Mai Văn Yên;
 - Phía Nam giáp các ao nuôi hiện hữu của ông Mai Văn Yên;
 - Phía Tây giáp đất nông nghiệp của ông Trương Văn Nghĩa.

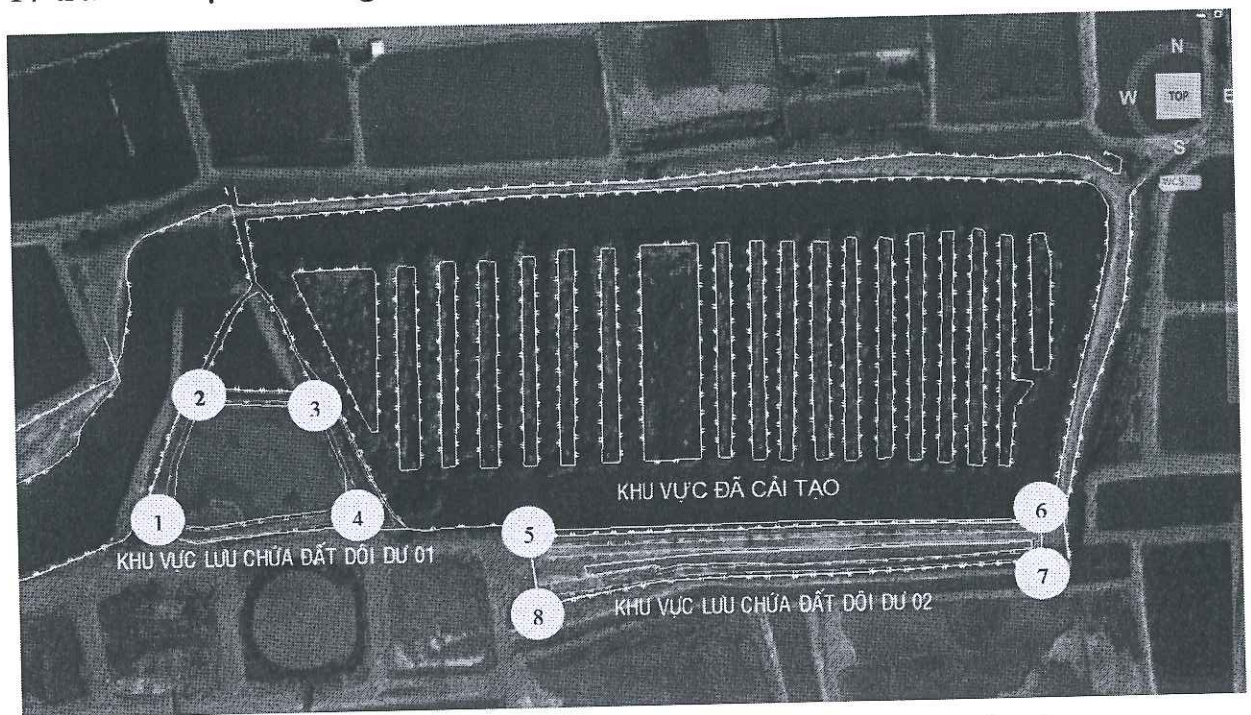
- Các đối tượng xung quanh khu đất dôi dư và ao cải tạo của ông Mai Văn Yên trong bán kính 300 m: chủ yếu là ao nuôi thủy sản và đất nông nghiệp, không có nhà dân.

- Tọa độ giới hạn của 02 khu đất dôi dư sau cải tạo như sau

Bảng 6. Tọa độ khu vực cải tạo thửa đất số 521 tờ bản đồ số 17

Stt	Ký hiệu điểm	Tọa độ VN-2000	
		X (m)	Y (m)
Khu vực lưu chứa đất dôi dư 01			
1	1	1058124,4	607281,9
2	2	1058176,2	607303,0
3	3	1058174,2	607348,3
4	4	1058123,0	607380,4
Khu vực lưu chứa đất dôi dư 02			
5	5	1058118,0	607425,7
6	6	1058124,4	607618,2
7	7	1058108,9	607628,2
8	8	1058092,2	607425,6

- Vị trí khu vực cải tạo và chứa đất dôi dư tại thửa đất số 521 tờ bản đồ số 17 trên ảnh vệ tinh Google Earth:



Hình 1. Vị trí khu vực cải tạo và chứa đất dôi dư tại thửa đất số 521 tờ bản đồ số 17 trên ảnh vệ tinh Google Earth

➤ Vị trí bãi lưu chứa tạm thời tại thửa đất 1347 tờ bản đồ số 17:

- Phía Bắc giáp Quốc lộ 53B;
- Phía Đông giáp ao nuôi tôm công nghệ cao;
- Phía Nam giáp sông Cồn Cù;
- Phía Tây giáp bãi đất trống.

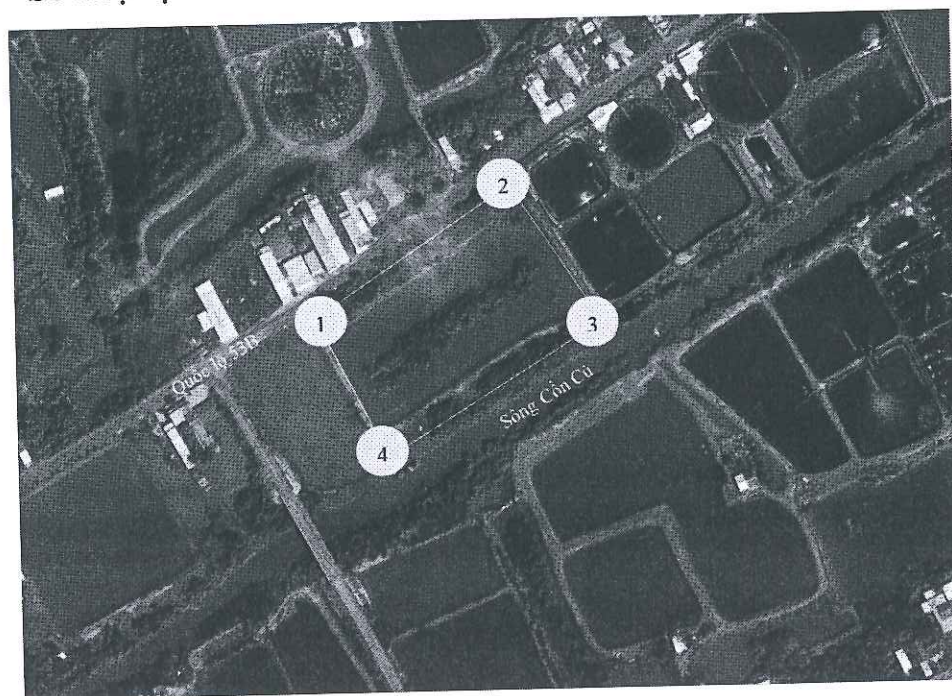
- Khu vực bố trí bãi lưu chứa tạm thời của dự án nằm giáp tuyến Quốc lộ 53B và giáp sông Cồn Cù, thuận lợi cho việc vận chuyển và thoát nước của dự án. Trong bán kính 300m có 12 hộ dân sinh sống, chủ yếu tập trung xung quanh tuyến Quốc lộ 53B. Ngoài ra còn có các hoạt động nuôi trồng thủy sản của các hộ dân lân cận.

- Tọa độ vị trí giới hạn của bãi lưu chứa tạm thời tại thửa đất 1347 tờ bản đồ số 17:

Bảng 7. Tọa độ khu vực cải tạo thửa đất số 1347 tờ bản đồ số 17

STT	Ký hiệu điểm	X (m)	Y (m)
Tọa độ khu vực bãi lưu chứa			
1	1	1059541	608686
2	2	1059604	608787
3	3	1059537	608829
4	4	1059471	608726

- Sơ hoạ vị trí thửa đất 1347 trên ảnh vệ tinh Google Earth



Hình 2. Vị trí thửa đất số 1347 trên ảnh vệ tinh Google Earth

1.1.4. Hiện trạng quản lý và sử dụng đất của dự án

- Thửa đất số 521, tờ bản đồ số 17 (khu đất cải tạo):

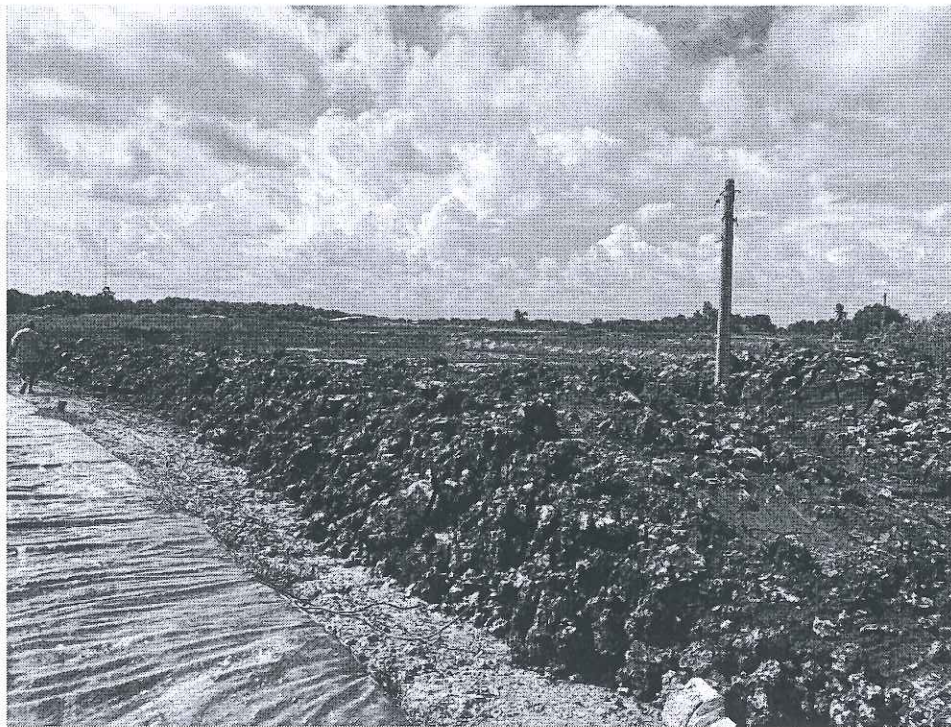
+ Khu đất cải tạo của hộ ông Mai Văn Yên là khu đất nuôi trồng thủy sản, đã được phê duyệt phương án cải tạo ao hồ tại Công văn số 578/UBND-KT ngày 29/4/2022 của UBND huyện Duyên Hải.

+ Quá trình cải tạo đã thực hiện đúng theo lịch thời vụ trong năm theo Công văn số 1350/UBND-KT ngày 13/9/2023 của UBND huyện Duyên Hải về việc cải tạo ao, khu nuôi và lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023-2024 trên địa bàn huyện Duyên Hải.

+ Hiện nay, tại khu vực cải tạo thuộc thửa đất số 521, tờ bản đồ số 17 đã được cơ quan chức năng và địa phương xác nhận hoàn thành cải tạo và có phát sinh đất dôi dư bố trí trong thửa đất. Cụ thể như sau:

- Khu 01: diện tích 4.100,22m², khối lượng đất dôi dư khoảng 8.205,66m³;
- Khu 02: diện tích 3.944,74m², khối lượng đất dôi dư khoảng 9.636,91 m³.

+ Vị trí các khu đất dôi dư nằm sâu trong khu đất của hộ ông Mai Văn Yên, xung quanh chủ yếu là đất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, không tiếp giáp với các đối tượng tự nhiên – kinh tế, xã hội. Ngoài ra, trong bán kính 300m, không có hộ dân nào sinh sống.



Hình 3. Khu đất dôi dư số 01, tháng 11 năm 2023



Hình 4. Khu đất dôi dư số 01, tháng 11 năm 2023

- Thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 17 (bãi lưu chứa tạm thời):
 - + Thửa đất có diện tích 11.847 m² được ông Mai Văn Yên ký hợp đồng thuê đất của ông Nguyễn Văn Cát. Thời hạn thuê là 2 năm.
 - + Khu đất có vị trí giao thông thuận lợi, phía Bắc giáp Quốc lộ 53B, phía Nam giáp sông Cồn Cù.
 - + Khu vực bố trí bãi lưu chứa tạm thời của dự án nằm giáp tuyến Quốc lộ 53B và giáp sông Cồn Cù, thuận lợi cho việc vận chuyển và thoát nước của dự án. Trong bán kính 300m có 12 hộ dân sinh sống, chủ yếu tập trung xung quanh tuyến Quốc lộ 53B. Ngoài ra còn có các hoạt động nuôi trồng thủy sản của các hộ dân lân cận.
- Nhìn chung, hoạt động sản xuất của người dân xung quanh khu vực dự án chủ yếu là nuôi tôm theo hình thức quảng canh cải tiến và bán thâm canh. Loại hình hoạt động của dự án là bốc dỡ, vận chuyển khối lượng đất, cát dôi dư sau cải tạo ao hồ với khối lượng là 17.842,57 m³. Các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án tương đối ít nên có ảnh hưởng không đáng kể đối với hoạt động sản xuất của người dân.

Hệ thống giao thông trong khu vực dự án đối với đường bộ chủ yếu là Quốc lộ 53B, đường hành lang biển, đê Hải Thành Hòa, đường nối đê Hải Thành Hoà và QL.53B; đối với hệ thống thủy lợi xung quanh khu vực có Luồng

Sông Hậu, sông Cồn Cù (rạch Láng Cháo) và mạng lưới kênh rạch phát triển giao thông đường thủy và cung cấp nước và phục vụ nuôi thủy sản của khu vực.

Dự án không nằm trong khu bảo tồn hay vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên của tỉnh Trà Vinh.

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

a. Khoảng cách từ dự án đến khu dân cư

- Đối với khu đất dôi dư: Dân cư thưa thớt, trong bán kính 500m không có hộ dân sinh sống, xung quanh chủ yếu là các ao nuôi tôm theo hình thức quảng canh cải tiến và bán thâm canh và một số vườn cây nông nghiệp.

- Đối với khu vực bãi lưu chứa tạm thời: Trong bán kính 300m có 12 hộ dân sinh sống, chủ yếu tập trung xung quanh tuyến Quốc lộ 53B. Khoảng cách tới khu dân cư gần nhất là 50m về phía Bắc (đọc Quốc lộ 53B). Ngoài ra còn có các hoạt động nuôi trồng thủy sản của các hộ dân lân cận.

b. Khoảng cách từ dự án tới khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường là các khu vực được quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trên cơ sở rà soát quy định trên và tính chất, vị trí địa lý của dự án thì dự án không tiếp giáp với khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

1.1.6. Mục tiêu, quy mô, công suất, công nghệ và loại hình dự án

a. Mục tiêu

Trong quá trình nuôi tôm hàng năm khối lượng bùn đáy ao phát sinh rất lớn định kỳ người nuôi tôm phải thực hiện cải tạo vét lượng bùn đáy. Khối lượng bùn đáy sẽ được lưu chứa và gia cố bờ bao của các ao nuôi tôm, đến thời điểm hiện nay các bờ bao cao và không còn khả năng chứa bùn và khó khăn trong công tác cải tạo ao nuôi tôm, cũng như mở rộng diện tích ao. Do đó, cần phải bốc dỡ khối lượng đất dôi dư để thực hiện mở rộng diện tích nuôi đồng thời có nơi lưu chứa bùn cho quá trình cải tạo ao nuôi tôm (sên bùn đáy ao) của vụ mùa tiếp theo.

Bên cạnh đó, nhu cầu san lấp mặt bằng để xây dựng các công trình xây dựng dân dụng là rất lớn nên dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ” là cần thiết. Mục tiêu của dự án là tận dụng phần đất dôi dư ra trong quá trình cải tạo ao nuôi thủy sản dùng để san lấp mặt bằng nhằm phát triển nuôi trồng thủy sản của địa phương, đồng thời tận thu và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, góp phần bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả

kinh tế cho chủ đất đồng thời đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua thuế, phí.

b. Quy mô, công suất

Dự án “Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên” được thực hiện với quy mô và thời gian cụ thể như sau:

❖ 02 khu đất dôi dư sau khi cải tạo tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 17:

+ Khu 01: diện tích $4.100,22\text{m}^2$, khối lượng đất dôi dư khoảng $8.205,66\text{m}^3$;

+ Khu 02: diện tích $3.944,74\text{m}^2$, khối lượng đất dôi dư khoảng $9.636,91\text{m}^3$.

+ Khối lượng đất, cát tổng cộng của 02 khu là $17.842,57\text{m}^3$. Được vận chuyển tới bãi tập kết tạm thời bằng máy bơm bùn thông qua tuyến ống dẫn dài 2.000m . Thời gian bơm dự kiến: 03 tháng đầu của giai đoạn khai thác.

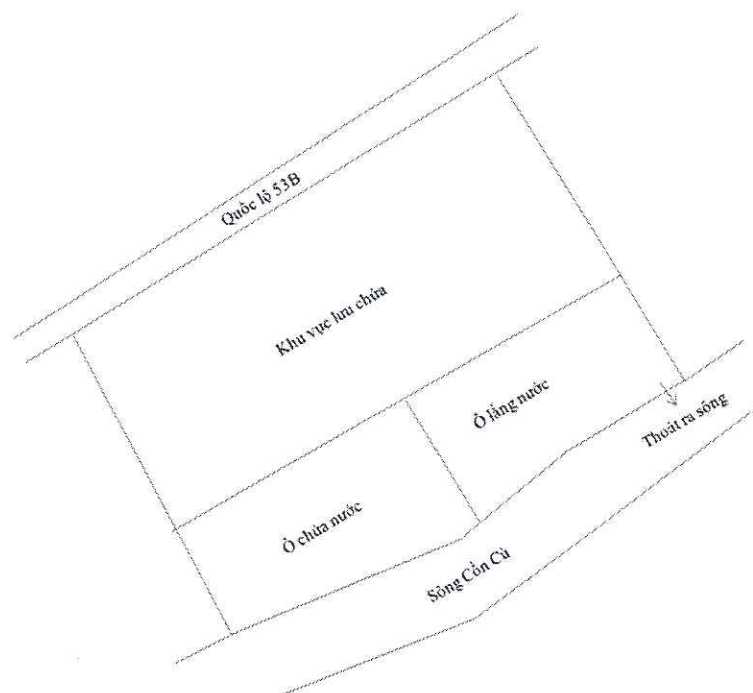
❖ Bãi lưu chứa tạm thời tại thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 17:

+ Diện tích: 11.847m^2 .

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 9.847m^2 .

+ Cụm ao chứa và ao lắng thoát nước: 2.000m^2 .

+ Xung quanh thiết kế các rãnh thoát nước $0,5*0,5*0,5\text{m}$.



Hình 5. Thiết kế sơ bộ bãi lưu chứa tạm thời (thửa 1347)

→ Quy mô, công suất của dự án được tổng hợp như sau:

+ Tổng diện tích các thửa khu đất cần vận chuyển đất dôi dư: 8.044,96m².

+ Khối lượng đất cần lấy: 17.842,57 m³.

+ Diện tích bãi lưu chứa tạm: 11.847 m².

+ Thời gian thực hiện dự kiến: 12 tháng (trong đó: thời gian bơm đất, cát từ thửa đất cải tạo đến bãi lưu chứa tạm là 03 tháng), kể từ ngày đủ điều kiện khai thác, vận chuyển. Thời gian thực hiện trong tháng: 30 ngày (trừ nghỉ Tết theo quy định).

+ Thời gian thực hiện bốc dỡ và vận chuyển khối lượng đất dôi dư của dự án là 8 giờ/ngày. Thời điểm thực hiện trong ngày sáng 7h – 11h; chiều 13h – 17h.

+ Công suất bơm đất, cát dôi dư đến bãi lưu chứa tạm: 198,25 m³/ngày.

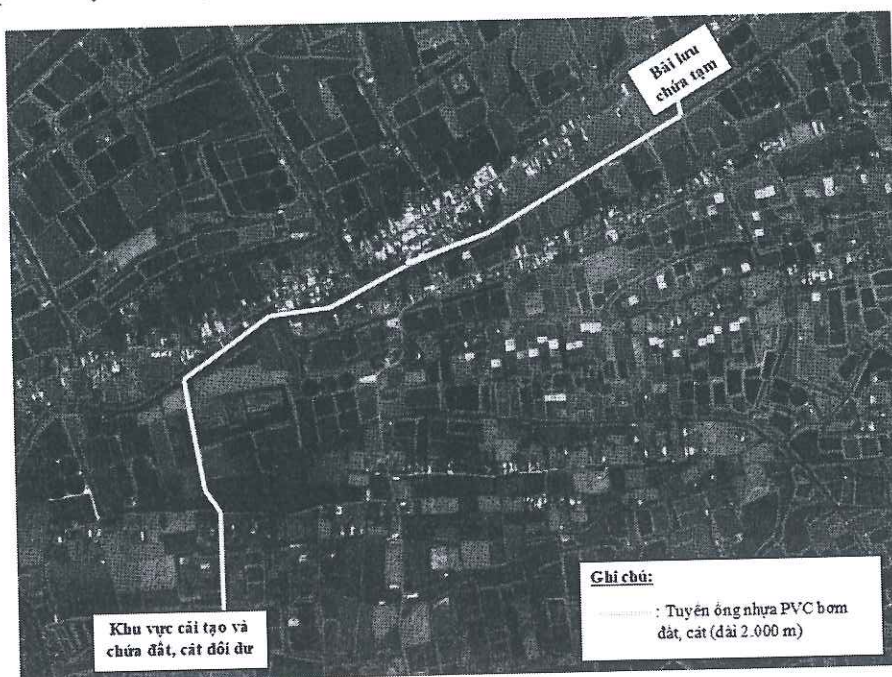
+ Công suất vận chuyển đất dôi dư: 49,56 m³/ngày.

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.2.1. Các hạng mục công trình chính

Dự án chủ yếu thực hiện hạ độ cao, bốc dỡ và vận chuyển lượng đất dôi dư ra khỏi 02 khu đất, cát dôi dư (thửa 521) bằng máy bơm thông qua tuyến ống dài 2.000m đến bãi lưu chứa tạm thời (thửa 1347), sau đó vận chuyển đất, cát đến nơi tiêu thụ.

+ Tuyến đường ống bơm đất, cát dài 2.000m từ 02 khu bố trí đất dôi dư đến bãi tập kết tạm thời;



Hình 6. Hình ảnh vệ tinh mô tả vị trí đặt tuyến ống

- + Bãi tập kết tạm thời, có thiết kế các ô thu, lắng và thoát nước.
- + Khối lượng đất bốc dỡ và vận chuyển là 17.842,57m³.
- + Phương tiện sử dụng:

Danh mục phương tiện sử dụng

STT	Phương tiện, thiết bị thi công	Số lượng	Phục vụ công tác
01	Xe cuốc	01	Đào đất cát, bốc dỡ lên xe tải ben
02	Xe tải ben 3,5T	5	Vận chuyển
03	Máy bơm bùn	01	Bơm đất, cát ra bãi lưu chứa
04	Tuyến ống	2.000m	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm, 2023)

1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

+ Giao thông vận tải: chủ yếu là giao thông đường bộ, kết cấu hạ tầng đường bộ xuất phát từ dự án chuyển chủ yếu là Quốc lộ 53B, với cự ly tối đa 20km.

+ Hệ thống điện: Dự án khai thác chủ yếu vào ban ngày và công nhân không ở lại dự án nên không đầu tư hệ thống cấp điện.

+ Hệ thống PCCC: trang bị bình chữa cháy mini theo phương tiện khai thác và vận chuyển.

+ Hệ thống cấp nước: chủ yếu cung cấp vệ sinh cá nhân tại công trường, nước được lấy từ nguồn nước cấp tại địa phương (sử dụng nhờ các hộ dân lân cận).

+ Ngoài ra, dự án còn bố trí các hạng mục bảo vệ môi trường như sau:

- Hạng mục thu gom, lưu trữ CTNH: Chủ dự án sẽ bố trí 01 thùng chứa CTNH phù hợp với điều kiện thực tế tại bãi xe Công ty, đảm bảo các điều kiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT .
- Hạng mục thoát nước mưa: nước mưa trong phạm vi bãi tập kết tạm thời được thu gom bằng các rãnh thoát nước dẫn về ao chứa và ao lắng trước khi thoát ra sông Cồn Cù.

1.2.3. Các hoạt động của dự án

Dự án bao gồm các hoạt động sau:

+ Hoạt động vận chuyển đất, cát dôi dư từ khu vực cải tạo đến bãi lưu chứa tạm thời tại thửa đất 1347, tờ bản đồ số 17 thuộc ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh bằng biện pháp dùng máy bơm và đường ống đặt dọc theo sông Cồn Cù, tuyến ống có tổng chiều dài 2.000m.



+ Hoạt động bốc dỡ đất dôi dư từ bãi tập kết tạm thời lên phương tiện vận chuyển.

+ Hoạt động vận chuyển đất dôi dư đến nơi tiêu thụ trên địa bàn 04 xã đảo.

1.2.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: dự án không có xây dựng công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt. Do dự án không bố trí khu vực lưu trữ cho công nhân, công nhân sử dụng chung nhà vệ sinh của chủ đất và các cơ sở ăn uống gần khu vực dự án.

- Công trình xử lý nước thải sản xuất: Khu vực bãi lưu chứa vật liệu tạm thời thiết kế như sau: đắp bờ bao bằng xe cuốc xung quanh toàn bộ khu đất làm bãi chứa. Kích thước bờ bao: Chiều cao 0,5 m, bề rộng mặt đường bờ bao 1,0 m, góc taluy bờ bao 1:1, tận dụng phần đất còn lại chưa san lấp làm 1 ao chứa và 1 ao lắng. Lượng nước thải chỉ phát sinh 03 tháng đầu trong thời gian vận chuyển, khai thác.

- Công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt: bố trí thùng chứa rác sinh hoạt loại nhỏ trên cabin của các phương tiện thi công và vận chuyển.

- Công trình lưu chứa CTNH: Chủ dự án bố trí thiết bị thu gom và lưu chứa CTNH tại bãi tập kết vật liệu xây dựng của Công ty gồm 02 thùng nhựa loại 60 lít chứa giẻ lau dính dầu nhớt, và các loại CTNH khác, 02 thùng 120 lít để chứa các loại dầu thải theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

1.2.5. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Dự án sử dụng phương tiện cơ giới là chủ yếu. Thông qua quá trình đốt nhiên liệu của động cơ sẽ phát thải ra môi trường một lượng khí thải, bên cạnh đó có tiếng ồn và độ rung. Nhìn chung nguồn thải sẽ gây tác động nhất định đến các thành phần môi trường, tuy nhiên dự báo ở mức không đáng kể.

Dự án phát sinh lượng lớn nước thải từ hoạt động sên bùn. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ diễn ra vào đúng lịch thời vụ cải tạo ao hồ của UBND huyện Duyên Hải, nên tác động này ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản là không đáng kể.

Việc triển khai dự án góp phần phát triển sản xuất nuôi tôm của chủ đất, đồng thời tận thu đất dôi dư (khoáng sản) góp phần vào việc sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, tăng nguồn thu ngân sách, tạo nguồn thu cho nhà đầu tư (chủ dự án).

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

❖ Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của dự án

Nhu cầu nhiên liệu chủ yếu là dầu Diesel cho các phương tiện trong quá trình bốc dỡ đất và vận chuyển đất đến vị trí bãi tập kết vật liệu xây dựng của Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Cụ thể được trình bày như sau:

Bảng 8. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho thiết bị, phương tiện của dự án

STT	Nguyên – nhiên liệu	Số lượng (hoạt động)	Định mức (lít/ca)	Tổng khối lượng (lít/ca)
1	Xe ben (10 tấn)	5	57	285
2	Máy cuốc (dung tích gầu 0,8 m ³)	1	65	65
3	Máy bơm bùn 350 cv	1	127	127
	Tổng			477

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm, 2023)

❖ Nhu cầu sử dụng nước

Dự án không bố trí khu vực sinh hoạt cho công nhân, nước sinh hoạt của công nhân chủ yếu sử dụng tại các cơ sở ăn uống gần khu vực dự án và nhà của chủ đất. Với tổng số công nhân làm việc tại dự án là 07 người trong đó chủ yếu là sinh hoạt của 01 công nhân lái xe cuốc và 01 quản lý dự án, đối với công nhân lái xe ben sẽ sử dụng nước tại các cơ sở dịch vụ ăn uống trên đường vận chuyển. Nhu cầu nước sinh hoạt cho 07 công nhân khoảng 560 lít/ngày. Lượng nước này các cơ sở dịch vụ ăn uống và nhà của chủ đất hoàn toàn đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân.

❖ Các sản phẩm của dự án

Dự án là tận thu đất dôi dư ra sau cải tạo để phục vụ việc san lấp công trình. Do đó, sản phẩm của dự án là 17.842,57 m³ đất được bơm từ thửa đất số 521 đến tập kết tạm thời tại thửa đất số 1347, sau đó được bốc dỡ, vận chuyển làm vật liệu san lấp cho các công trình có nhu cầu trên địa bàn 04 xã đảo.

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

- Quá trình thi công dự án được thực hiện bằng các phương tiện cơ giới chuyên dùng, bao gồm:

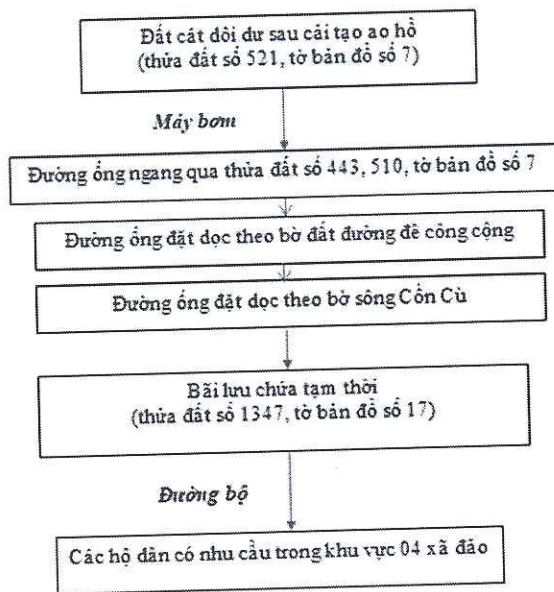
+ Hoạt động vận chuyển đất, cát dôi dư từ khu vực cải tạo đến bãi lưu chứa tạm thời tại thửa đất 1347, tờ bản đồ số 17 thuộc ấp Cồn Cù, xã Đông Hải,



huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh bằng biện pháp dùng máy bơm và đường ống đặt dọc theo sông Cồn Cù, tuyến ống có tổng chiều dài 2.000m.

+ Hoạt động bốc dỡ đất dôi dư từ bãi tập kết tạm thời lên phương tiện vận chuyển: xe cuốc.

+ Hoạt động vận chuyển đất dôi dư đến nơi tiêu thụ trên địa bàn 04 xã đảo: xe ben (tải trọng vận chuyển 10 tấn ~ 5 m³; tuyến đường vận chuyển chủ yếu là Quốc lộ 53B, với cự ly tối đa 20km).



Hình 7. Sơ đồ quy trình vận hành dự án

❖ Thuyết minh quy trình

Để thực hiện bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra tại 02 thửa đất của dự án. Chủ dự án thực hiện theo quy trình như sau:

Đất, cát dôi dư sau cải tại ao hồ (thửa đất số 521, tờ bản đồ số 07) → Máy bơm → Đường ống đặt ngang qua đất hộ ông Lê Văn Thái (thửa đất số 443, 510, tờ bản đồ số 7) → Đường ống đặt dọc theo bờ đất đường đê công cộng → Đường ống đặt dọc theo sông Cồn Cù → Địa điểm lưu chứa tạm thời (được Chủ dự án hợp đồng thuê đất của ông Nguyễn Văn Cát tại thửa đất 1347 tờ bản đồ số 17) → Vận chuyển đến các đơn vị có nhu cầu san lấp mặt bằng trên địa bàn 04 xã đảo.

1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

a. Tiến độ:

Dự án vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ được thực hiện trong thời gian 12 tháng tính từ ngày được UBND tỉnh cấp phép vận chuyển tận thu bùn đất dôi dư. Dự kiến từ tháng 9/2023, cụ thể như sau:

Bảng 9. Tiến độ thực hiện dự án

Hạng mục dự án	Năm 2023		2024
	Tháng 11-12	Tháng 1 - 3	Tháng 1 - 12
Lập hồ sơ thủ tục về môi trường và các vấn đề có liên quan			
Xác định vị trí bốc dỡ lượng đất dôi dư ra			
Bơm đất, cát dôi dư đến bãi tập kết tạm thời			
Bốc dỡ, vận chuyển đến đơn vị có nhu cầu từ bãi tập kết tạm thời			

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm, 2023)

- Thời gian thực hiện bốc dỡ và vận chuyển khối lượng đất dôi dư của dự án là 8 giờ/ngày.

- Thời điểm thực hiện trong ngày sáng 7h – 11h; chiều 13h – 17h.

b. Nguồn vốn:

Tổng mức đầu tư dự án: **1.020.123.500 đồng** (Một không trăm hai mươi triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng). Nguồn vốn thực hiện của dự án là vốn tự có của Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm

Bảng 10. Tổng hợp vốn đầu tư thực hiện dự án

STT	Nội dung	Đơn giá (đồng/m ³)	Trữ lượng làm tròn (m ³)	Thành tiền (đồng)
I	Chi phí thi công			762.500.000
1.1	Chi phí phương tiện, máy móc	15.000	17.500	262.500.000
1.2	Nhân công	20.000	17.500	350.000.000
1.3	Chi phí khác			150.000.000
II	Các khoản thuế, phí theo quy định			164.885.000



2.1	Tiền cấp quyền	2.173	17.500	38.027.500
2.2	Thuế tài nguyên	5.929	17.500	103.757.500
2.3	Phí bảo vệ môi trường	1.320	17.500	23.100.000
III	Tổng (I) + (II)			927.385.000
IV	Thuế VAT (10%II)			92.738.500
V	Tổng chi phí			1.020.123.500

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm, 2023)

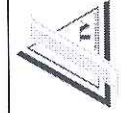


Bảng 11. Phương pháp tính thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác

TT	Nội dung	Công thức	Giá trị (đồng/m ³)	Cơ sở xác định
1	Phương pháp tính: Phí bảo vệ môi trường	$F = ((Q_1 * F_1) + (Q_2 * F_2)) * K$	1.320	Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
	F: Là số phí bảo vệ môi trường trong kỳ phải nộp			
	Q ₁ : Là số lượng đất đá bóc xúc thải ra trong kỳ nộp phí (m ³)	1		
	Q ₂ là số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ (tấn hoặc m ³);	-		
	f1 là mức phí đối với số lượng đất đá bóc xúc thải ra: 2000đồng/m ³ (tận thu tính 60%)	1.200		Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
	f2 là mức phí tương ứng của từng loại khoáng sản khai thác (đồng/tấn hoặc đồng/m ³);	-		
	K là hệ số tính phí theo phương pháp khai thác	1,1		Khai thác lộ thiên (bao gồm cả khai thác bằng sức nước như khai thác titan, cát, sỏi lòng sông): K = 1,1;



TT	Nội dung	Công thức	Giá trị (đồng/m ³)	Cơ sở xác định
2	<p>Phương pháp tính thuế tài nguyên với bùn tận thu</p> <p>T: Thuế tài nguyên phải nộp</p> <p>Q1: Là số lượng đất đá bóc xúc tận thu trong kỳ nộp phí (m³)</p> <p>G: Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đồng/m³) = 70.000x1,21(hệ số nở ròi) = 84.700đ/m³</p> <p>Ts: Thuế suất</p>	$T_{tn} = Q1 * G_{tn} * Ts$ 84.700 7%	5.929	<p>Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Trà Vinh quy định giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh)</p> <p>Quy định tại mục II,1 nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH 13 ngày 10/12/2015 (Đất khai thác để san lấp xây dựng công trình)</p> <p>Nghị định số: 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ Quy định về Phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</p>
3	<p>Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</p> <p>T: Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, đơn vị tính (VNĐ)</p> <p>Q: Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (m³)</p>	$T = Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R$	2.173	



TT	Nội dung	Công thức	Giá trị (đồng/m ³)	Cơ sở xác định
	G: Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đồng/m ³) = 70.000 x 1,21 (hệ số nở rời) = 84.700 đ/m ³	84.700		Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Trà Vinh quy định giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh)
	K1: hệ số thu hồi khoáng sản, Khai thác lộ thiên K ₁ = 0,9	0,9		Quy định tại PLI Ban hành kèm theo Nghị định số: 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ Quy định về Phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
	K2: Hệ số liên quan đến điều kiện - kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, K ₂ =0,95	0,95		Phụ lục III, Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư 2020 quy định về danh mục địa bàn được hưởng ưu đãi đầu tư
	R: Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; (%)	3%		Quy định tại PLI Ban hành kèm theo Nghị định số: 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ Quy định về Phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

- Tiền cấp quyền tính theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ về Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác (tính có hệ số nở ròi theo TCVN 4447:2012 của Bộ KHCN và đơn giá đúng theo QĐ 34/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Trà Vinh).

- Thuế tài nguyên tính theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên;

- Phí bảo vệ môi trường tính theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 31/7/2023 về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại tỉnh Trà Vinh.

c. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

+ Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm là chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án. Công tác bốc dỡ đất tại 02 thửa đất được tổ chức thành từng ca.

+ Trong quá trình hoạt động, chủ đầu tư trực tiếp chịu trách nhiệm trong quá trình quản lý và điều hành dự án theo đúng quy định của pháp luật.

+ Bố trí lao động: 07 lao động

Bảng 12. Bố trí lao động của dự án

STT	Chức danh	Số lượng nhân viên
1	Quản lý chung (bao gồm hoạt động bơm bùn)	1
2	Đội cơ giới (công nhân lái xe cuốc)	1
3	Đội cơ giới (công nhân lái xe ben)	5
	Tổng	7

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm, 2023)

CHƯƠNG 2:

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Theo Nghị quyết số 934/NQ-UBTVQH13 ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải để thành lập thị xã Duyên Hải và 02 phường thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; sau khi điều chỉnh địa giới hành chính huyện Duyên Hải có vị trí tiếp giáp bao gồm:

- + Phía Đông giáp thị xã Duyên Hải;
- + Phía Tây giáp tỉnh Sóc Trăng;
- + Phía Nam giáp biển Đông;
- + Phía Bắc giáp huyện Trà Cú và huyện Cầu Ngang.

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Duyên Hải là 30.047,21 ha, với dân số là 82.393 người. Huyện có 07 đơn vị hành chính cấp xã, gồm thị trấn Long Thành và 06 xã: Đông Hải, Đôn Châu, Đôn Xuân, Long Khánh, Long Vĩnh, Ngũ Lạc.

Trong đó, xã Đông Hải có diện tích tự nhiên là 5.924 ha và dân số là 11.401 người. Xã Đông Hải vị trí tiếp giáp: phía Đông giáp xã Dân Thành (thị xã Duyên Hải); phía Tây giáp xã Long Vĩnh; phía Nam giáp biển Đông; phía Bắc giáp xã Long Khánh.

b. Đặc điểm địa chất

Tham khảo báo cáo ĐTM của “Khu bến tổng hợp Định An” địa điểm thực hiện xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Địa tầng khu vực có các đặc điểm như sau:

- Lớp 1: Lớp đắp cát chọn lọc lẫn phù sa, sỏi tốt, trạng thái lỏng. Chiều dày lớp là 7,2 m. Cao độ đáy lớp là -2,74 m. Đặc tính của lớp này như sau:

+ Thành phần hạt: thành phần cát 87,8%; thành phần bùn 7,0% và thành phần sét là 5,2%.

+ Trọng lượng riêng 2,66; góc nghỉ khô 35; góc nghỉ ướt 25; Hệ số rỗng lớn nhất 1.140; Hệ số rỗng nhỏ nhất 0,584; Giá trị SPT 3 đến 15.



- Lớp 2: Sét béo (CH) màu xám xanh, rất mềm. Chiều dày lớp là 14,3 m. Cao độ đáy lớp là -20,04 m. Đặc tính của lớp này như sau:

+ Thành phần hạt: thành phần cát 0,6%; thành phần bùn 63,9% và thành phần sét là 35,5%.

+ Dung trọng ướt 1,65; độ ẩm tự nhiên 55,9; trọng lượng riêng 2,69; Hệ số rỗng eo 1,559; giới hạn chảy 63,9; giới hạn dẻo 26,7; chỉ số dẻo 37,2; Chỉ số chảy 0,78; Góc ma sát trong $5^{\circ}11'$; cường độ ứng suất 0,098; Giá trị SPT 1 đến 3.

- Lớp 3: Sét gầy (CL) màu vàng nâu, nâu đỏ, lẫn sỏi, trạng thái cứng đến rất cứng. Chiều dày lớp là 6,7 m. Cao độ đáy lớp là -26,74 m. Đặc tính của lớp này như sau:

+ Thành phần hạt: thành phần sỏi 2,9%; thành phần cát 31,7%; thành phần bùn 37,3% và thành phần sét là 28,8%.

+ Dung trọng ướt 1,89; độ ẩm tự nhiên 28,2; trọng lượng riêng 2,71; Hệ số rỗng eo 0,844; giới hạn chảy 37,1; giới hạn dẻo 18,0; chỉ số dẻo 19,1; Chỉ số chảy 0,53; Góc ma sát trong $12^{\circ}24'$; cường độ ứng suất 0,369; Giá trị SPT 15 đến 23.

- Lớp 4: Cát phù sa/cát sét (SM/SC) màu xám xanh, lẫn đá, trạng thái chặt. Chiều dày lớp là 3,8 m. Cao độ đáy lớp là -30,54 m. Đặc tính của lớp này như sau:

+ Thành phần hạt: thành phần sỏi 6,8%; thành phần cát 63,5%; thành phần bùn 17,4% và thành phần sét là 12,3%.

+ Trọng lượng riêng 2,68; góc nghỉ khô 34; góc nghỉ ướt 26; Hệ số rỗng lớn nhất 1.286; Hệ số rỗng nhỏ nhất 0,628; Giá trị SPT 42 đến 50.

- Lớp 5: Sét béo (CH) màu vàng nâu, nâu đỏ, lẫn cát, cứng; lớp không đầy đủ, chiều dày lớp khoan 5,0 m. Đặc tính của lớp này như sau:

+ Thành phần hạt: thành phần cát 0,5%; thành phần bùn 56,6% và thành phần sét là 42,9%.

+ Dung trọng ướt 1,96; độ ẩm tự nhiên 27,2; trọng lượng riêng 2,74; Hệ số rỗng eo 0,777; giới hạn chảy 60,7; giới hạn dẻo 19,2; chỉ số dẻo 41,5; Chỉ số chảy 0,19; Góc ma sát trong $14^{\circ}16'$; cường độ ứng suất 0,454; Giá trị SPT 30 đến 39.

c. Điều kiện về khí hậu, khí tượng

Huyện mang những đặc điểm chung của khí hậu đồng bằng Nam Bộ, có chế độ khí hậu gió mùa cận xích đạo với nền nhiệt cao đều quanh năm, lượng



mưa lớn phân hóa theo mùa. Một năm có hai mùa: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5, kết thúc tháng 11; mùa khô bắt đầu từ tháng 12, kết thúc tháng 4 năm sau.

❖ Nhiệt độ không khí

Số liệu quan trắc tại Trạm Càng Long cho thấy nhiệt độ trung bình thấp nhất 25,2°C vào tháng 01/2021 và cao nhất là 29,7°C vào tháng 5/2020. Nhìn chung, nhiệt độ trung bình năm 2020 tăng nhẹ so với các năm còn lại nhưng không có sự thay đổi rõ rệt cùng kỳ so với năm trước. Sự phân chia 04 mùa trong năm không rõ chủ yếu là mùa mưa và mùa nắng.

Bảng 13. Thống kê nhiệt độ trung bình từ năm 2019 – 2022 tại trạm Càng Long

Tháng	Năm			
	2019	2020	2021	2022
1	26,6	26,2	25,2	26,3
2	26,5	26,6	25,4	27,4
3	26,8	27,8	27,7	28,0
4	29,3	29,0	28,4	28,4
5	28,6	29,7	28,5	27,8
6	27,9	27,9	27,9	28,2
7	27,6	27,7	27,2	27,0
8	27,1	27,9	27,7	27,2
9	27,3	27,7	27,0	27,2
10	27,9	26,6	27,1	26,9
11	26,9	27,4	27,3	26,8
12	25,7	26,5	26,4	26,3
Trung bình năm	27,4	27,6	27,2	27,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Trà Vinh 2022, Cục thống kê tỉnh Trà Vinh, 2023)

❖ Độ ẩm không khí



Độ ẩm không khí tăng dần trong mùa mưa và giảm dần trong mùa khô. Giá trị lớn nhất của độ ẩm ghi nhận được từ năm 2019 - 2022 đã đo được là 90% (vào tháng 10/2020 và tháng 9/2021). Độ ẩm thấp nhất đã đo được là 74% (vào tháng 02/2020). Giá trị độ ẩm không khí trung bình quan trắc được tại trạm khí tượng Càng Long (Trà Vinh) như sau:

Bảng 14. Thống kê độ ẩm không khí trung bình từ năm 2019 – 2022 tại trạm Càng Long

Tháng	Năm			
	2019	2020	2021	2022
1	75	77	82	88
2	78	74	82	80
3	77	77	79	80
4	77	77	83	82
5	87	81	87	88
6	87	88	88	86
7	85	86	89	89
8	87	86	88	88
9	86	84	90	88
10	82	90	89	88
11	82	85	87	89
12	78	84	83	83
Trung bình năm	85	82	82	86

(Nguồn: Niên giám thống kê Trà Vinh 2022, Cục thống kê tỉnh Trà Vinh, 2023)

❖ Chế độ và lượng mưa

Chế độ và lượng mưa cũng là một nhân tố làm ảnh hưởng đến môi trường, khi mưa rơi xuống đất sẽ mang theo các chất ô nhiễm trong không khí vào môi trường đất, nước. Nếu trong không khí có chứa các chất ô nhiễm như SO_2 , NO_2 cao hơn mức cho phép sẽ gây ra hiện tượng mưa axit làm thiệt hại nghiêm trọng



đến thực vật, môi trường nước, đất, ảnh hưởng đến đời sống sinh vật và con người.

Chế độ mưa cũng là một nhân tố làm ảnh hưởng đến môi trường, khi mưa rơi xuống đất sẽ mang theo các chất ô nhiễm trong không khí vào môi trường đất, nước. Nếu trong không khí có chứa các chất ô nhiễm như SO₂, NO₂ cao hơn mức cho phép sẽ gây ra hiện tượng mưa axit làm thiệt hại nghiêm trọng đến thực vật, môi trường nước, đất, ảnh hưởng đến đời sống sinh vật và con người. Mùa mưa thường kéo dài trong 6 tháng. Nếu mùa mưa đến sớm vào tháng 5 thì kết thúc vào tháng 10 và nếu đến trễ vào tháng 6 thì mùa mưa sẽ kết thúc vào tháng 11. Lượng mưa quan trắc tại trạm Càng Long như bảng dưới đây:

Bảng 15. Thống kê lượng mưa trung bình từ năm 2019 – 2022 tại trạm Càng Long

Tháng	Năm			
	2019	2020	2021	2022
1	9	1	2	1
2	0	0	0	10
3	2	0	0	25
4	44	30	103	91
5	256	126	203	194
6	114	231	246	132
7	182	302	238	268
8	323	109	188	303
9	292	141	180	249
10	147	268	163	272
11	98	117	303	278
12	1	32	4	13
Trung bình năm	122	113	136	153

(Nguồn: Niên giám thống kê Trà Vinh 2022, Cục thống kê tỉnh Trà Vinh, 2023)



❖ Số giờ nắng

Số giờ nắng trong tháng cao nhất là 293 giờ tại tháng 3/2019 và thấp nhất vào tháng 10/2022 với 140 giờ. Thống kê số giờ nắng trung bình các tháng trong năm, từ năm 2019 – 2022 tại khu vực quan trắc Càng Long được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 16. Thống kê số giờ nắng trung bình từ năm 2019 – 2022 tại trạm Càng Long

Tháng	Năm			
	2019	2020	2021	2022
1	230	280	194	246
2	266	267	216	238
3	293	283	278	277
4	270	266	224	236
5	212	240	199	152
6	163	164	199	223
7	171	183	150	151
8	168	176	185	174
9	158	174	149	142
10	233	126	157	140
11	189	201	159	156
12	225	177	198	204
Trung bình năm	215	211	192	195

(Nguồn: Niên giám thống kê Trà Vinh 2022, Cục thống kê tỉnh Trà Vinh, 2023)

❖ Lượng bốc hơi, bức xạ mặt trời, gió và hướng gió

Bức xạ mặt trời

Bức xạ mặt trời là yếu tố khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến nhiệt độ, độ bốc hơi và độ ẩm khu vực, mức độ bền vững của khí quyển. Bức xạ nhiệt có giá trị



không ổn định và chênh lệch tương đối lớn giữa các ngày, các tháng trong năm 2021, trung bình dao động ở mức 152,86 - 267,10 W/m².

Gió và hướng gió

Gió là yếu tố quan trọng nhất tác động lên quá trình lan truyền các chất ô nhiễm. Tốc độ gió càng cao thì chất ô nhiễm được vận chuyển đi càng xa và nồng độ ô nhiễm càng nhỏ do khí thải được pha loãng với các khí khác. Chế độ gió trong năm thường phân bố như sau:

- Từ tháng 01 – tháng 02 gió theo hướng Đông Nam từ cấp 3 – cấp 4;
- Tháng 3 – tháng 4 gió chuyển đổi hướng Đông Nam;
- Tháng 5 – tháng 6 có gió mùa Tây Nam là chính, là thời điểm hội tụ gió mùa, bắt đầu những đợt mưa dông;
- Từ tháng 7 – tháng 12 gió mùa chuyển dần theo hướng Đông Nam gây mưa nhiều, rồi chuyển sang hướng Đông Bắc.

Rất hiếm khi chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão từ biển Đông đi vào.

2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội

Năm 2022, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025 và cũng là năm còn nhiều khó khăn, thách thức trước những diễn biến của dịch COVID-19, thiên tai, dịch bệnh trên đàn vật nuôi, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao trong khi đó mặt hàng nông sản của người dân làm ra thấp, không ổn định,... Những khó khăn trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến các lĩnh vực, các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, làm cho một số hoạt động bị đình trệ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức lớn, nhưng cả hệ thống chính trị đã đồng lòng vào cuộc, huy động, quy tụ sức mạnh tổng hợp chung sức vượt qua khó khăn, tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện.

Kết quả đạt được trên một số ngành, lĩnh vực:

Giá trị sản xuất (theo giá 2010) được 8.226,63 tỷ đồng, đạt 104,80% kế hoạch (so với cùng kỳ tăng 1.371,25 tỷ đồng). Trong đó: khu vực I: 3.973,55 tỷ đồng, đạt 105,19% kế hoạch (so với cùng kỳ tăng 312,61 tỷ đồng); khu vực II: 3.046,19 tỷ đồng, đạt 105,58% kế hoạch (so với cùng kỳ tăng 852,43 tỷ đồng); khu vực III: 1.206,9 tỷ đồng, đạt 101,69% kế hoạch (so với cùng kỳ 206,22 tỷ đồng). Tổng vốn đầu tư toàn xã hội là 9.549 tỷ đồng, đạt 164,8% kế hoạch.

Cơ cấu sản xuất: Khu vực I chiếm 48,3% (Thủy sản 39,72%; nông nghiệp 8,25%; lâm nghiệp 0,33%); khu vực II chiếm 37,03% (Công nghiệp 9,42%; xây dựng 27,6%); khu vực III (Thương mại - dịch vụ) chiếm 14,67%.



1. Nông, lâm, ngư nghiệp: Tổng giá trị sản xuất được 3.973,55 tỷ đồng, đạt 105,19% kế hoạch, trong đó:

a) Thủy sản: Giá trị sản xuất 3.267,62 tỷ đồng, đạt 104,61% kế hoạch.

- *Chuyển đổi cơ cấu sản xuất:* Chuyển đổi trong lĩnh vực thủy sản 165,5 ha. Diện tích mặt nước ao nuôi TCMĐC phát sinh mới 31,57 ha, nâng tổng số đến nay diện tích mặt nước ao nuôi TCMĐC toàn huyện có 176,17 ha.

- *Tôm sú:* Có 10.626 lượt hộ thả nuôi 513,43 triệu con giống, diện tích 14.820 ha.

- *Tôm thẻ chân trắng:* Có 2.533 hộ thả nuôi 1.051,25 triệu con giống, diện tích 792,3 ha.

- *Cua biển:* Có 13.908 lượt hộ thả nuôi 114,4 triệu con, diện tích 19.311,9 ha.

- *Nhuễn thê:* Sản lượng thu hoạch 533 tấn, đạt 92,1% kế hoạch, so với cùng kỳ giảm 46 tấn.

Sản lượng nuôi trồng, khai thác, đánh bắt: Được 50.719 tấn, đạt 104% kế hoạch, so cùng kỳ tăng 3.966 tấn, cụ thể: Nuôi trồng 34.427 tấn, đạt 105,1% kế hoạch, so cùng kỳ tăng 3.498 tấn; khai thác, đánh bắt 16.292 tấn, đạt 101,8% kế hoạch, so cùng kỳ tăng 468 tấn.

b) Nông nghiệp: Giá trị sản xuất 678,43 tỷ đồng, đạt 108,2% kế hoạch.

- *Chuyển đổi cơ cấu sản xuất:* Chuyển đổi đất lúa 3 vụ sang luân canh 2 vụ lúa - 1 vụ màu được 566,9 ha (màu các loại 538,7 ha; trồng cỏ 28,2 ha).

- *Cây lúa:* Diện tích xuống giống 7.546,7 ha, sản lượng 38.463 tấn, đạt 137,4% kế hoạch.

- *Cây màu:* Xuống giống 3.747,9 ha, sản lượng thu hoạch 122.047 tấn, đạt 103,5% kế hoạch.

c) Chăn nuôi và Thú y: Tổng đàn gia súc, gia cầm toàn huyện hiện có 234.312 con. So với cùng kỳ tăng 106.616 con. Sản lượng thịt hơi các loại 2.920 tấn, đạt 100,7% kế hoạch, so với cùng kỳ tăng 232 tấn.

Nuôi chim yến: Có 63 hộ/65 nhà nuôi chim yến, sản lượng thu hoạch 450 kg.

Tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm: Tình hình dịch bệnh Viêm da nổi cục (VDNC) ở trâu, bò cơ bản được kiểm soát tốt; tình hình bệnh Dịch tả heo Châu Phi: Phát hiện 06 ổ dịch trên địa bàn 02 xã Đôn Châu và xã Long Vĩnh với tổng đàn 76 con heo, thực hiện tiêu hủy 49 con heo, tổng trọng lượng 2.621 kg.

Công tác tiêm phòng gia súc, gia cầm: 61.148 liều.



d) Lâm nghiệp: Giá trị sản xuất lĩnh vực lâm nghiệp 27,5 tỷ đồng, đạt 101,85% kế hoạch. Tổ chức tuần tra quản lý bảo vệ rừng 193 lượt, phát hiện 09 vụ vi phạm làm thiệt hại 4.407m², xử phạt 08 đối tượng với tổng số tiền 47 triệu đồng, đề nghị Chi cục Kiểm lâm xử lý theo thẩm quyền 01 vụ, số tiền 87,5 triệu đồng.

Cấp phát 30.350 cây phân tán cho các xã, thị trấn. Tổng kinh phí thực hiện 199,4 triệu đồng.

2. Về xây dựng Nông thôn mới

Tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Đôn Xuân, Đôn Châu đạt chuẩn xã nông thôn mới và xã Đông Hải đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao. Nâng đến nay toàn huyện có 06/06 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100%, trong đó có 02 xã (Long Vĩnh và Đông Hải) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016 - 2020.

- *Công tác thông tin, tuyên truyền:* Ban chỉ đạo các xã lồng ghép tuyên truyền được 206 cuộc có 5.991 lượt người tham dự.

- *Công tác công nhận hộ, ấp nông thôn mới:* Đến nay có 18.270 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới (chiếm 95,44%); có 51/54 ấp được công nhận ấp nông thôn mới; 04 ấp nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021 – 2025.*

+ *Xây dựng xã nông thôn mới:* Các xã Đôn Xuân, Đôn Châu và Ngũ Lạc đánh giá đạt 18/19 tiêu chí (chưa đạt tiêu chí tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế).

+ *Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:* Xã Long Khánh đạt 19/19 tiêu chí; xã Long Vĩnh và xã Đông Hải cơ bản đạt 19/19 tiêu chí.

+ *Huyện nông thôn mới:* Đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới. Hiện nay huyện đang hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến đóng góp của các Sở ngành tỉnh.

3. Công nghiệp - Xây dựng: Tổng giá trị sản xuất được 3.046,19 tỷ đồng, đạt 105,58% kế hoạch, trong đó:

a) Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: Tổng giá trị SXCN ngoài quốc doanh (giá so sánh 2010) đạt 775,27 tỷ đồng, đạt 125,38% so kế hoạch.

Hoàn thành Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040. Trình UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu dịch vụ công cộng và khu đô thị thuộc Khu kinh tế Định An. Đầu tư trồng mới và bổ sung các tuyến đường hoa trên địa bàn huyện tiến độ đạt 100% so với hợp đồng.



- **Điện:** Toàn huyện có 20.749 hộ dân, số hộ sử dụng điện 20.733 hộ đạt 99,92%.

- **Diêm nghiệp:** Có 73 hộ làm muối (tăng 04 hộ so với cùng kỳ) với diện tích sản xuất 61,7 ha (tăng 2,6 ha) tổng sản lượng thu hoạch là 3.053 tấn đạt 61,06% so với kế hoạch năm; tăng 171 so với cùng kỳ năm.

b) Xây dựng: Giá trị sản xuất được 2.270,92 tỷ đồng, đạt 100,18% kế hoạch.

Đầu tư xây dựng 50 công trình, với tổng mức đầu tư 642,867 tỷ đồng, tổng vốn được phân bổ 233,975 tỷ đồng. Giải ngân đến ngày 25/11/2022 đạt 163,722 tỷ đồng, tiến độ giải ngân đạt 69,97%.

Kết quả triển khai thực hiện 10 công trình phục vụ xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022, với tổng kế hoạch vốn 76 tỷ đồng, trong đó: 01 công trình đã nghiệm thu hoàn thành, 07 công trình đang triển khai thi công, 02 công trình đang thực hiện các quy trình, thủ tục đấu thầu. Đến nay đã giải ngân được 29,632 tỷ đồng, đạt 38,99%.

Công tác giải phóng mặt bằng: Hiện nay, trên địa bàn huyện đang thực hiện giải phóng mặt bằng 10 công trình, dự án, có 960 hộ gia đình, cá nhân, với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ bị thiệt hại 291,499 tỷ đồng. Đã chi trả số tiền 256,316 tỷ đồng, đạt 87,93%; chưa chi trả số tiền 35,183 tỷ đồng, chiếm 12,07% .

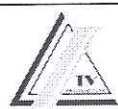
4. Chính sách xã hội:

a) Đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm: Tổ chức Hội thảo việc làm và giới thiệu lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn huyện, có 293 người tham dự. Đưa 56 lao động có thời hạn nước ngoài (Nhật Bản 50, Thụy Điển 1, Đức 2, Đài Loan 02, Trung Quốc 1), đạt 186,7% kế hoạch. Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 71,70%, đạt 126,53% so kế hoạch.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 27,14%, đạt 111,33%. Giải quyết việc làm cho 1.625 lao động, đạt 108,33% so kế hoạch (chỉ tiêu 1.500 lao động).

b) Công tác giảm nghèo: Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022. Tổng số hộ dân cư: 20.514 hộ, tổng số nhân khẩu: 83.146 nhân khẩu, trong đó hộ nghèo: 453 hộ, chiếm tỷ lệ 2,21%, (giảm 481 hộ, tỷ lệ giảm 2,29%); hộ cận nghèo: 554 hộ, chiếm tỷ lệ 2,70% (giảm 1.129 hộ, tỷ lệ giảm 5,41%).

Rà soát, xác định 200/206 hộ cận nghèo thật sự khó khăn về nhà ở. Lập danh sách 43 hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ đất ở; 565 hộ (289 hộ nghèo, 276 hộ cận nghèo) khó khăn về nhà ở.



- Công tác Bảo trợ xã hội: Chi hỗ trợ khẩn cấp cho 05 hộ bị lóc xoáy, hỏa hoạn số tiền 200 triệu đồng. Tổ chức Tết Trung thu cho trẻ em tại Trường Tiểu học thị trấn Long Thành, trao tặng 245 phần quà cho Trẻ em nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện, số tiền 73,5 triệu đồng. Vận động và trao tặng 1.380 phần quà, 60 suất học bổng cho hộ nghèo, hộ khó khăn, học sinh nghèo.....tổng số tiền 540 triệu đồng.

(Nguồn: Báo cáo số 724/BC-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và kế hoạch năm 2023).

2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

a. Thu thập dữ liệu về hiện trạng môi trường

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh thực hiện báo cáo quan trắc môi trường tỉnh. Theo đó, trên cơ sở vị trí dự án, báo cáo ĐTM lựa chọn các vị trí quan trắc vào năm 2022 trên địa bàn huyện Duyên Hải làm dữ liệu tham khảo để đánh giá môi trường nền khu vực triển khai dự án, cụ thể như sau:

Chất lượng môi trường nước mặt

Vị trí lấy mẫu quan trắc môi trường nước mặt (môi trường tác động) huyện Duyên Hải năm 2022 cụ thể:

- Cống La Bang, xã Đôn Châu (NM₁₅).
- Kênh đào Trà Vinh, xã Long Vĩnh (NM₂₇).

Kết quả quan trắc như sau:

Bảng 17. Kết quả quan trắc nước mặt tác động huyện Duyên Hải năm 2022

Thông số	Đơn vị	Điểm quan trắc	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	TB năm	QCVN 08-MT: 2015/ BTNMT
pH	-	NM ₁₅	8,50	7,42	7,91	7,09	7,73	5,5-9



Thông số	Đơn vị	Điểm quan trắc	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	TB năm	QCVN 08-MT: 2015/ BTNMT
		NM ₂₇	7,90	7,60	7,96	7,41	7,72	
DO	mg/L	NM ₁₅	3,35	3,21	4,92	4,54	4,01	≥4
		NM ₂₇	5,46	3,43	7,96	4,67	5,38	
TSS	mg/L	NM ₁₅	78,5	49,6	17,3	86,7	58,0	50
		NM ₂₇	186,0	72,9	58,0	65,0	95,5	
COD	mg/L	NM ₁₅	61	32	29	48	43	30
		NM ₂₇	52	27	16	9	26	
BOD ₅	mg/L	NM ₁₅	2,9	2,3	2,0	3,2	2,6	15
		NM ₂₇	2,0	2,4	1,3	2,0	1,9	
NH ₄ ⁺ -N	mg/L	NM ₁₅	0,30	0,25	0,26	0,56	0,34	0,9
		NM ₂₇	0,06	0,28	0,23	0,16	0,18	
Cl ⁻	mg/L	NM ₁₅	8.192,1	5.231,9	2.822,5	151,4	4.099,5	350
		NM ₂₇	11.634,1	7.193,9	870,8	43,7	4.935,6	
NO ₂ ⁻ -N	mg/L	NM ₁₅	0,087	0,125	0,054	0,136	0,101	0,05
		NM ₂₇	0,080	0,117	0,015	0,034	0,062	
NO ₃ ⁻ -N	mg/L	NM ₁₅	0,089	0,287	0,278	0,157	0,203	10
		NM ₂₇	0,081	0,409	0,540	0,420	0,363	
PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	NM ₁₅	0,123	0,024	0,055	0,082	0,071	0,3
		NM ₂₇	0,041	0,018	0,022	0,078	0,040	
Dầu mỡ	mg/L	NM ₁₅	0,4	0,3	0,6	0,6	0,5	1
		NM ₂₇	0,3	0,3	0,3	0,6	0,4	
Coliform	MPN/	NM ₁₅	2,4.10 ³	9,3.10³	9,3.10³	9,3.10³	7.575	7.500



Thông số	Đơn vị	Điểm quan trắc	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	TB năm	QCVN 08-MT: 2015/ BTNMT
	100ml	NM ₂₇	2,4.10 ³	9,3.10 ²	4,3.10 ³	9,3.10 ²	2.140	

* Ghi chú: KPH - Không phát hiện.

* Nhận xét:

Kết quả quan trắc nước mặt huyện Duyên Hải năm 2022 cho thấy có 05/12 thông số còn vượt giới hạn quy định cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B₁) cụ thể như sau:

- Đối với môi trường nước mặt khu vực Cống La Bang, xã Đôn Châu (NM₁₅): Có 05/12 thông số vượt giới hạn cho phép như:

+ TSS vượt quy chuẩn từ 1,57 – 1,73 lần (quy định 50 mg/L) vào đợt 2, đợt 4 và DO không đạt giá trị tối thiểu cho phép (quy định ≥ 4 mg/L) vào 02 đợt quan trắc cuối năm 2022;

+ Clorua vượt quy chuẩn từ 8,06 – 23,41 lần (quy định 350 mg/L) tại 03/04 đợt quan trắc trừ đợt 4 và Coliform vượt quy chuẩn 1,24 lần (quy định 7.500 MPN/100mL) tại 03/04 đợt quan trắc trừ đợt 1 năm 2022.

+ Nitrit vượt quy chuẩn từ 1,08 – 2,72 lần (quy định 0,05 mg/L) tại tất cả các đợt quan trắc trong năm 2022.

- Đối với môi trường nước mặt khu vực kênh đào Trà Vinh, xã Long Vĩnh (NM₂₇): Có 05/12 thông số vượt giới hạn cho phép như:

+ COD vượt quy chuẩn 1,73 lần (quy định 30 mg/L) vào đợt 1 và DO không đạt giá trị tối thiểu cho phép vào đợt 2 năm 2022;

+ Nitrit vượt quy chuẩn từ 1,60 – 2,34 lần vào 02 đợt đầu năm 2022 và clorua vượt quy chuẩn từ 2,49 – 33,24 lần tại 03/04 đợt quan trắc trừ đợt 4;

+ TSS vượt quy chuẩn từ 1,16 – 3,72 lần tại tất cả các đợt quan trắc trong năm.

Bảng 18. Giá trị WQI nước mặt huyện Duyên Hải qua các năm

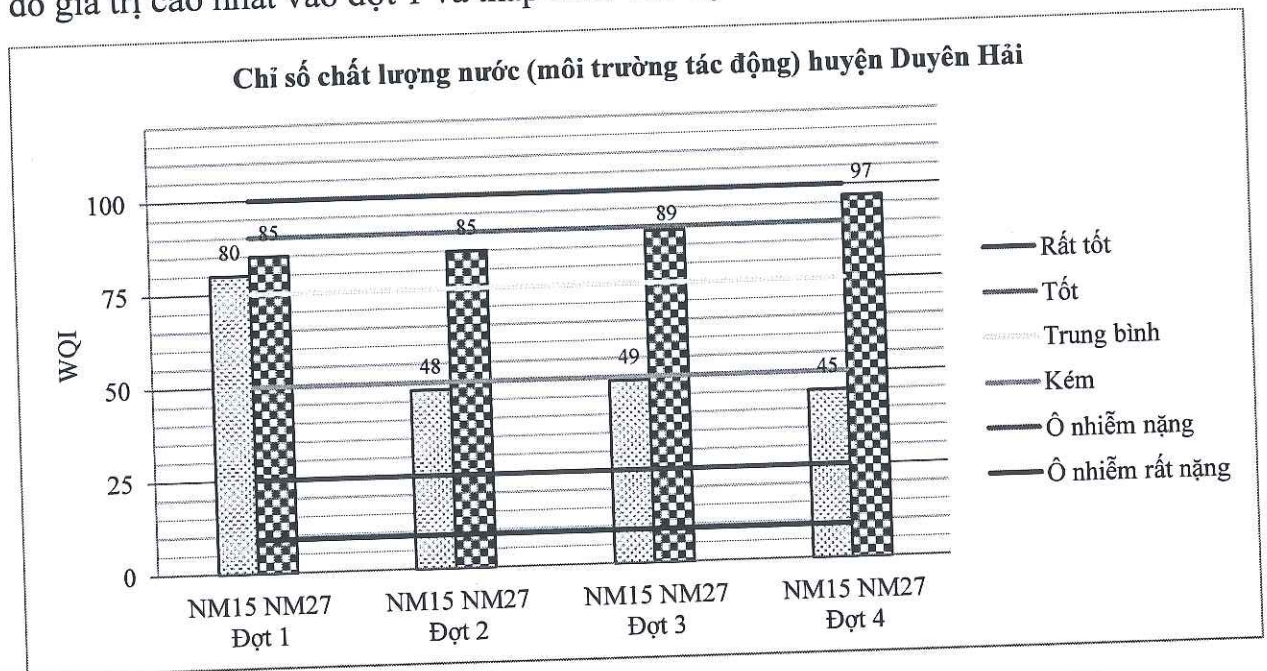
Năm	Đợt	Giá trị WQI			
		Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4



	NM ₁₅	NM ₂₇	NM ₁₅	NM ₂₇	NM ₁₅	NM ₂₇	NM ₁₅	NM ₂₇
Năm 2020	82	84	78	85	48	29	27	94
Năm 2021	78	88	76	84	26	93	26	30
Năm 2022	80	85	48	85	49	89	45	97

Qua kết quả tính toán chỉ số WQI cho thấy chất lượng nước mặt (môi trường tác động) tại khu vực huyện Duyên Hải phần lớn tương đối ổn định và ở mức trung bình-tốt:

- Nước mặt khu vực cống La Bang, xã Đôn Châu (NM₁₅) có chất lượng suy giảm dần ở mức tốt (màu xanh lá) xuống mức kém (màu cam) từ thời điểm quan trắc đầu năm đến cuối năm 2022. Chỉ số WQI có giá trị dao động trong khoảng 45-80 (trung bình năm là 56, chất lượng nước ở mức trung bình), trong đó giá trị cao nhất vào đợt 1 và thấp nhất vào đợt 4 năm 2022.



Hình 8. Diễn biến WQI khu vực huyện Duyên Hải năm 2022

- Nước mặt khu vực kênh đào Trà Vinh, xã Long Vĩnh (NM₂₇) có chất lượng ổn định và tốt hơn so với khu vực cống La Bang, xã Đôn Châu trong phạm vi quan trắc trên địa bàn huyện Duyên Hải. Chỉ số WQI dao động trong khoảng 85-93 (trung bình năm là 89, chất lượng ở mức tốt), trong đó giá trị cao nhất vào đợt 4 và thấp nhất vào 02 đợt đầu năm 2022.

- Nhìn chung nước mặt (môi trường tác động) tại khu vực huyện Duyên Hải trong năm 2022 có chất lượng ổn định, duy trì ở mức trung bình-tốt và diễn biến chất lượng nước mặt khu vực huyện Duyên Hải qua 03 năm, có xu hướng được cải thiện so với cùng kỳ năm 2020, năm 2021.

Chất lượng nước dưới đất huyện Duyên Hải

Vị trí lấy mẫu nước dưới đất huyện Duyên Hải: Khu vực làm muối Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải (NG₁₄).

Bảng 19. Kết quả thử nghiệm nước dưới đất huyện Duyên Hải năm 2022

Stt	Thông số	Đơn vị	NG ₁₄					Trung bình	QCVN 09-MT:2015/ BTNMT
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4			
1	pH	-	7,80	7,75	8,01	7,21	7,69	5,5 - 8,5	
2	Độ cứng tổng số (theo CaCO ₃)	mg/L	213	208	212	209	210,50	500	
3	COD (KMnO ₄)	mg/L	0,46	0,46	1,16	0,51	0,65	4	
4	Cl ⁻	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	250	
5	F ⁻	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	1	
6	NO ₂ ⁻ -N	mg/L	0,03 1	KPH	KPH	0,130	0,04	1	
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	0,76 7	0,036	0,064	1,255	0,53	15	
8	SO ₄ ²⁻	mg/L	7	4	8	12	7,75	400	
9	As	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05	
10	Pb	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01	
11	Fe	mg/L	0,09 9	0,128	0,196	0,185	0,15	5	
12	E.Coli	MPN/1 00ml	KPH	7	KPH	KPH	1,75	KPH	
13	Coliform	MPN/1 00ml	4,9.10 2	1,7.10 ²	KPH	1,4.10 ²	200	3	

* Ghi chú: KPH - Không phát hiện.

* Nhận xét:

Qua kết quả thử nghiệm 04 đợt quan trắc cho thấy, chất lượng nước dưới đất trên địa bàn huyện Duyên Hải tương đối tốt, 11/13 thông số thử nghiệm đều có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép quy định tại QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Riêng thông số Coliform vượt 46,67 – 163,3 lần mức giới hạn cho phép vào các đợt 1, 2 và 4; giá trị mật độ Coliform trung bình năm 2022 vượt 66,67 lần mức giới hạn cho phép (QCVN 09-MT:2015/BTNMT quy định 3 MPN/100ml). Bên cạnh đó, thông số E.Coli phát hiện ô nhiễm vào đợt 2, với mật độ là 7,0 MPN/100ml.

Chất lượng không khí huyện Duyên Hải

Vị trí lấy mẫu quan trắc không khí huyện Duyên Hải: Làng nghề sơ chế biển thủy, hải sản xã Đông Hải (K₂₆).

Bảng 20. Kết quả thử nghiệm không khí môi trường tác động huyện Duyên Hải

Thông số	Đơn vị	Điểm quan trắc	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	TB năm	QCVN 05:2013/BTNMT
Tiếng ồn	dBA	K ₂₆	61,7	56,8	62,4	58,1	59,8	70,0*
Bụi lơ lửng	µg/m ³		91	99	68	212	118	300
SO ₂	µg/m ³		KPH	17	KPH	KPH	17	350
NO ₂	µg/m ³		KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	200
CO	µg/m ³		4.878	5.338	3.685	4.390	4.573	30.000
O ₃	µg/m ³		KPH	9	87	13	29	200
H ₂ S	µg/m ³		21	29	33	KPH	25	42**
NH ₃	µg/m ³		219	231	191	299	235	200**

*** Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện;

- Giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- Giá trị (*) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;



- Giá trị (***) áp dụng theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

*** Đánh giá chất lượng không khí môi trường tác động huyện Duyên Hải:**

Kết quả quan trắc cho thấy, không khí môi trường tác động trên địa bàn huyện Duyên Hải năm 2022 có chất lượng khá tốt, có 07/08 thông số nằm trong giới hạn cho phép quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Riêng thông số NH₃ vượt nhẹ so với giới hạn cho phép 1,10 – 1,50 vào đợt 1, 3 và 4 so với QCVN 06:2009/BTNMT. Đồng thời giá trị NH₃ trung bình năm 2022 vượt nhẹ 1,18 lần so với QCVN 06:2009/BTNMT.

b. Hiện trạng các thành phần môi trường nước, không khí của khu vực dự án

Nhằm đánh giá hiện trạng môi trường khu vực dự án, đơn vị tư vấn đã tiến hành khảo sát thực địa, đo đạc, lấy mẫu phân tích hiện trạng môi trường. Kết quả đo đạc, phân tích hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án được coi là môi trường nền làm cơ sở đánh giá và so sánh với quá trình thi công và vận hành của dự án sau này.

- Đơn vị lấy và phân tích mẫu:

Công ty TNHH Môi trường và ATLD Sao Việt – Số VIMCERTS: 286.

Phòng thí nghiệm của Công ty được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường do Bộ Tài Nguyên và môi trường đánh giá và cấp với số hiệu VIMCERTS 286 Phòng thí nghiệm được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 của Hội Khoa học và Kỹ thuật về Tiêu chuẩn và Chất lượng Việt Nam - VACI đánh giá và cấp với số hiệu VALAS 073.

Thông tin liên lạc:

+ Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, Kp Bình Đáng, P. Bình Hòa, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương

+ Mã số thuế: 03702915620

+ Điện thoại: (0274) 366 2529

+ Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Huyền

Chức vụ: Giám Đốc

+ Email: moitruongantoanlaodongsaoviet@gmail.com

+ Website : <https://www.moitruongsaoviet.vn>

Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường vật lý của dự án như sau:

- Không khí:



Bảng 21. Thông tin các vị trí quan trắc môi trường nền

STT	Ký hiệu	Mô tả vị trí quan trắc	Thông số quan trắc
I <i>Môi trường không khí</i>			
1	KK1	Không khí xung quanh tại khu vực ao nuôi tôm của hộ ông Mai Văn Yên	Tiếng ồn, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió, bụi, CO, SO ₂ , NO ₂
2	KK2	Không khí xung quanh tại đoạn Quốc lộ 53B tiếp giáp thửa đất 1347, tờ bản đồ số 17	
II <i>Nước mặt</i>			
1	NM	Nước mặt sông Cồn Cù đoạn tiếp giáp thửa đất 1347, tờ bản đồ số 17	pH, TSS, COD, BOD ₅ , NH ₄ ⁺ -N, NO ₃ ⁻ -N, PO ₄ ³⁻ -P, Tổng dầu mỡ, Coliform
III <i>Đất</i>			
1	00-00/23-00TT1	Mẫu đất dôi dư khu vực cải tạo	As, Pb, Cd, Cu, Zn

- Kết quả phân tích các thành phần môi trường nền như sau:

Bảng 22. Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường không khí xung quanh

Kết quả	Thông số						
	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	Tiếng ồn	Tốc độ gió	Hướng gió
	(mg/m ³)				dB(A)	m/s	-
KK1	0,15	0,050	0,059	8,32	49,8	1,5	Tây Bắc
KK2	0,20	0,050	0,061	9,49	58,1	0,9	Tây Bắc
QCVN 05: 2023/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30	<70 QCVN26 :2010/ BTNMT	-	-

(Nguồn: Các phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm Phụ Lục)

+ Nhận xét:



Kết quả thử nghiệm cho thấy chất lượng môi trường không khí khu vực tuyến công trình vẫn tốt. Tất cả các chỉ tiêu đánh giá đều nằm trong giới hạn của QCVN 05: 2023/BTNMT và QCVN26:2010/BTNMT.

- Mẫu nước mặt:

Bảng 23. Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường nước mặt

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả NM	QCVN 08-MT:2023 /BTNMT Cột B
1	pH	-	6,75	6 – 8,5
2	DO	mg/L	5,05	≥ 5
3	TSS	mg/L	19	100
4	COD	mg/L	28	15
5	BOD ₅	mg/L	16	6
6	Tổng dầu mỡ	mg/L	KPH MDL=0,3	-

(Nguồn: Các phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm Phụ Lục)

+ Nhận xét:

Kết quả thử nghiệm cho thấy hầu hết các chỉ tiêu đều đạt giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1. Nước mặt khu vực dự án có chất lượng khá tốt.

Bên cạnh đó, Chủ dự án sử dụng kết quả quan trắc nước dưới đất và trầm tích nước ngọt của dự án Phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo, hạ độ cao 4,2ha đất trồng lúa của 11 hộ dân tại ấp Bình Hội, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tháng 10 năm 2023. Cụ thể kết quả như sau:

- Mẫu đất:

Bảng 24. Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường đất

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2023/ BTNMT Loại 1
1	Asen (As)	mg/kg	KPH MDL=0,15	25
2	Chì (Pb)	mg/kg	<15	200



TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2023/ BTNMT Loại 1
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH MDL=0,5	4
4	Đồng (Cu)	mg/kg	30,1	150
5	Kẽm (Zn)	mg/kg	46,5	300

(Nguồn: Các phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm Phụ Lục)

+ Nhận xét: Kết quả thử nghiệm cho thấy các mẫu trầm tích chất lượng khá tốt, không bị nhiễm kim loại nặng. Tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 03:2023/BTNMT.

2.2.2. Tài nguyên sinh vật khu vực dự án

➤ Hệ sinh thái rừng ngập mặn

Huyện Duyên Hải có hệ sinh thái của vùng cửa sông Hậu, có rừng bần – mắm – đước đan xen; tôm – cá nước mặn, lợ; văn hóa của cư dân nông – ngư nghiệp.

Hệ sinh thái rừng ngày càng đa dạng và phong phú, diện tích rừng được củng cố và được bảo vệ ổn định. Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Duyên Hải, diện tích đất rừng phòng hộ của huyện là 2.529,66 ha, diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 2.657,08 ha.

Tài nguyên biển và thủy hải sản của huyện có giá trị và tiềm năng lớn. Thềm lục địa và vùng mặt nước biển thuộc huyện hiện có 661 loài thủy sản sinh sống, đa phần đều có giá trị kinh tế.

Ngoài khơi xa có nhiều loại hải sản có giá trị thương phẩm cao như cá ngừ, cá hồng, cá chim, cá thu,... với trữ lượng khá cao.

Tham khảo báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Dự án Khu bến tổng hợp Định An” hiện trạng đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Trà Vinh chia thành 03 vùng sinh thái chính gồm sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái vùng cửa sông – ven sông và hệ sinh thái trên cạn. Trong đó sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái vùng cửa sông – ven sông là 02 hệ sinh thái đặc trưng của đa dạng sinh học tỉnh Trà Vinh.

➤ Hệ sinh thái rừng ngập mặn

Rừng ngập mặn phân bố chủ yếu ở vùng rìa ven biển trên các bãi lầy mặn được hình thành giữa trầm tích sông và ảnh hưởng thủy triều. Rừng ngập mặn xung quanh khu vực dự án mang đặc trưng chung của rừng ngập mặn toàn tỉnh Trà Vinh. Hệ thực vật và động vật ở đây còn khá phong phú và đa dạng có nhiều loài có giá trị kinh tế cao.

- Hệ thực vật:

Các loài thực vật được phát hiện ở rừng ngập mặn tỉnh Trà Vinh bao gồm 101 loài thực vật phù du (Phytoplankton), các loài thực vật phù du chủ yếu làm thức ăn cho ấu trùng tôm/cá đạt trung bình 0,7 – 1,5 triệu tế bào/m³.

Khu hệ thực vật rừng ngập mặn ở vùng này có sự hiện diện 16 loài cây đặc trưng cho rừng ngập mặn vùng nhiệt đới Đông Nam Á. Theo khảo sát, khu hệ thực vật tại đây có tổng cộng 132 loài thuộc 105 chi của 56 họ thực vật. Trong đó có 05 họ thực vật nhiều nhất là các họ Fabaceae, Rhizophoraceae, Asteraceae, Cyperaceae, Poaceae.

Thảm thực vật rừng ngập mặn tại đây cấu thành từ 12 quần hợp thực vật:

Các quần hợp thực vật rừng tự nhiên bao gồm: Bần trắng (*Sonneratia alba*), Mắm (*Avicennia alba*), Quần hợp mắm (*Avicennia* spp) + Vẹt (*Bruguiera* spp) + Bần (*Sonneratia* spp); Quần hợp thực vật ven sông rạch bao gồm: Quần hợp Đước (*Rhizophora apiculata* + *Rhizophora mucronata*); Quần hợp dừa nước (*Nipa fruticans*); Quần hợp phi lao (*Casuarina equisetifolia*).

Các quần hợp thực vật trên đất canh tác: Quần hợp thực vật trên đất nông nghiệp, Quần hợp thực vật trên đất thủy sản, Quần hợp thực vật trên đất ruộng muối.

- Hệ động vật:

Hệ sinh thái động vật rừng ngập mặn có hệ động vật mang đặc trưng của động vật vùng ven biển và khá phong phú với khá nhiều loài bao gồm:

Động vật phù du (Zooplankton): 48 loài, trong đó Arthropoda chiếm ưu thế. Mật độ động vật phù du đạt trung bình 15.600 – 34.000 con/m³.

Giun nhiều tơ (Polychaeta): 20 loài;

Lớp chân bụng (Gastropoda): 26 loài;

Lớp 02 mảnh vỏ (Bivalvia): 22 loài;

Chân đầu (Cephalopoda): 4 loài;

Giáp xác (tôm, moi): trên 50 loài;

Giáp xác (cua, còng): trên 30 loài;

Khu hệ cá biển/lợ: trên 200 loài.

➤ **Hệ sinh thái vùng cửa sông, ven biển**

Hệ sinh thái vùng cửa sông – ven biển chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tác động của thủy triều và sự pha trộn giữa nước mặn và nước ngọt. Cửa sông duy trì những quá trình quan trọng như vận chuyển chất dinh dưỡng và phù du sinh

vật, du đẩy các ấu trùng tôm, cá xác bồi động thực vật và quyết định các dạng trầm tích ven biển. Hệ sinh thái vùng cửa sông – ven biển nằm trong số các hệ sinh thái phong phú và năng động nhất, tuy nhiên chúng rất dễ bị ảnh hưởng do ô nhiễm môi trường, do thay đổi chế độ nước.

- Hệ thực vật:

Hệ thực vật vùng cửa sông – ven biển xác định 73 loài thực vật phù du thuộc 5 ngành, ngành tảo silic (Bacillariophyta): 49 loài; Ngành tảo mắt (Euglenophyta): 9 loài; Ngành tảo lục (Chlorophyta): 8 loài; Ngành tảo giáp (Pyrophyta): 01 loài; Ngành tảo lam (Cyanophyta): 6 loài. Các loài chiếm ưu thế là *Ceratium macroceros*, *Cfucus*, *Oscillatoria limosa*, *Chaetoceros lorenzianus*, *Coscinodiscus radiates*, *Cperforatus Casteromphalus*, *Ccentralis*, *Nitzschia sigma*.

- Hệ động vật:

Động vật phù du: thành phần loài động vật phù du nghèo nàn, chỉ tìm thấy 48 giống loài phân bố theo các ngành: ngành Prorozoa: 1 loài; Mollusca 2 loài; ngành Nematelminthes có lớp Rotatoria 10 loài bộ Cladocera 75 loài trong đó ngành Arthropoda có số lượng nhiều nhất.

Động vật đáy: thành phần loài động vật đáy (Zoobenthos) vùng cửa sông và ven biển kém phong phú, chỉ tìm thấy 73 loài;

Giáp xác: đã xác định được 109 loài có ý nghĩa sinh thái và kinh tế thuộc 06 họ và 30 loài bao gồm: họ tôm He hay tôm biển (Penaeidae) xác định được 18 loài; họ tôm càng (Palaemonidae) xác định được 1 loài; họ tôm Lân (Alpheidae) có 1 loài; họ tôm tít (Squillidae) có 1 loài; họ Mòi, Ruốc xác định được 6 loài; nhóm cua xác định được 3 loài trong họ cua bơi.

Nhuyễn thể: đã xác định được 70 loài trong đó lớp chân bụng 30 loài, chân đầu 10 loài, hai mảnh vỏ 30 loài, Trong các loài 2 mảnh vỏ nghêu và sò huyết là 02 đối tượng có giá trị kinh tế và có số lượng lớn ở tỉnh Trà Vinh. Ngoài ra còn có loài dất thuộc họ Corbulidae với số lượng rất lớn ở cửa Định An. Chúng phân bố mật độ khá lớn từ cửa Vàm Láng Sắc (xã Định Anh) kéo dài đến cửa Định An.

Khu hệ cá biển/lợ: hệ cá biển/lợ được xác định có tổng cộng 211 loài cá thuộc 5 họ. Trong đó bộ cá Vược có số lượng nhiều nhất gồm 33 họ: họ cá Khế Carangidae 15 loài họ cá Đù Sciaenidae loài họ cá Liệt Leiognathidae loài họ cá Hồng Lujanidae 7 loài họ cá Sơn biển 5 loài,...

➤ **Hệ sinh thái trên cạn:**

- Thảm thực vật: có tính đa dạng về thành phần loài, khoảng 111 họ



+ Khu hệ thực vật trên đất: phát hiện 132 loài với 105 chi thuộc 56 họ được xếp vào 2 ngành thực vật bậc cao có mạch: ngành dương xỉ (Polypodiophyta), ngành thực vật hạt kín (Magnoliophyta).

+ Thảm thực vật trên đất: gồm nhiều quần hợp thực vật. Quần hợp Mắm trắng một số loài sống xen với quần hợp này có Bần và Đà; quần hợp mắm + vẹt + bần là kiểu rừng hỗn hợp phát triển trên vùng đất phèn tiềm tàng mặn, thường xuyên ngập triều và có địa hình thấp các vùng ven biển Duyên Hải.

+ Động vật: Lớp thú phát hiện được 05 loài thuộc 05 họ, 02 bộ là bộ dơi và họ gặm nhấm; lớp chim gồm có 35 họ 79 loài trong đó có một số loài đang trong tình trạng bị đe dọa là quạ đen và điên điên; Lớp bò sát có 15 loài thuộc 10 họ và 01 bộ có ả trong đó có 04 loài nằm trong sách đỏ Việt Nam là Kỳ Đà hoa, rắn hổ chúa, rắn cạp nong và rắn hổ mang; lớp lưỡng thê có 05 loài thuộc 03 họ và 01 bộ gồm cóc nhà, ếch đồng, chàng hiu, nhái và ếch cây.

Thảm thực vật rừng ngập mặn tỉnh Trà Vinh có một số đặc điểm khá thú vị và đáng quan tâm, tuy nhiên chúng cũng có đặc điểm tương tự như hệ thực vật ngập mặn ở các vùng khác của miền Tây Nam Bộ. Ở phía biển, đai rừng có loài Mắm trắng (*Avicennia alba*) chiếm ưu thế, đây là kiểu rừng khá phổ biến ở Trà Vinh. Những quần thể Mắm trắng cũng là kiểu tái sinh ở các ao nuôi trồng thủy sản bỏ hoang.

❖ **Đặc điểm sinh thái khu vực dự án**

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện dự án đơn vị tư vấn đã phối hợp với chủ dự án tiến hành trình khảo sát thực địa hệ sinh thái tại khu vực dự án chủ yếu các loại như sau:

Đặc điểm sinh thái của khu vực dự án chủ yếu là nuôi tôm theo hình thức quảng canh và thâm canh, nuôi tôm công nghệ cao. Trong phạm vi cách dự án khoảng 1 km là các ao, vuông nuôi tôm. Khu vực dự án tại thửa đất số 521 và thửa 1347 người dân thực hiện nuôi tôm quảng canh nhưng hiện tại không có nuôi tôm.

Đối với động vật và thực vật khác của khu vực dự án cụ thể như sau:

+ Động vật: các loài chim, cò, chuột và các loài thủy sản cua, loài nhuyễn thể,...

+ Thực vật: bao gồm các loại cây tạp, cây bụi rậm, dây leo và cây đước.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Theo đánh giá và nhận dạng các yếu tố nhạy cảm về môi trường tại mục 5.1 các yếu tố nhạy cảm về môi trường được quy định tại điểm đ, khoản 4, điều

25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2.4. Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án

- Dự án thực hiện nhằm vận chuyển phần đất dôi dư từ hoạt động cải tạo ao hồ nhằm nhanh chóng hoàn trả mặt bằng lại cho người dân hoạt động sản xuất và nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu đất dôi dư để cung cấp cho công trình Nhà máy sản xuất Hydro xanh Trà Vinh sử dụng san lấp mặt bằng.

- Ngoài ra, dự án còn phù hợp với các văn bản pháp luật sau:

+ Công văn số 578/UBND-KT ngày 29/4/2022 của UBND huyện Duyên Hải về việc phê duyệt phương án xin cải tạo ao hồ của ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải;

+ Công văn số 1350/UBND-KT ngày 13/9/2023 của UBND huyện Duyên Hải về việc cải tạo ao, khu nuôi và lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023-2024 trên địa bàn huyện Duyên Hải;

+ Công văn số 1759/UBND-KT ngày 14/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc thẩm định Phương án vận chuyển đất, cát dôi dư sau khi cải tạo đất nông nghiệp của hộ ông Mai Văn Yên;

+ Biên bản khảo sát thực tế khu vực xin vận chuyển đất, cát dôi dư từ việc cải tạo đất phục vụ sản xuất nông nghiệp của hộ ông Mai Văn Yên của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Duyên Hải.

+ Hợp đồng số 01/HĐ-ĐTM ngày 09/11/2023 được ký kết giữa hộ ông Mai Văn Yên với Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm về việc thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và các thủ tục vận chuyển, tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên.

Từ những nội dung trên, việc thực hiện dự án là hoàn toàn phù hợp.



CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Để đánh giá, dự báo các tác động của dự án đến môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội cần phân tích và nhận dạng những loại tác động trong quá trình cải tạo, bốc dỡ, vận chuyển đất dôi dư.

Trong quá trình thực hiện, dự án phát sinh ra các chất ô nhiễm có thể ảnh hưởng đến môi trường bên trong khu vực dự án và môi trường xung quanh. Các tác động trong quá trình triển khai dự án có mối liên quan mật thiết với nhau và cần được đánh giá mức độ tác động cụ thể của mỗi nguồn tác động, từ những đánh giá đó sẽ đề ra những giải pháp giảm thiểu cụ thể, phù hợp và đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đối với từng nguồn tác động đã được đánh giá.

Việc đánh giá tác động của dự án đến môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường được thực hiện chủ yếu là giai đoạn vận hành của dự án (tiến hành cải tạo, bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra để thực hiện san lấp mặt bằng).

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

Theo tính chất của dự án là hoạt động bốc dỡ và vận chuyển khối lượng đất dôi dư ra để thực hiện san lấp mặt bằng, khu vực thực hiện dự án là đất nuôi trồng thủy sản, trên mặt bằng dự án không có công trình và dự án triển khai không tiến hành xây dựng hạng mục công trình → Không đánh giá giai đoạn thi công, xây dựng.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

Dự án tận thu phần đất dôi dư tại thửa đất số 521 và vận chuyển đến thửa đất số 1347 tọa lạc tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để lưu chứa tạm thời. Sau đó, Chủ dự án thực hiện vận chuyển đến các công trình có nhu cầu trong khu vực 04 xã đảo. Chủ yếu thực hiện hoạt động đào, bốc dỡ và vận chuyển khối lượng đất dôi dư sử dụng san lấp mặt bằng. Trong quá trình bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra, số lượng công nhân viên của dự án là 07 người.

3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động

a. *Đánh giá, dự báo tác động có liên quan đến chất thải*

a.1). *Nước thải sinh hoạt*

Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu của 04 công nhân lái xe cuộc.



Dự án không bố trí khu vực sinh hoạt cho công nhân. Công nhân làm việc tại dự án sử dụng nhà vệ sinh của chủ đất hoặc tại các cơ sở dịch vụ ăn uống gần khu vực dự án. Đối với công nhân lái xe do tính chất di chuyển thường xuyên, nên nhu cầu sinh hoạt sử dụng nhà vệ sinh tại các cơ sở dịch vụ ăn uống. Do đó, không phát sinh nước thải sinh hoạt tại khu vực dự án.

a.2). Nước mưa chảy tràn

- *Nguồn phát sinh:* Trong giai đoạn vận hành dự án, nguồn gây tác động do ảnh hưởng của nước mưa chảy tràn chủ yếu tại các bờ đất khu vực dự án.

- *Quy mô nguồn thải:* Theo *Handbook for Environment Engineering, 2005* thì lượng nước mưa lớn nhất theo tháng chảy tràn qua khu vực dự án được tính theo công thức:

$$Q = C \cdot I \cdot A / 1.000$$

Trong đó:

+ Q: Lưu lượng nước mưa chảy tràn cực đại (m³/tháng).

+ S: Hệ số chảy tràn (C=0,6515).

+ A: Diện tích thoát nước (m²).

+ I: Lượng mưa trung bình tháng lớn nhất, theo Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh, lượng mưa cao nhất trong những năm gần đây vào khoảng 456,7mm (tháng 10/2016).

Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích của dự án bao gồm khu vực dự án:

+ Tại thửa đất 521: $Q_1 = 0,6515 \cdot 456,7 \cdot 8045,16 / 1000 = 2.394 \text{ m}^3/\text{tháng}$

+ Tại thửa đất 1347: $Q_2 = 0,6515 \cdot 456,7 \cdot 11.847 / 1000 = 3.525 \text{ m}^3/\text{tháng}$

- *Không gian tác động:* Khu vực cải tạo chứa đất dôi dư thuộc thửa đất số 521 chủ yếu là ao hồ, xung quanh có bờ bao, địa chất các bờ đất có thành phần lớp mặt là đất, bên dưới chủ yếu là cát, có hệ số thấm rất cao, nên phần lớn nước mưa sẽ thấm trên các bờ, và chảy tràn xuống ao trong khu vực dự án. Do đó, không gian tác động chủ yếu là tại khu vực dự án, hầu như không tác động đến các đối tượng xung quanh. Đối với khu vực bãi tập kết tạm thời thuộc thửa đất 1347, đối tượng tiếp giáp là sông Cồn Cù, tiêu thoát nước nhanh. Bên cạnh đó, xung quanh bãi chứa có bờ bao ngăn nước mưa chảy tràn ra xung quanh, khu vực bãi chứa có cửa xả dẫn nước về ao lãng nên tác động do nước mưa chảy tràn đến các đối tượng xung quanh là rất thấp.

- *Thời gian tác động:* Phát sinh và gây tác động khi có mưa, dự kiến từ tháng 1/2024 đến tháng 12/2024. (Theo Niên giám thống kê, năm 2020 mưa



nhiều tập trung chủ yếu vào tháng 6 và tháng 7, nên các tác động của nước mưa chảy tràn cũng tập trung chủ yếu vào 02 tháng này).

a.3). Tác động do nước thải phát sinh từ hoạt động bơm vật liệu về bãi tập kết

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ 02 khu chứa đất, cát dôi dư sau cải tạo (thuộc thửa 521) bằng máy sên bùn, bơm vật liệu về bãi tập kết tạm thời (thuộc thửa 1347).

- *Quy mô nguồn thải:* tham khảo các công trình tương tự và kinh nghiệm thực tế của chủ dự án trong quá trình thi công, lượng nước thải phát sinh bằng với khối lượng vật liệu cần bơm. Khối lượng vật liệu cần bơm về bãi tập kết là 17.842,57 m³. Như vậy, lượng nước thải phát sinh từ hoạt động bơm vật liệu về bãi tập kết là 17.843 m³. Thời gian thực hiện bơm trong 03 tháng, lượng nước thải phát sinh tương đương 198 m³/ngày.

- *Tính chất nguồn thải:* Nước thải có độ đục rất cao.

- *Phạm vi tác động:* Đối với nước thải từ hoạt động bơm vật liệu về bãi chứa, nước thải chỉ xả thải trong phạm vi của thửa đất cải tạo, không xả thải ra môi trường xung quanh.

a.4). Tác động do bụi và khí thải

- *Nguồn phát sinh:* Trong quá trình vận hành dự án, các nguồn phát sinh bụi, khí thải bao gồm:

+ Phát sinh bụi, cát bay từ bãi tập kết.

+ Phát sinh từ quá trình bốc, xúc đất hạ độ cao và hoạt động bốc xúc đất lên phương tiện vận chuyển.

+ Phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển.

- *Quy mô nguồn thải:*

(1) Phát sinh bụi, cát bay từ bãi tập kết

Bụi, cát bay phát sinh khi có gió lớn, giông lốc đặc biệt vào mùa gió chướng sẽ làm phát tán bụi, cát bay làm ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh khu vực bãi tập kết (thuộc thửa đất 1347).

Khi vật liệu cô kết, chủ dự án bố trí máy đào bốc dỡ vật liệu lên phương tiện vận chuyển và vận chuyển đến công trình để tiếp tục bơm vật liệu mới vào bãi tập kết. Dự án vừa thực hiện cải tạo vừa thực hiện vận chuyển, nên các tác động từ bụi, cát bay tại bãi chứa chủ yếu là từ hoạt động bốc dỡ, vận chuyển.

Do đó, quy mô phát thải bụi, cát bay từ bãi chứa được đánh giá là thấp.



(2) Phát sinh từ hoạt động đào đất

Bụi phát sinh từ các hoạt động đào khối lượng đất dôi dư ra của dự án. Cuốc đất là nguồn chính gây ô nhiễm không khí.

Hệ số ô nhiễm bụi được tính bằng công thức:

$$E = k \times 0,0016 \times \frac{(U/2,2)^{1,3}}{(M/2)^{1,4}} \text{ (kg/tấn)}$$

Trong đó:

- E: Hệ số ô nhiễm (kg/tấn).
- k: Cấu trúc hạt, có giá trị trung bình (0,35).
- u_{tb} : Tốc độ gió trung bình tại khu vực dự án (1,5 m/s).
- M: Độ ẩm trung bình của vật liệu (80%).

Áp dụng công thức tính được hệ số ô nhiễm

$$E = 0,35 \times 0,0016 \times (1,5/2,2)^{1,3} / (0,8/2)^{1,4} = 0,001 \text{ kg bụi/tấn}$$

Tính toán khối lượng bụi phát sinh từ việc đào đất theo công thức sau:

$$W = E \times Q \times d$$

Trong đó:

- W: Lượng bụi phát sinh bình quân (kg);
- E: Hệ số ô nhiễm (kg bụi/tấn đất);
- Q: Lượng đất đào (m^3);
- d: Tỷ trọng đất đào ($d=1,5 \text{ tấn}/m^3$).

Hoạt động thi công bốc dỡ khối lượng đất dôi dư bằng máy đào diễn ra 365 ngày đối với thửa 1347. Khi đó dự báo khối lượng nồng độ bụi phát sinh theo ngày như sau:

Bảng 25. Khối lượng bụi phát sinh của khu vực dự án

Stt	Thửa đất	Khối lượng bụi (kg/ngày)	Nồng độ bụi (mg/m^3)	QCVN 05:2013/BTNMT
1	1347	0,192	0,00000096	0,3

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Ghi chú:

Tính toán theo thể tích lớp không khí gần mặt đất khu vực dự án $V=H \times S$

- Thể tích mặt thoáng của khu vực dự án (m^3);

- S: diện tích mặt bằng khu vực (m²);
- H = 10 m là chiều cao đo các yếu tố khí tượng (m).

Nhận xét:

So sánh với QCVN 05:2013/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (hàm lượng tổng bụi trong thời gian 1 giờ theo QCVN là 0,3 mg/m³) thì nồng độ bụi trung bình phát sinh khu vực dự án đều đạt quy chuẩn. Với vị trí dự án cách nhà dân từ 50 – 100 m thì hầu như lượng bụi trong quá trình đào, bốc dỡ khối lượng đất không ảnh hưởng đến người dân xung quanh.

Mặt khác hầu hết loại bụi này có kích thước lớn nên có khả năng sa lắng ngay tại vị trí phát sinh, riêng bụi có kích thước nhỏ theo gió phát tán nên chủ dự án sẽ tiến hành bơm phun nước bề mặt trước khi bốc dỡ khối lượng đất tạo độ ẩm hạn chế phát sinh lượng bụi có kích thước nhỏ gây ảnh hưởng đến hoạt động nuôi thủy sản của người dân khu vực.

(3) Phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện thi công:

Bảng 26. Bảng tổng hợp nhiều liệu tiêu hao của máy móc thi công

STT	Nguyên – nhiên liệu	Số lượng (hoạt động)	Định mức (lít/ca)	Tổng khối lượng (lít/ca)
1	Máy cuốc (dung tích gàu 0,8 m ³)	1	65	260
	Tổng			260

Theo bảng trên, lượng dầu DO tối đa sử dụng là 260 lít/ca = 32,5 lít/giờ = 27,95 kg/giờ (Tỷ trọng của dầu DO là 0,86 kg/lít).

Theo Viện Nhiệt đới Môi trường Tp. Hồ Chí Minh, lượng khí thải thực tế khi đốt 1 kg dầu DO ở nhiệt độ thường (Nm³: N= nomal, nhiệt độ 15-20°C, 1 atm; Riêng Việt Nam lấy nhiệt độ này là nhiệt độ phòng: 25°C) khoảng 22 - 25 Nm³ khí thải. Lưu lượng khí thải tối đa của các phương tiện thi công trong 1 giờ:

$$25 \text{ Nm}^3 * 27,95 \text{ kg/giờ} = 698,75 \text{ Nm}^3/\text{giờ} = 0,194 \text{ Nm}^3/\text{s}.$$

Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm phát thải như sau:

Bảng 27. Tải lượng và nồng độ ô nhiễm khí thải của các thiết bị thi công

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn)*	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Nồng độ ô nhiễm (mg/Nm ³)	QCVN19:2009/ BTNMT, (mg/Nm ³)
1	Bụi	0,71	0,0055	28,41	200

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn)*	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Nồng độ ô nhiễm (mg/Nm ³)	QCVN19:2009/ BTNMT, (mg/Nm ³)
2	SO ₂	20S	0,0008	4,00	500
3	NO _x	9,62	0,0747	384,99	850
4	VOC	0,791	0,0061	31,66	-

(Nguồn: “*” *Assessment of sources of air, water, and land pollution - WHO, 1993*)

Ghichú:

S: Hàm lượng lưu huỳnh có trong dầu DO là 0,05%.

“- “: không quy định.

Nhận xét:

Kết quả tính toán cho thấy nồng độ ô nhiễm khí thải do quá trình bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra tại khu vực dự án đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT. Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường và sức khỏe công nhân thi công tại công trường.

(4) *Phát sinh từ phương tiện vận chuyển khối lượng đất, cát đến nơi tiêu thụ*

- Phương tiện vận chuyển chủ yếu bằng đường bộ: trong quá trình vận chuyển khối lượng đất dôi dư về bãi tập kết sử dụng xe ben với tải trọng 10 tấn. Trong quá trình vận chuyển sử dụng nhiên liệu do đó phát sinh chất gây ô nhiễm chủ yếu là bụi, khói có chứa CO, SO_x, NO_x và hydrocacbon.

Khối lượng đất cần vận chuyển bằng đường bộ (thửa 1347) là 17.842,57 m³. Nếu sử dụng xe vận chuyển có tải trọng trung bình 10 tấn (5 m³) và với thời gian vận chuyển dự kiến khoảng 50 m³/ngày thì ước tính cần trung bình 10 lượt xe/ngày.

Bảng 28. Tải lượng ô nhiễm của phương tiện vận chuyển đường bộ

Stt	Chất ô nhiễm	Điều kiện vận chuyển	Hệ số ô nhiễm (g/xe.km)	Lượt xe (Lượt)	Khoảng cách trung bình (km)	Tải lượng (g/ngày)
1	Bụi	Chạy có tải	1,19	10	8	95,2
		Chạy không tải	0,611	10	8	48,88
2	SO ₂	Chạy có tải	0,786	10	8	62,88

Stt	Chất ô nhiễm	Điều kiện vận chuyển	Hệ số ô nhiễm (g/xe.km)	Lượt xe (Lượt)	Khoảng cách trung bình (km)	Tải lượng (g/ngày)
		Chạy không tải	0,582	10	8	46,56
3	NO _x	Chạy có tải	2,96	10	8	236,8
		Chạy không tải	1,62	10	8	129,6
4	CO	Chạy có tải	1,78	10	8	142,4
		Chạy không tải	0,913	10	8	73,04
5	VOC	Chạy có tải	1,27	10	8	101,6
		Chạy không tải	0,511	10	8	40,88

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Ghi chú:

- Khối lượng riêng của dầu Diesel ở 15⁰C là 820 – 860 kg/m³. Ta chọn $\rho=860\text{kg/m}^3$.

- Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu lấy bằng 0,05%.

Theo kết quả tính toán, tải lượng phát sinh chất ô nhiễm không khí từ phương tiện vận chuyển đường bộ rất thấp.

Đây là nguồn thải không cố định, khí thải phát tán theo chiều dài của quãng đường vận chuyển. Do đó, phạm vi ảnh hưởng của nguồn thải đối với người dân và môi trường không khí dọc theo tuyến đường vận chuyển là không đáng kể.

Hệ số phát thải của tàu và sà lan chạy bằng động cơ Diesel như sau:

Bảng 29. Tải lượng ô nhiễm của phương tiện vận chuyển đường thủy

Chất ô nhiễm	Bụi	SO ₂	NO _x	CO	VOC
Hệ số phát thải (kg/10.000km) (*)	6,8	136S	90,7	0,036	4,1
Tải lượng ô nhiễm (g/km)	0,68	13,6S	9,07	0,0036	0,41

(*) Nguồn: WHO, 1993)

Theo kết quả tính toán, tải lượng phát sinh chất ô nhiễm không khí từ phương tiện vận chuyển đường thủy rất thấp.

Đây là nguồn thải không cố định, khí thải phát tán theo chiều dài của quãng đường vận chuyển. Do đó, phạm vi ảnh hưởng của nguồn thải đối với người dân và môi trường không khí dọc theo tuyến đường vận chuyển là không đáng kể.

- *Về không gian tác động*: Bụi có khối lượng nhẹ, dễ phát tán trong không khí. Đối với bãi tập kết: Trong bán kính 100 m có khoảng 8 nhà dân chịu tác động. Ngoài ra đối tượng chịu tác động bởi bụi, khí thải từ hoạt động của dự án là các hộ dân dọc theo tuyến vận chuyển đường bộ. Theo khảo sát, dọc theo tuyến đường vận chuyển 8 km, nhà dân thưa thớt.

- *Về thời gian tác động*: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành dự án, 12 tháng tính từ ngày được cấp phép, đủ điều kiện vận chuyển.

a.5). *Chất thải rắn thông thường*

Dự án chủ yếu là bốc dỡ khối lượng đất dôi dư tại 02 thửa đất 521 (bằng máy bơm) và 1347 (máy cuốc, xe ben) nên trong quá trình hoạt động của dự án có các loại chất thải rắn phát sinh như sau:

Chất thải rắn sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh*: Từ các hoạt động của công nhân, dự kiến tối đa 07 người.

- *Quy mô nguồn thải*: Khối lượng CTRSH phát sinh trong giai đoạn vận hành được tính toán theo công thức sau:

$$M_{CTRSH} = N (\text{người}) * M_{dm} (\text{kg/người/ngày}) = 07 * 0,8 = 5,6 (\text{kg/ngày})$$

Trong đó:

+ M_{CTRSH} : Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong một ngày (kg/ngày).

+ N: số công nhân làm việc tại dự án.

+ M_{dm} : Định mức phát sinh chất thải rắn sinh hoạt. Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD, CTRSH phát sinh vào khoảng 0,8 kg/người/ngày.

- *Tính chất nguồn thải*: thành phần chính là chất hữu cơ dễ phân huỷ, phần còn lại là giấy vụn, nylon, nhựa cao su, thành phần vô cơ và hữu cơ khó phân huỷ. Tuy khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án là không lớn, nhưng nếu không được thu gom và xử lý tốt thì sẽ gây ô nhiễm môi trường, nhất là nguồn nước mặt tại khu vực dự án, ảnh hưởng xấu đến đời sống của các giống loài thủy sinh, nguồn nước cấp phục vụ cho nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra, các chất hữu cơ trong rác thải sinh hoạt trong quá trình phân huỷ chất thải hữu cơ trong rác thải phát sinh các chất độc hại (CH_4 , H_2S ,...), tạo điều kiện cho các vi sinh vật gây bệnh phát triển, gây nguy cơ phát sinh và lây truyền mầm bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân làm việc.

- *Về không gian tác động*: CTRSH có trọng lượng riêng tương đối nặng, khó phát tán vào không khí hay phát tán theo gió ra xung quanh. Do đó, không gian tác động chủ yếu tại khu vực phát sinh.

- *Về thời gian tác động*: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành dự án, 12 tháng tính từ ngày được cấp phép, đủ điều kiện vận chuyển.

Chất thải rắn thông thường

- *Nguồn phát sinh:* Chất thải rắn thông thường phát sinh tại dự án chủ yếu là phần đất bị dính vào bánh xe ben trong quá trình vận chuyển từ thửa đất bốc dỡ đến đường nhựa nông thôn.

- *Quy mô nguồn thải:* Khối lượng ước tính phát sinh khoảng 0,1 m³/ngày. Thời gian thực hiện vận chuyển đường bộ khoảng 365 ngày. Tổng khối lượng bùn rơi vãi trong suốt thời gian thực hiện dự án khoảng 36,5m³.

- *Tính chất nguồn thải:* thành phần chủ yếu là bùn đất, cát. Khối lượng đất dính bám vào phương tiện vận chuyển nếu không được thu gom và quản lý tốt sẽ gây ảnh hưởng đến an toàn khi tham gia giao thông đặc biệt vào những ngày có mưa sẽ gây trơn trượt và mất mỹ quan khu vực dự án và trên đường vận chuyển. Do đó, Chủ đầu tư cần phải có phương án thu gom và quản lý không gây ảnh hưởng đến hoạt động của người dân và mỹ quan khu vực dự án và xung quanh.

- *Không gian tác động:* tại khu vực dự án, dọc theo tuyến đường vận chuyển từ thửa đất khai thác tận thu đến bãi tập kết của công ty.

- *Về thời gian tác động:* Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành dự án, 12 tháng tính từ ngày được cấp phép, đủ điều kiện vận chuyển.

a.6). Chất thải nguy hại

- *Nguồn phát sinh:* CTNH phát sinh của dự án trong giai đoạn này chủ yếu là quá trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt thải, bình Ắc quy thải, giẻ lau dính dầu nhớt từ quá trình bảo dưỡng thiết bị,...

- *Quy mô nguồn thải:* Khối lượng CTNH phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi tiến hành vệ sinh phương tiện, thay dầu nhớt định kỳ hoặc do rò rỉ từ quá trình cấp nhiên liệu. Ước tính khối lượng phát sinh khoảng 244kg/năm.

Bảng 30. Khối lượng CTNH phát sinh của dự án

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/ 12 tháng)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, bao tay dính dầu	Rắn	20	18 02 01
2	Dầu, nhớt thải	Lỏng	144	17 02 03
3	Bình ắc quy	Rắn	60	16 01 12
Tổng cộng			244	

Theo kết quả điều tra, khảo sát dầu nhớt thải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện năm 2002 và số liệu tham khảo từ các cơ sở sửa chữa ô tô cho thấy:

- Lượng dầu nhớt thải ra từ các phương tiện vận chuyển và thi công cơ giới trung bình 7 - 12 lít/lần thay;



- Chu kỳ thay nhớt và bảo dưỡng máy móc: trung bình khoảng 6 tháng.

Số lượng phương tiện thi công ước tính có mặt tại công trình phải thực hiện bảo trì định kỳ mà có phát sinh dầu nhớt thải là 2 phương tiện. Khối lượng dầu nhớt thải phát sinh được dự báo như sau:

$$Q_{\text{dầu nhớt thải}} = 12(\text{lít/lần}) * 6 (1 \text{ xe cuốc, } 5 \text{ xe ben}) * 2 (\text{lần/năm}).$$
$$= 144 \text{ lít.}$$

Một số loại chất thải nguy hại khác

- Giẻ lau dính dầu nhớt: Giẻ lau được sử dụng trong quá trình bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị với số lượng khá ít và không có định mức cụ thể. Ước tính sơ bộ khối lượng giẻ lau phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo trì là 2 kg/tháng.

- Ấc quy thải: Ấc quy thải phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo trì thiết bị. Nguồn thải này thường phát sinh định kỳ theo tuổi thọ của bình ắc quy. Dự báo khối lượng ắc quy thải trong suốt thời gian thi công của dự án là khoảng 4 cái, tương đương với 4 phương tiện thi công. Khối lượng trung bình của ắc quy là khoảng 15 kg, như vậy tổng khối lượng ắc quy thải là 60 kg.

- Tính chất nguồn thải:

CTNH khi không được quản lý và xử lý theo đúng quy định sẽ gây ra những tác động tiêu cực lên các thành phần môi trường đất, nước, không khí, cũng như ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp lên sức khỏe con người. Cơ chế tác động và tích lũy của CTNH lên sinh vật sẽ khác nhau phụ thuộc vào loài, thể trạng, điều kiện tiếp xúc. Các tác động tiêu cực của CTNH đối với môi trường và sức khỏe con người được biểu hiện cụ thể ở tính chất của CTNH như sau:

- *Chất dễ cháy:* Các chất thải ở thể rắn hoặc lỏng mà bản thân chúng có thể nổ do kết quả của phản ứng hóa học (khi tiếp xúc với ngọn lửa, bị va đập hoặc ma sát) hoặc tạo ra các loại khí ở nhiệt độ, áp suất và tốc độ gây thiệt hại cho môi trường xung quanh. Gây tổn thương da, bỏng và có thể dẫn đến tử vong, phá hủy vật liệu, phá hủy công trình. Từ quá trình cháy nổ, các chất dễ cháy nổ hay sản phẩm của chúng cũng có đặc tính nguy hại, phát tán ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí.

- Có độc tính:

+ *Độc tính nguy hại:* do hóa chất có thể gây ngộ độc qua da, niêm mạc, hít hay ăn phải hoặc gây thương tích như bỏng. Ảnh hưởng gián tiếp các yếu tố nguy hại này xảy ra do nhiễm độc nước ngầm khi các chất này được quản lý và xử lý không tốt.



+ **Độc di truyền:** Các chất độc có đặc tính gây đột biến gen, gây hư hại ADN, gây quái thai hoặc gây ung thư.

- **Độc tính sinh thái:** các chất thải có thành phần nguy hại gây tác hại nhanh chóng hoặc từ từ đối với môi trường và các hệ sinh vật thông qua tích lũy sinh học.

- **Không gian tác động:** tại khu vực dự án, khu vực sửa chữa phương tiện.

- **Về thời gian tác động:** Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành dự án, 12 tháng tính từ ngày được cấp phép, đủ điều kiện vận chuyển.

b. Xác định nguồn phát sinh và mức độ tác động của tiếng ồn, độ rung

b.1). Tiếng ồn

- **Nguồn phát sinh:** Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển.

- **Mức độ:** Mức ồn các nguồn cách nguồn của các phương tiện vận chuyển và thi công được tính toán theo công thức sau:

$$Lp(X) = Lp(X0) + 20 \log_{10}(X0/X)$$

Trong đó:

- LP(X0): mức ồn cách nguồn 1m (dBA).

- LP(X): Mức ồn tại vị trí cần tính toán.

- X: vị trí cần tính toán.

- X0 = 1m.

Mức ồn do máy móc thi công gây ra được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 31. Mức ồn tối đa từ hoạt động của máy cơ giới

STT	Loại máy móc	Mức ồn ứng với khoảng cách 1m		Mức ồn ứng với khoảng cách					
		Khoảng	TB	5m	10m	20m	50m	100m	200m
1	Xe ben	82-94	88	74,0	68,0	62,0	54,0	48	42
2	Xe cuốc	75-98	86,5	72,5	66,5	60,5	52,5	46,5	40,5
QCVN 26:2010/BTNMT: 70dBA (6-21h)									

(Nguồn: Môi trường không khí, Phạm Ngọc Đăng, NXB Khoa học kỹ thuật, 2003)



Tác động của tiếng ồn đối với cơ thể con người ở các dải tần khác nhau được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Bảng 32. Tác hại của tiếng ồn đối với sức khỏe con người

TT	Mức ồn (dBA)	Tác động đến người nghe
1	0	Ngưỡng nghe thấy
2	100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
3	110	Kích thích mạnh màng nhĩ
4	120	Ngưỡng chói tai
5	130 ÷ 135	Gây bệnh thần kinh, nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
6	140	Đau chói tay, gây bệnh mắt trí, điên
7	145	Giới hạn cực đại mà con người có thể chịu được tiếng ồn
8	150	Nếu nghe lâu sẽ bị thủng màng nhĩ
9	160	Nếu nghe lâu sẽ nguy hiểm
10	190	Chỉ cần nghe trong thời gian ngắn đã bị nguy hiểm

(Nguồn: Môi trường không khí, Phạm Ngọc Đăng, NXB Khoa học kỹ thuật, 2003)

Mức ồn cao hơn tiêu chuẩn cho phép sẽ gây ảnh hưởng tới sức khỏe của người lao động như gây mất ngủ, mệt mỏi, gây tâm lý khó chịu. Mức ồn cao còn làm giảm năng suất lao động. Tiếp xúc với tiếng ồn có cường độ lớn trong thời gian dài sẽ làm cho thính giác giảm sút, dẫn tới bệnh điếc nghề nghiệp.

- *Không gian tác động*: Theo bảng 32 Mức ồn tối đa từ hoạt động của máy cơ giới cho thấy tiếng ồn phát sinh vượt quy chuẩn ở khoảng cách từ 1-5 m so với phương tiện xe cuốc và xe ben tuy nhiên vị trí dự án cách nhà dân tối thiểu là 30 m (vị trí bãi tập kết). Do đó hoạt động của dự án phát sinh tiếng ồn hầu như không ảnh hưởng đến người dân khu vực.

Đối với phương tiện vận chuyển đường bộ, tiếng ồn tác động dọc theo tuyến đường vận chuyển 8 km từ thửa đất 521 đến công trình trên địa bàn 04 xã đảo. Tuy nhiên, dọc tuyến vận chuyển nhà dân thưa thớt (khoảng 15 nhà dân dọc theo tuyến đường vận chuyển), chủ yếu là diện tích hoa màu, ao thủy sản. Với tần suất vận chuyển 100 m³/ngày bằng phương tiện đường bộ, trung bình 12 phút có 1 lượt xe di chuyển trên đường, đặc trưng của nguồn phát sinh tiếng ồn là nguồn di động, dự án chỉ hoạt động sáng từ 7 – 11 giờ, chiều từ 13 – 17 giờ. Do đó, tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động vận chuyển của dự án đến dân dọc tuyến đường là không đáng kể.

- Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành dự án, 12 tháng tính từ ngày được cấp phép, đủ điều kiện vận chuyển.

b.2). Độ rung

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ các phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển.

- Mức độ: Mức độ rung có thể xác định nhanh trên cơ sở số liệu được USEPA (US Environmental Protection Agency – Cơ quan bảo vệ môi trường của Mỹ) xác lập nêu tại bảng sau:

Bảng 33. Mức độ gây rung của một số máy móc xây dựng

STT	Thiết bị	Mức độ rung động (theo hướng thẳng đứng Z, dB)	
		Cách nguồn gây rung động 10m	Cách nguồn gây rung động 30m
1	Xe cuốc, xe đào đất	75	71
2	Xe ben	74	64
	QCVN 27:2010/BTNMT	75	

(Nguồn: Tổng cục môi trường tổng hợp số liệu của USEPA, năm 2010)

Số liệu trên cho thấy các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công hoạt động tại dự án có độ rung tương đối thấp và nằm trong giới hạn cho phép.

c) Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án

c.1). An ninh trật tự, an toàn lao động và an toàn giao thông khu vực

- An ninh trật tự: Do dự án sử dụng lao động tương đối ít và lại là lao động địa phương nên xác suất xảy ra những xung đột, mâu thuẫn giữa nội bộ công nhân hoặc công nhân với người dân địa phương là rất thấp.

- An toàn giao thông: Tai nạn giao thông có nguy cơ xảy ra trong quá trình thi công vận chuyển do sự gia tăng về số lượng và mật độ các loại phương tiện hoạt động. Tai nạn giao thông sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản và tính mạng cũng như gây ra các sự cố môi trường nghiêm trọng. Nguyên nhân thường là do chủ phương tiện không đảm bảo tình trạng kỹ thuật của máy móc, thiết bị hoặc do không tuân thủ các nguyên tắc an toàn giao thông. Trong quá trình vận chuyển làm gia tăng mật độ phương tiện giao thông tại khu vực dự án và khu vực xung quanh sẽ có thể ảnh hưởng đến giao thông bộ, đường thủy. Tuy nhiên,

để đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển chủ dự án sẽ thực hiện đúng các qui định về an toàn giao thông khi vận chuyển.

- Sụt lún, hư hỏng đường giao thông: Ngoài ra, trong quá trình vận chuyển đường bộ, nếu các phương tiện vận chuyển có tải trọng vượt quá tải trọng cho phép có thể phát sinh sự cố sụt lún đường giao thông.

- Tai nạn lao động: Điều kiện thời tiết khắc nghiệt có khả năng gây mệt mỏi, choáng váng hay ngất cho nhân viên trong khi lao động nhất là trong điều kiện nắng nóng. Tai nạn trong quá trình lao động có thể xuất phát từ việc người lao động bất cẩn, thao tác không đúng kỹ thuật hay do thiết bị hư hỏng gây ra tai nạn cho người lao động hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động. Thời gian làm việc liên tục và lâu dài có thể ảnh hưởng đáng kể đến sức khoẻ của công nhân, gây tình trạng mệt mỏi, choáng váng hay ngất xỉu cho nhân viên tại công trường.

c.2). Sự cố tràn dầu, rò rỉ dầu, nhớt

Hoạt động bốc dỡ và vận chuyển khối lượng đất dôi dư của dự án sẽ được thực hiện bởi phương tiện như xe cuốc, xe ben nên trong quá trình hoạt động sử dụng lượng nhiên liệu dầu, nhớt. Do đó, có khả năng xảy ra hiện tượng rò rỉ dầu, nhớt từ phương tiện thi công xuống khu vực dự án.

Dự án có sử dụng phương tiện vận chuyển đường thuỷ (sà lan), khi xảy ra tai nạn giao thông đường thuỷ thì rủi ro sự cố tràn dầu là rất lớn.

Rò rỉ dầu, nhớt từ phương tiện, vận chuyển thi công có các tác động đến môi trường nước mặt, phần dầu loang trên mặt nước làm giảm khả năng khuếch tán oxy vào trong nước, thay đổi tính chất hoá lý của nước như thay đổi màu, mùi, vị, tăng độ nhớt, ... ảnh hưởng đến hoạt động nuôi thủy sản của các hộ dân khu vực dự án.

c.3). Sự cố sạt lở bờ ao, vuông nuôi thủy sản

Việc sử dụng xe cuốc đào, bốc dỡ khối lượng đất dôi dư của dự án tại 02 thửa đất tạo áp lực lên bờ và khối lượng bốc dỡ nhiều hơn so với tính toán gây tràn bờ hoặc sạt lở các đoạn bờ ao, vuông lân cận.

Sự cố sạt lở bờ ao, vuông nuôi tôm ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án do việc phải tổ chức khắc phục sự cố. Tác động này có thể giảm thiểu được nhờ tuân thủ kịp thời khi phát hiện sự cố.

c.4). Sự xâm nhập mặn tại các bãi chứa vật liệu và nơi sử dụng vật liệu này để san lấp mặt bằng



- Bãi chứa vật liệu nằm trong phạm vi thửa đất cải tạo, là đất nuôi trồng thủy sản, toàn bộ lượng nước thải được xả ngược vào ao để lắng tự nhiên. Bãi chứa thuộc thửa đất 521 sau khi hoàn tất bốc dỡ vận chuyển là ao nuôi thủy sản.

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

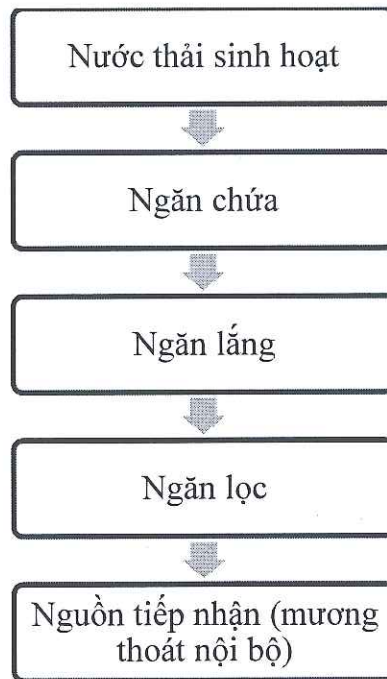
a) Đối với nước thải

a.1). Đối với nước thải sinh hoạt

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: dự án không bố trí các công trình thu gom và xử lý NTSH mà sử dụng nhà vệ sinh của các hộ dân lân cận và các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn.

- Vị trí: hiện trạng tại thửa 1347 có nhà của chủ đất, đã có hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo khả năng xử lý nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành dự án.

- Quy trình xử lý:



Hình 9. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt

- Thuyết minh quy trình

Nước thải từ nhà vệ sinh được đưa về hầm tự hoại để xử lý. Nước thải khi đi vào hầm sẽ qua lần lượt các ngăn: ngăn chứa phân – ngăn lắng – ngăn lọc. Vai trò của hầm tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ có trong nước thải, sau khi qua ngăn lọc thì các cặn lơ lửng khó lắng và mùi hôi sẽ được vật liệu lọc giữ lại (cát, đá, sỏi, than hoạt tính). Nước thải sau khi qua

hầm tự hoại được thải ra mương thoát nước nội bộ của chủ đất theo phương thức tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận: nước thải sau hầm tự hoại được xả ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nội bộ của chủ đất.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu phát sinh nước thải sinh hoạt của dự án sẽ hạn chế các tác động tiêu cực, dễ thực hiện, mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, xử lý chất thải.

a.2). Đối với nước thải từ hoạt động bơm vật liệu về bãi chứa

Toàn bộ nước thải phát sinh từ bãi chứa tại thửa 521 đều được dẫn qua cửa xả vào ao nuôi để lắng tự nhiên. Đối với thửa 1347, toàn bộ nước thải từ bãi chứa được thu gom theo mương dẫn vào ao lắng, ao chứa 1.000 m² thuộc phạm vi thửa đất 1347 để lắng tự nhiên, sau đó nước đã qua lắng thoát ra sông Cồn Cù. Trong suốt thời gian thực hiện cải tạo bằng biện pháp sên bùn, không thải nước ra môi trường bên ngoài.

b) Đối với công trình xử lý bụi, khí thải

b.1) Biện pháp giảm thiểu đối với bụi, cát bay từ bãi tập kết

- Phun nước để tăng độ ẩm và làm hạn chế khả năng phát sinh bụi vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại các vị trí đang thi công. Tần suất phun nước giảm bụi là 02 lần/ngày, tùy nhiên tùy thuộc vào thời tiết, có thể tăng hoặc giảm số lần phun nước tạo độ ẩm.

- Bùn vừa cô kết, kết hợp vận chuyển, không lưu chứa vật liệu quá lâu trong bãi chứa vừa đảm bảo sức chứa cho bãi chứa tiếp tục lưu chứa vật liệu trong quá trình cải tạo vừa hạn chế phát tán bụi, cát bay khi vật liệu cô kết gặp trời nắng có gió lớn.

b.2) Biện pháp giảm thiểu đối với hoạt động bốc dỡ vật liệu

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên khi làm việc, chủ yếu là khẩu trang và mắt kính.

- Phun nước để tăng độ ẩm và làm hạn chế khả năng phát sinh bụi vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại các vị trí đang thi công. Tần suất phun nước giảm bụi là 02 lần/ngày, tùy nhiên tùy thuộc vào thời tiết, có thể tăng hoặc giảm số lần phun nước tạo độ ẩm.

- Tất cả các thiết bị thi công cơ giới phải được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ theo quy định và đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an



toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng các loại máy móc quá cũ, kém chất lượng.

- Các thiết bị hoạt động phải sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (không quá 0,5%S), chủ dự án sẽ sử dụng nhiên liệu dầu Diesel có hàm lượng lưu huỳnh 0,25%.

b.3) Biện pháp giảm thiểu đối với hoạt động vận chuyển vật liệu

- Các phương tiện vận chuyển hoạt động đúng với tải trọng quy định, có bạt che kín các thùng xe nhằm giảm thiểu lượng đất rơi vãi và phát tán bụi trên đường vận chuyển đường bộ.

- Định kỳ vệ sinh phương tiện vận chuyển sau mỗi ca làm việc như: phun xịt nước rửa đất cát bám vào bánh xe, thân xe nhằm tránh tích tụ đất với khối lượng lớn, từ đó giảm thiểu tối đa phát sinh bụi, làm rơi vãi đất cát trên đường vận chuyển.

- Các thiết bị hoạt động phải sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (không quá 0,5%S), chủ dự án sẽ sử dụng nhiên liệu dầu Diesel có hàm lượng lưu huỳnh 0,25%.

- Để đảm bảo sức khỏe, giờ nghỉ của nhân công làm việc tại dự án và các hộ dân sống xung quanh khu vực khai thác, thời gian vận chuyển và hoạt động của các phương tiện sẽ được bố trí một cách phù hợp. Không hoạt động trong thời gian: Trưa từ 11h0 đến 13h00, chiều từ 17h00 đến 07h sáng hôm sau.

Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải khí và bụi của dự án sẽ hạn chế các tác động tiêu cực, dễ thực hiện, mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, xử lý chất thải.

c. Đối với công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

c.1). Chất thải rắn sinh hoạt

Các biện pháp được áp dụng nhằm thu gom, lưu giữ xử lý CTRSH trong giai đoạn vận hành:

- Trang bị thùng chứa rác loại nhỏ (dung tích 5 lít) trên cabin của các phương tiện thi công, vận chuyển. Đối với xe cuốc và xe ben mỗi phương tiện bố trí 01 thùng (tổng 08 thùng), đối với sà lan, bố trí 01 thùng loại 20 lít. Cuối ngày công nhân thu gom bỏ vào thùng rác công cộng, thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.

- Tuyên truyền công nhân ý thức giữ gìn vệ sinh, không xả rác bừa bãi tại khu vực thi công phải bỏ rác vào thùng rác đã được trang bị.



c.2). Chất thải rắn thông thường (đất rơi vãi)

Đối với khối lượng đất rơi vãi của các phương tiện vận chuyển được Chủ đầu tư đưa ra các biện pháp khắc phục cụ thể như sau:

- Phương tiện vận chuyển đường bộ được trang bị bạt che chắn, để tránh bùn đất rơi vãi.

- Trang bị dụng cụ thu gom như chổi, đồ hút rác yêu cầu công nhân trong quá trình vận chuyển sẽ phải thu gom hoàn toàn lượng đất rơi vãi phát sinh.

- Lượng đất dính bám vào phương tiện vận chuyển sau khi tách ra và lượng đất rơi vãi sẽ được thu gom vào xe vận chuyển đến bãi tập kết.

Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu, xử lý chất thải rắn của dự án sẽ hạn chế các tác động tiêu cực, dễ thực hiện, xử lý được khối lượng chất thải phát sinh, mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, xử lý chất thải.

d. Công trình, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các phương tiện, thiết bị thi công khi thực hiện thay nhớt, bình ắc quy sẽ phát sinh lượng chất thải nguy hại như nhớt thải; bình ắc quy; giẻ lau dính dầu nhớt do đó chủ dự án sẽ thực hiện thay nhớt, bình ắc quy của phương tiện tại địa điểm Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Lượng chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom và lưu chứa vào 04 thùng nhựa (02 thùng có dung tích là 120 lít chứa nhớt thải và 01 thùng có dung tích là 60 lít chứa giẻ lau và 01 thùng có dung tích 60 lít chứa bình ắc quy thải). Các thùng chứa CTNH được bố trí vào góc riêng trong khu vực tập kết phương tiện thi công của công ty, có mái che tránh nước mưa.

Phân loại chất thải nguy hại và chất thải thông thường riêng biệt, lưu chứa và quản lý lượng chất thải phát sinh tại Công ty theo quy định.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đã được cấp giấy phép vận chuyển và xử lý CTNH đến vận chuyển và xử lý theo quy định. Định kỳ báo cáo về việc lưu giữ và công tác xử lý CTNH tại dự án với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh theo quy định.

Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu, xử lý CTNH của dự án sẽ hạn chế các tác động tiêu cực, thực hiện theo đúng quy định hiện hành, xử lý được khối lượng chất thải phát sinh, mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, xử lý CTNH.

Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu, xử lý CTNH của dự án sẽ hạn chế các tác động tiêu cực, thực hiện theo đúng quy định hiện hành, xử lý được khối



lượng chất thải phát sinh, mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, xử lý CTNH.

đ) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tiếng ồn từ các phương tiện, thiết bị chủ dự án thực hiện các giải pháp như sau:

- Thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng động cơ của các thiết bị phương tiện thi công. Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ để giảm thiểu khả năng gây ồn.

- Đối với người lao động trực tiếp trong công trường cần được trang bị nút tai chống ồn để đảm bảo sức khỏe.

- Thời gian thi công hợp lý: từ 7 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 17 giờ hàng ngày.

- Bố trí các phương tiện vận chuyển và thi công hợp lý, hạn chế tập trung hoạt động cùng lúc tại một vị trí.

- Các phương tiện vận chuyển đảm bảo đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu sẽ hạn chế các tác động tiêu cực phát sinh, dễ thực hiện, giảm thiểu tiếng ồn và độ rung phát sinh. Tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung đạt QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

e) Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

e.1). An toàn giao thông, an ninh trật tự, an toàn lao động

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, điều tiết phương tiện phù hợp với tình hình thực tế của khu vực.

- Tuyên truyền, nhắc nhở nhân viên phải tuân thủ đúng quy định về an toàn giao thông (phạm vi lưu thông, tốc độ lưu thông, báo hiệu an toàn,...).

❖ Đối với giao thông đường bộ

- Phương tiện vận chuyển khối lượng đất sau bốc dỡ phải luôn thực hiện chở đúng tải trọng cho phép (dưới 10 tấn) và tuân thủ tốc độ khi tham gia giao thông và đăng ký, đăng kiểm theo quy định.

- Bố trí công nhân giám sát và thực hiện thu gom cát, đất rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển.

- Quy định về tốc độ di chuyển của phương tiện và tuyên truyền ý thức chấp hành nội quy cũng như quy định về an toàn giao thông của công nhân làm việc tại dự án.

- Mỗi ngày vận chuyển 50 m³ vật liệu bằng đường bộ tương đương 20 lượt vận chuyển (10 lượt có tải và 10 lượt không tải). Trung bình 5 phút sẽ có 1 lượt xe ben tham gia giao thông. Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu vào các giờ cao điểm trong ngày, thời gian khai thác từ 7h – 11h, từ 13 – 17h hằng ngày.

❖ Đối với giao thông đường thủy

- Phương tiện vận chuyển khi đậu chờ phải được thả neo đậu cố định không để xảy ra việc trôi dạt phương tiện gây tai nạn và sạt lở bờ sông khu vực neo đậu.

- Quá trình lưu thông các phương tiện vận chuyển tuân thủ đúng quy định về an toàn giao thông đường thủy (phạm vi lưu thông, tốc độ lưu thông, báo hiệu an toàn,...).

- Định kỳ đăng kiểm phương tiện theo đúng quy định.

- Người điều khiển phương tiện giao thông phải có bằng cấp và kinh nghiệm có liên quan; v.v.

❖ Đảm bảo an ninh trật tự

Xây dựng nội quy làm việc, xử lý nghiêm hành vi gây mất đoàn kết tại khu vực dự án. Tích cực phối hợp với chính quyền địa phương quản lý nhân viên làm việc tại dự án. Đồng thời, chủ dự án sẽ quản lý chặt chẽ nhân viên đảm bảo không ảnh hưởng đến đời sống người dân gần khu vực dự án. Đảm bảo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường để không ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của người dân.

❖ Tai nạn lao động

Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu như sau: Công nhân được hướng dẫn nội quy công trình, nhắc nhở nhân viên đảm bảo an toàn lao động, bố trí thời gian nghỉ ngơi cho nhân viên tránh tình trạng làm việc quá sức để gây nên hậu quả đáng tiếc. Có chế độ bồi thường cho người gặp tai nạn.

- Nâng cao ý thức tự bảo vệ mình của nhân viên lao động và nghiêm túc thực hiện tốt các quy định về bảo hộ lao động, thường xuyên tuyên truyền về an toàn lao động và vệ sinh môi trường cho nhân viên lao động trên công trường.

- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo trì thường xuyên.



- Quy định các nội quy làm việc tại dự án, bao gồm nội quy ra, vào nơi làm việc; nội quy về bảo hộ lao động; nội quy sử dụng các thiết bị,....

- Trang bị các dụng cụ sơ cấp cứu tạm thời: thuốc, bông băng,... và có kế hoạch cấp cứu tạm thời cho nhân viên trong trường hợp công nhân bị ngã hoặc bị thương.

- Tập huấn về an toàn lao động cho nhân viên, xử lý nghiêm các trường hợp không tuân thủ an toàn lao động: không tuân thủ bảo hộ lao động, uống rượu bia trong thời gian làm việc, đùa nghịch,...

e.2). Giảm thiểu sự cố rò rỉ dầu, nhớt, sự cố tràn dầu

Theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tại dự án có sử dụng sà lan có dung tích chứa 400 GT trở lên thì chủ phương tiện phải thực hiện lập Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt theo quy định. Với công suất chở của sà lan mà dự án sử dụng để chở cát, đất là 100 tấn thì dung tích của sà lan < 100 GT. Vậy với quy mô sà lan được sử dụng tại dự án thì không cần phải thực hiện hồ sơ trên.

Tuy nhiên, chủ doanh nghiệp cần phải thực hiện các công tác sau để hạn chế tác động từ sự cố này:

Sử dụng phương tiện vận tải đã qua kiểm định;

Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, phương tiện để không làm phát sinh sự cố rò rỉ, tràn dầu;

Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa tai nạn giao thông thủy đã được đề xuất.

Khi xảy ra sự cố rò, rỉ dầu nhớt chủ dự án sẽ yêu cầu công nhân khắc phục ngay tình trạng rò rỉ dầu, nhớt bằng các biện pháp sau:

- Tạm dừng ngay hoạt động của các phương tiện thi công và vận chuyển khối lượng đất bốc dỡ bị rò rỉ dầu nhớt để giảm tình trạng lan tràn ra khu vực xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra; bảo trì, bảo dưỡng và thay thế phụ tùng của phương tiện thi công và vận chuyển.

- Tiến hành phối hợp với chính quyền địa phương đánh giá mức độ thiệt hại về sản xuất của người dân đặc biệt là các hộ dân nuôi thủy sản khu vực và môi trường. Đồng thời thực hiện bồi hoàn thiệt hại (nếu có).

e.3). Sự cố sạt lở bờ ao, vuông nuôi thủy sản



Sự cố sạt lở bờ ao, ruộng nuôi tôm ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án do việc phải tổ chức khắc phục sự cố. Tác động này có thể giảm thiểu được nhờ tuân thủ kịp thời khi phát hiện sự cố.

Đối với thửa 521: dự án gia cố bờ bao + 0,2m so với cao trình hiện hữu, mặt bờ bao rộng 15 m, độ dốc mái $m = 2$.

Đối với thửa 1347:

+ Gia cố bờ bao khu vực ao nuôi với mặt bờ bao + 0,2 m, mặt bờ bao rộng 10m, độ dốc mái $m = 2$.

+ Gia cố bờ bao xung quanh bãi tập kết tạm số 2: bờ bao được gia cố +1,0m, rộng 2,0 m, độ dốc mái $m = 2$.

Với bờ bao được gia cố, đảm bảo hoạt động cải tạo vận chuyển vật liệu tại dự án không làm ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 34. Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án

STT	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Khối lượng	Thời gian thực hiện
I	Giai đoạn vận hành			
1	Nước thải sinh hoạt	Sử dụng nhà vệ sinh của chủ đất và các cơ sở dịch vụ ăn uống	-	áp dụng trong suốt thời gian vận hành dự án
2	Chất thải rắn sinh hoạt	Thùng chứa CTRSH loại nhỏ để trên cabin của phương tiện vận chuyển	08 thùng dung tích 05 lít, 01 thùng dung tích 20 lít	
		Đóng phí thu gom CTRSH	1 năm	
3	Chất thải nguy hại	- Thiết bị lưu chứa - Khu vực lưu chứa	04 thùng	áp dụng trong suốt thời gian vận hành dự án
		Thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý	296 kg	

STT	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Khối lượng	Thời gian thực hiện
4	Bụi, khí thải	Bạt che chắn	-	
		Dụng cụ bảo hộ lao động	-	

- Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định của Luật bảo vệ môi trường, bao gồm: Bố trí kinh phí thực hiện đầy đủ các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Cung cấp tất cả các thông tin liên quan đến việc tổ chức, các nguyên tắc và các hướng dẫn cần thiết cho việc thực hiện, đồng thời liên tục cải tiến các biện pháp môi trường để đạt được kết quả cao nhất.

Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm soát, giám sát, xem xét và kiểm tra nhằm đảm bảo chính sách an toàn và môi trường của Chủ Dự án được tuân thủ và chương trình quản lý môi trường còn phù hợp.

Tuân thủ các quy định và các luật áp dụng. Kiểm tra và xem xét định kỳ tính hiệu quả của chương trình quản lý môi trường để có sự sửa đổi khi cần thiết.

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Đánh giá độ tin cậy của các phương pháp áp dụng trong báo cáo ĐTM được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 35. Độ tin cậy của các phương pháp

TT	Phương pháp	Mức độ tin cậy	Cơ sở đánh giá
1	Phương pháp khảo sát hiện trường, lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm	Cao	Được thực hiện bởi đơn vị tư vấn có đầy đủ chức năng theo đúng quy định hiện hành, kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi các đơn vị có đầy đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
2	Phương pháp lập bảng liệt kê	Khá cao	Số liệu được lấy từ các nguồn đáng tin cậy
3	Phương pháp thống kê	Cao	Số liệu được lấy từ các nguồn đáng tin cậy
4	Phương pháp đánh giá nhanh	Khá cao	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức y tế thế giới thiết lập

TT	Phương pháp	Mức độ tin cậy	Cơ sở đánh giá
5	Phương pháp so sánh	Cao	kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi các đơn vị có đầy đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
6	Phương pháp kế thừa	Trung bình	Thực hiện bằng cách tham khảo các báo cáo ĐTM có quy mô và loại hình tương tự đã được phê duyệt để dự báo và đánh giá các tác động có khả năng xảy ra.
7	Phương pháp tham vấn cộng đồng	Khá cao	Có sự tham gia của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án, tổ chức Đoàn thể và chính quyền địa phương

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Căn cứ vào điều kiện thực tế tính chất dự án là cải tạo ao nuôi thủy sản, hạ cao trình đáy ao do quá trình bồi lắng sau nhiều vụ nuôi, đồng thời mở rộng diện tích mặt ao. Trong quá trình cải tạo làm phát sinh lượng lớn bùn đất dôi dư gây sức ép lên bãi chứa, đồng thời bãi chứa làm giảm diện tích ao nuôi. Do đó, dự án tận thu lượng bùn đất dôi dư từ hoạt động cải tạo ao hồ để làm vật liệu san lấp. Hoạt động khai thác tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo với mục đích lấy đi lớp bùn, đất chứa trong bãi, cải tạo ao nuôi để thực hiện nuôi trồng thủy sản, không làm thay đổi tính chất đất, mục đích sử dụng đất.

Từ điều kiện thực tế trên, dự án không phải thực hiện các công trình cải tạo phục hồi môi trường theo quy định nội dung chương 4. Dự án không có công trình và không có ký quỹ phục hồi, cải tạo môi trường.

CHƯƠNG 5: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Để thực hiện giảm thiểu ô nhiễm, các công trình sau đây sẽ được đầu tư xây dựng khi dự án đi vào vận hành.

Bảng 36. Các công trình xử lý ô nhiễm môi trường

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
Vận hành	Sinh hoạt của công nhân	Nước thải sinh hoạt	Sử dụng hầm tự hoại hiện hữu của chủ đất, các cơ sở dịch vụ ăn uống - Bố trí thiết bị thu gom: bố trí 08 thùng chứa rác (loại thùng nhựa 5 lít, có nắp đậy) trên phương tiện thi công và vận chuyển đường bộ, 01 thùng chứa rác 20 lít trên sà lan. - Bố trí công nhân tập kết CTRSH vào thùng rác công cộng. Tần suất 01 lần/ngày - Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.	12 tháng tính từ ngày được cấp phép, đủ điều kiện vận chuyển
	Sửa chữa phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển	Chất thải nguy hại	- Công tác phân loại chất thải nguy hại được thực hiện bắt đầu từ thời điểm đưa vào lưu chứa. - Bố trí thiết bị lưu chứa (02 thùng 120 lít, 02 thùng 60 lít) - Bố trí khu vực lưu chứa.	12 tháng tính từ ngày được cấp phép, đủ điều kiện vận chuyển



Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
	<p>Hoạt động hạ độ cao, bóc dỡ đất dôi dư</p>	<p>Bụi, khí thải và tiếng ồn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải - Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân - Phun nước tăng độ ẩm, tần suất 02 lần/ngày vào ngày nắng, có gió - Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải được đăng kiểm, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ. - Phương tiện vận chuyển hoạt động đúng với tải trọng. - Thùng xe phải được che kín bạt trong quá trình vận chuyển. - Định kỳ vệ sinh phương tiện sau mỗi ca làm việc. - Bố trí thời gian thi công hợp lý. 	



Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
Cải tạo phục hồi môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Di chuyển phương tiện máy móc ra khỏi khu vực dự án - San gạt hoàn trả mặt bằng 	<p>An ninh trật tự và an toàn giao thông, an toàn lao động</p> <p>Bụi, khí thải và tiếng ồn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ dự án ưu tiên sử dụng lao động địa phương. - Bố trí khu vực sinh hoạt cho công nhân. - Công nhân vận hành phương tiện cơ giới phải có giấy phép hoặc chứng nhận của cơ quan chức năng cấp. - Các tuyến đường hoạt động của các phương tiện vận chuyển đúng theo Phương án vận chuyển được duyệt. 	<p>12 tháng tính từ ngày được cấp phép, đủ điều kiện vận chuyển</p>
			<p>Các nội dung công việc đề xuất thực hiện trong cải tạo phục hồi môi trường được thực hiện song song với hoạt động bóc dỡ hạ độ cao. Do đó các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được áp dụng trong gian đoạn vận hành dự án.</p>	



5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án

Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn

- Số lượng mẫu giám sát: 02 mẫu.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại bãi tập kết tạm.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thành phần giám sát: chất thải rắn sinh hoạt, bùn đất rơi vãi và CTNH.
- Nội dung giám sát: khối lượng, công tác thu gom, phân loại và xử lý tại khu vực dự án.

Quan trắc, giám sát môi trường khác

Giám sát thường xuyên khu vực ao cải tạo, khu vực bãi tập kết tạm, tuyến đường vận chuyển về tính an toàn, sự cố sụt lún, sạt lở phát sinh.

CHƯƠNG 6: KẾT QUẢ THAM VẤN

6.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên cổng thông tin điện tử

Đang thực hiện

6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến

Đang thực hiện

6.1.3. Tham vấn bằng văn bản

Đang thực hiện

6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

Đang thực hiện

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường Dự án có thể đưa ra một số kết luận như sau:

- Báo cáo ĐTM đã nhận dạng và đánh giá được các tác động từ quá trình thực hiện dự án cụ thể như sau: đã nhận dạng và đánh giá được các tác động đến môi trường không khí, đất, nước và xung quanh khu vực dự án. Bên cạnh đó báo cáo đã dự báo được các sự cố môi trường có thể xảy ra. Các tác động có thể xảy ra sẽ được giảm thiểu nếu có các biện pháp kiểm soát và bảo vệ môi trường.

- Ứng với sự nhận dạng và đánh giá tác động từ quá trình xây dựng và hoạt động của dự án, báo cáo đã đề ra các biện pháp giảm thiểu đến các thành phần môi trường, đồng thời đề xuất các biện pháp an toàn lao động, phòng ngừa sự cố rủi ro. Đây là các biện pháp mang tính khả thi cao và đã được ứng dụng vào thực tế tại các dự án tương tự.

- Tuy nhiên, việc nhận dạng và đánh giá về những tác động của dự án cũng như các biện pháp giảm thiểu được đề xuất trong báo cáo không thể tránh khỏi những sơ suất do nhiều nguyên nhân như những hạn chế về mặt chuyên môn, thông tin từ dự án chưa hoàn chỉnh.

- Vì vậy để kiểm soát, hạn chế ô nhiễm và giảm thiểu các tác động của dự án tới môi trường thì từ khi giai đoạn giải phóng mặt bằng, giai đoạn đi vào hoạt động và giai đoạn giai đoạn hoàn trả mặt bằng, chúng tôi áp dụng các giải pháp, biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo đúng phương án đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2. Cam kết của chủ dự án

Chủ đầu tư Dự án – Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm xin cam kết: Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả nội dung trong báo cáo ĐTM, chịu trách nhiệm về các số liệu nêu trong báo cáo; đồng thời, cam kết chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường, tài nguyên khoáng sản, giao thông và các quy định khác có liên quan.

Cam kết khắc phục hư hỏng do việc vận chuyển bùn cát gây ra cũng như cam kết bồi thường thiệt hại đến các hộ dân lân cận do việc thi công, vận chuyển bùn cát của chủ dự án gây ra.

Chủ dự án cam kết chỉ thực hiện vận chuyển vật liệu tận thu từ quá trình cải tạo ao hồ ra khỏi dự án khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

3. Kiến nghị



Báo cáo ĐTM của dự án: “Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau khi cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao của Hộ ông Mai Văn Yên”

Chủ dự án: Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm

Để tạo điều kiện thuận lợi cho dự án sớm được triển khai. Công ty TNHH MTV Nguyệt Tâm kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành chức năng xem xét, thẩm định và trình UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.



CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh, 2019. Niên giám thống kê Trà Vinh 2018. Nhà xuất bản thống kê.
2. Đặng Kim Chi, 1998. Hóa học môi trường, tập 1. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
3. Đinh Xuân Thắng, 2003. Ô nhiễm không khí. Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Đinh Xuân Thắng, 2007. Giáo trình ô nhiễm không khí. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Economopoulos A.P., Assessment of sources of air, water, and land pollution, WHO, 1993.
6. Hoàng Kim Cơ, 2001. Kỹ thuật môi trường. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
7. Lê Huy Bá, 2008. Khoa học môi trường.
8. Lâm Minh Triết, 2008. Giáo trình xử lý nước thải đô thị và khu công nghiệp.
9. Phạm Ngọc Đăng, 2003. Môi trường không khí. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
10. TS. Nguyễn Lan, 2016. Rung chấn do hoạt động thi công xây dựng, kết quả thực nghiệm đo rung chấn xác định bán kính ảnh hưởng đến công trình lân cận.



**PHỤ LỤC: VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN CỦA DỰ ÁN VÀ THAM
VẤN CỘNG ĐỒNG, CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/HĐ-NT

V/v cải tạo đất ao hồ và tận thu đất dôi dư sau khi cải tạo

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Công văn số 578/UBND-KT ngày 29/4/2022 của UBND huyện Duyên Hải về việc phê duyệt phương án xin cải tạo ao hồ của ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải.

Hôm nay, ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại nhà ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

1. Bên yêu cầu cải tạo đất (gọi tắt là bên A): Hộ ông Mai Văn Yên

- Chủ hộ: Ông Mai Văn Yên Sinh ngày: 01/01/1967
- Thường trú: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 0776504304
- Số CCCD: 084067009942 cấp ngày: 22/8/2022.

2. Bên thực hiện cải tạo đất (gọi tắt là bên B):

CÔNG TY TNHH MTV NGUYỆT TÂM

- Địa chỉ: ấp Tân Thành, xã Long Khánh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện: Ông Trần Thanh Tâm Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0918117925
- Mã số thuế: 2100606711

II. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG CẢI TẠO ĐẤT VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung hợp đồng:

- Bên A đồng ý để Bên B thực hiện cải tạo đất ao hồ đúng với phương án đã được phê duyệt tại Công văn số 578/UBND-KT ngày 29/4/2022 của UBND huyện Duyên Hải về việc phê duyệt phương án xin cải tạo ao hồ của ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải.
- Sau khi cải tạo, có phát sinh đất dôi dư, bên A đồng ý để bên B được phép thực hiện các thủ tục pháp lý để vận chuyển đất dôi dư theo đúng quy định để bù phần kinh phí cải tạo.

Điều 2. Vị trí thực hiện dự án:

- Quá trình cải tạo ao hồ và tận thu đất dôi dư được thực hiện tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh thuộc thửa đất số 521, tờ bản đồ số 17 của hộ ông Mai Văn Yên.

Điều 3. Thời gian thực hiện:

- Thời gian bắt đầu hợp đồng: kể từ ngày ký.
- Thời gian kết thúc hợp đồng: sau khi vận chuyển đất dôi dư ra khỏi thửa đất số 521, tờ bản đồ số 17 của hộ ông Mai Văn Yên.

Điều 4. Giá trị hợp đồng:

- Bên B phải trả cho Bên A với số tiền: 10.000 đồng/1 m³ đất dôi dư.

Điều 5. Hình thức thanh toán:

Phương tiện cải tạo gồm:

- 1) Xe ben
- 2) Xe cuốc
- 3) Máy sên bùn

Điều 6. Hình thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt.

Điều 7. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

- Bất cứ tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp đồng và việc thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng và hoà giải. Trường hợp không thỏa thuận được sẽ giải quyết theo Pháp luật Việt Nam.

Điều 8. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên A:

- Tạo điều kiện cho Bên B thi công đúng tiến độ.
- Bên A cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết liên quan đến khu đất cải tạo cho Bên B.
- Chịu trách nhiệm về quyền sở hữu đất, tranh chấp ranh đất đai.
- Bên A có mặt khi cơ quan chức năng yêu cầu để cùng Bên B giải quyết kịp thời các vướng mắc, tranh chấp (nếu có) trong suốt quá trình cải tạo đất.

Điều 9. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B:

- Đóng đầy đủ các loại phí và thuế cho chi cục thuế theo hướng dẫn của các cấp ban ngành.
- Lập các thủ tục pháp lý đầy đủ theo quy định của nhà nước.
- Bên B Phải thực hiện cải tạo mặt ruộng phù hợp với yêu cầu của Bên A, bảo đảm không cải tạo quá độ sâu cho phép của cơ quan chức năng.
- Đảm bảo trong quá trình vận chuyển không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, không làm ảnh hưởng đến việc canh tác của chủ nhà cũng như các hộ lân cận.
- Đảm bảo đúng thời gian quy định theo lịch thời vụ của UBND huyện Duyên Hải.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm quy định, chủ trương của tỉnh và pháp luật Nhà Nước trong quá trình cải tạo đất.

Điều 10: Cam kết:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng với những điều kiện và thời hạn của hợp đồng trên tinh thần thiện chí.
- Hợp đồng này là sự thống nhất duy nhất giữa Bên A và Bên B. Không Bên nào được tự ý điều chỉnh trừ khi có sự thống nhất của bên còn lại.

Điều 11. Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Hợp đồng làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.
- Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Mai Văn Yên

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Trần Chanh Tâm

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2100606711

Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 03 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 09 tháng 11 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỆT TÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Áp Tân Thành, Xã Long Khánh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0918117925

Fax:

Email: phongvukht@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 1.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: TRẦN THANH TÂM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/01/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 084069001414

Ngày cấp: 13/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Áp Cái Đôi, Xã Long Vĩnh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Áp Cái Đôi, Xã Long Vĩnh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN THANH TÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 02/01/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 084069001414

Ngày cấp: 13/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Cái Đồi, Xã Long Vĩnh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Cái Đồi, Xã Long Vĩnh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

* Họ và tên: DƯƠNG THỊ NGUYỆT

Giới tính: Nữ

Chức danh: Phó Giám đốc

Sinh ngày: 1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 334101530

Ngày cấp: 28/07/2014

Nơi cấp: CA tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ thường trú: Ấp Tân Thành, Xã Long Khánh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Tân Thành, Xã Long Khánh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

K. TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Mẫu

Số:



7044/23

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Trà Vinh
Địa chỉ trụ sở: số 25, Võ Nguyên Giáp, Khóm 6, Phường 7, Thành phố Trà Vinh,
Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0294 3867 107 Fax:

Email: phongdkkdkhdtv@gmail.com Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỆT TÂM

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2100606711

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chuẩn bị mặt bằng	4312
2	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3	Xây dựng công trình công ích khác	4229(Chính)
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Buôn bán vật liệu xây dựng: đất, cát, đá	4663
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

Nơi nhận:

-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NGUYỆT TÂM. Địa chỉ: Ấp Tân Thành,
Xã Long Khánh, Huyện Duyên Hải, Tỉnh
Trà Vinh, Việt Nam

.....;

- Lưu: Đặng Văn Nhân.....

K. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG
ĐĂNG KÝ
KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH
Nguyễn Văn Mẫu

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 762 /SNN-CCTS
V/v lấy ý kiến thẩm định phương án cải
tạo đất nông nghiệp

Trà Vinh, ngày 28 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải

Ngày 21/4/2022, Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Công văn số 536/UBND-KT của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc lấy ý kiến thẩm định phương án cải tạo đất nông nghiệp.

Qua xem xét Phương án cải tạo ao hồ để xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao của ông Mai Văn Yên địa chỉ ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với nội dung Phương án. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đề nghị ông Mai Văn Yên cần tuân thủ đúng các quy định theo Luật Thủy sản năm 2017, Điều 36 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định điều kiện nuôi tôm nước lợ siêu thâm canh, công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều kiện nuôi tôm nước lợ siêu thâm canh, công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Áp dụng tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh thủy sản theo Thông tư 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản. Thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình nuôi, không xả thải trực tiếp chất thải, nước thải gây ảnh hưởng môi trường xung quanh.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyên ý kiến góp ý đến Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải. / /

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGD Trần Văn Dũng;
- Chỉ cục Thủy sản;
- Lưu VT.



Trần Văn Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 578/UBND-KT

Duyên Hải, ngày 29 tháng 4 năm 2022

V/v phê duyệt phương án xin cải tạo ao hồ của ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải.

Kính gửi:

- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Đông Hải;
- Hộ ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải.

Xét Đơn xin cải tạo ao hồ để xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao, ngày 05/4/2022 của hộ ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải;

Trên cơ sở Công văn số 762/SNN-CCTS ngày 28/4/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc lấy ý kiến thẩm định phương án cải tạo đất nông nghiệp; Báo cáo số 26/BC-PNNPTNT ngày 20/4/2022 của Phòng Nông nghiệp và PTNT về việc thẩm định Đơn xin cải tạo ao hồ để xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao của ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải có ý kiến như sau:

1. Thống nhất phê duyệt phương án cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao của hộ ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải (*theo Phương án cải tạo ao hồ ngày 05/4/2022 của hộ ông Mai Văn Yên đính kèm*).

Trong quá trình cải tạo khu nuôi hộ ông Mai Văn Yên phải có bố trí khu chứa đất, bùn thải, nước thải, không được xả thải đất, bùn, chất thải trực tiếp ra sông, kênh, rạch gây ô nhiễm môi trường, làm bồi lắng, tắc nghẽn dòng chảy.

Đề nghị hộ ông Mai Văn Yên tuân thủ đúng các quy định trong hoạt động nuôi tôm theo Luật Thủy sản năm 2017, Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ, Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về điều kiện nuôi tôm nước lợ siêu thâm canh, công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/Q-UBND ngày 12/3/2019; áp dụng tốt các biện pháp phòng chống dịch

bệnh thủy sản theo Thông tư 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình nuôi, không xả thải trực tiếp chất thải, nước thải gây ảnh hưởng môi trường xung quanh.

2. Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Ủy ban nhân dân xã Đông Hải theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, giám sát quá trình cải tạo ao hồ xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao của hộ ông Mai Văn Yên đảm bảo theo đúng phương án đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt; tuyên truyền, hướng dẫn hộ ông Mai Văn Yên tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động nuôi tôm thâm canh mật độ cao.

3. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra, hướng dẫn hộ ông Mai Văn Yên thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong nuôi tôm thâm canh mật độ cao; hướng dẫn phương án, trình tự thủ tục thực hiện việc vận chuyển đất, cát vôi dư trong quá trình cải tạo ao hồ của hộ ông Mai Văn Yên (nếu có)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- NC;
- Lưu.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Văn Huy

Số: 26/BC-NNPTNT

Duyên Hải, ngày 20 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Về việc thẩm định Đơn xin cải tạo ao hồ để xây dựng khu nuôi
tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao của ông Mai Văn Yên,
ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải.

Thực hiện Công văn số 456/UBND-KT ngày 07/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc thẩm định đơn xin cải tạo ao hồ để xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao.

Phòng Nông nghiệp và PTNT báo cáo về việc thẩm định Đơn xin cải tạo ao hồ để xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao của ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, cụ thể như sau:

1. Qua khảo sát thực tế cho thấy hộ ông Mai Văn Yên đáp ứng đủ điều kiện để xây dựng khu nuôi tôm nước lợ thâm canh mật độ cao: Khu nuôi nằm trong vùng quy hoạch nuôi tôm thâm canh mật độ cao của địa phương, sử dụng đất đúng mục đích; đã có đăng ký và được Chi cục Thủy sản tỉnh Trà Vinh cấp Giấy xác nhận đăng ký nuôi đối tượng thủy sản nuôi chủ lực theo quy định tại Điều 36, Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

Khu nuôi của hộ đang xây dựng có tổng diện tích mặt nước 55.500 m², bố trí đầy đủ và đảm bảo về diện tích các ao nuôi, ao chứa, lắng, ao xử lý nước thải, chất thải theo quy định, bao gồm:

- 08 ao nuôi (1.500 m²/ao), tổng diện tích 12.000 m² (chiếm 21,6% tổng diện tích cơ sở nuôi).

- 03 ao chứa lắng, tổng diện tích 35.000 m² (chiếm 63,1% tổng diện tích cơ sở nuôi).

- 02 ao chứa, xử lý nước thải, chất thải, tổng diện tích 8.500 m² (chiếm 15,3% tổng diện tích cơ sở nuôi).

2. Về phương án cải tạo, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện thống nhất với nội dung phương án cải tạo ao hồ để xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng

thâm canh mật độ cao của hộ ông Mai Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, cụ thể như sau:

- Địa điểm thực hiện: Thửa đất số 521, tờ bản đồ số 7, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

- Mục tiêu phương án: Cải tạo 09 ao nuôi quảng canh với diện tích 47.000 m² thành 05 ao phụ, gồm: 01 ao lắng (diện tích 15.000 m², độ sâu 1,5 m), 01 ao xử lý (diện tích 10.000 m², độ sâu 1,5 m), 01 ao sản sàng (diện tích 10.000 m², độ sâu 1,5 m), 01 ao chứa nước thải (diện tích 3.000 m², độ sâu 1,5 m), 01 ao xử lý nước thải (diện tích 5.500 m², độ sâu 1,5 m).

- Quy mô: Diện tích 47.000 m², nằm trong phạm vi thửa đất số 521, tờ bản đồ số 07, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Phương án thực hiện: Sử dụng 02 máy đào (Kobe) cải tạo 09 ao nuôi quảng canh, diện tích 47.000 m² thành 05 ao phụ với tổng diện tích mặt nước 43.500 m². Phần đất dôi dư trong quá trình cải tạo (khối lượng 17.500 m³) được tập trung lại khu chứa cách khu nuôi 200 m.

- Thời gian thực hiện: 05 tháng, từ tháng 4/2022 đến tháng 8/2022.

3. Phòng Nông nghiệp và PTNT tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân huyện:

- Ủy ban nhân dân huyện lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh trước khi phê duyệt Phương án cải tạo ao hồ của hộ ông Mai Văn Yên.

- Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân xã Đông Hải theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, giám sát quá trình cải tạo ao hồ của hộ ông Mai Văn Yên đảm bảo theo đúng phương án đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện hướng dẫn hộ ông Mai Văn Yên thực hiện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường trong nuôi tôm thâm canh mật độ cao; hướng dẫn phương án, trình tự thủ tục thực hiện việc vận chuyển đất, cát vôi dư trong quá trình cải tạo ao hồ của hộ ông Mai Văn Yên (nếu có).

- Đối với hộ ông Mai Văn Yên: Thực hiện cải tạo ao hồ theo đúng phương án đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. Trong quá trình cải tạo khu nuôi phải có bố trí khu chứa đất, bùn thải, nước thải, không được xả thải đất, bùn, chất thải trực tiếp ra sông, kênh, rạch gây ô nhiễm môi trường, làm bồi lắng, tắc nghẽn dòng chảy; thực hiện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường trong nuôi tôm thâm canh mật độ cao theo quy định.

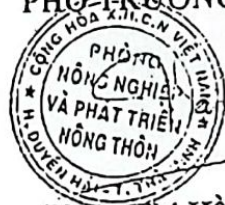
Trên đây là báo cáo về việc thẩm định đơn xin cải tạo ao lắng, ao xử lý, ao sản sàng phục vụ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao của ông Mai

Văn Yên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
báo cáo Ủy ban nhân dân huyện năm, chỉ đạo./.

Nơi nhận:



- Như trên;
- Lưu VT.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Hồng Diễm

NIỀNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định		Xác nhận của cơ quan cấp giấy chứng nhận
26/07/2016	Thửa 521(7) tiếp tục sử dụng đất diện tích 66036m ² đến ngày 19/04/2005 theo hồ sơ số 003717/GH.Đ.Đ.Đ.		
26/07/2016	Đổi tên địa chỉ thửa đất từ ấp Cồn Cỏ, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, Trà Vinh thành ấp Cồn Cỏ, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, nước Cộng hòa Dân Chủ Nghĩa Việt Nam		
<p>Sử dụng đất đổi địa chỉ từ ấp Cồn Cỏ, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh thành ấp Cồn Cỏ xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, S.Đ.Đ.Đ. của tờ bản đồ là 17 do thay đổi đơn vị hành chính. hồ sơ số: 003717/DT.001./</p>			



Kèm theo GCN có trang bổ sung số 1
NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHỮ Ý!
 Kèm theo GCN này có trang bổ sung số 1

- 1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai năm 1993.
- 2- Khi có thay đổi về hình thức, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng thì phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3- Không được vì ý sửa chữa, lấy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Huyện Duyên Hải

CHỨNG NHẬN

Họ tên: Mai Văn Yên, Sinh năm: 1967, CMND: 334266748
Trú quán: ấp Cồn Cui - Xã Dân Thành - Huyện Duyên Hải

Được quyền sử dụng m² đất.

Tại: Xã Dân Thành,
Huyện Duyên Hải,
Tỉnh Trà Vinh.

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phân gũ thêm
7	521	6500	AO (HỒ)	18/12/2014	GIẤY CHỨNG NHẬN SỬ DỤNG ĐẤT
7	521	5000	AO (HỒ)	18/12/2014	GIẤY CHỨNG NHẬN SỬ DỤNG ĐẤT

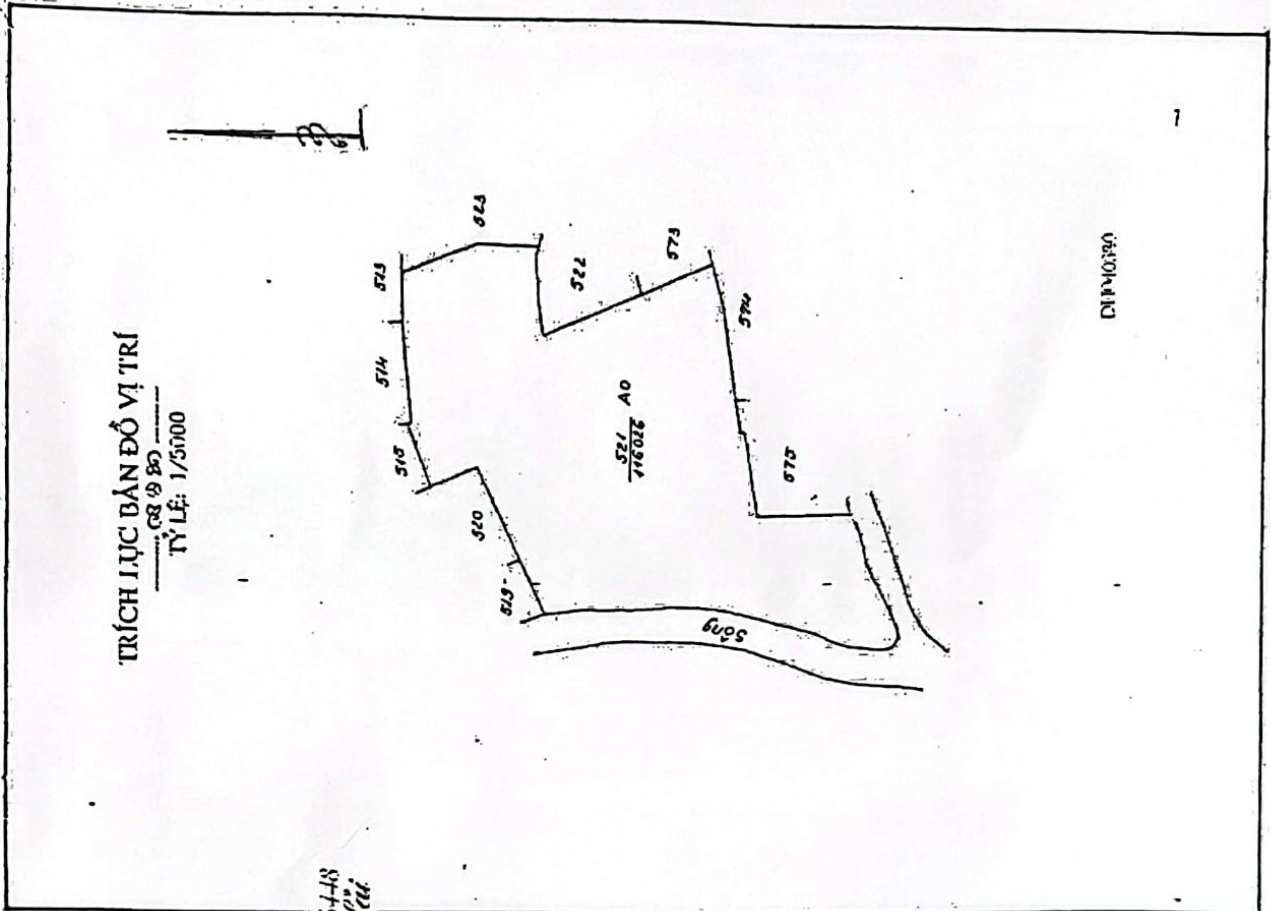
CHỦ TỊCH BAN SĄC ĐƯƠNG ĐẠI BAN CHINH
Số: 463 / Quyển: 01
Đang Hải, ngày 01 tháng 11 năm 2022



Ngày 01 tháng 01 năm 2023



Vào số cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất
Số 02 / 25 QSDĐ/1664/2021/078



CHÍNH QUẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ ĐẤT

Tôi tên: Nguyễn Văn Cát, sinh năm 1959, CCCD: 084059001274

Địa chỉ: Ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Hiện nay tôi có một thửa đất nuôi tôm diện tích: 11847m², thửa đất số: 1347, tờ bản đồ số: 17, tọa lạc tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Nay tôi cho ông Mai Văn Yên, sinh năm 1967, CCCD: 084067009942, địa chỉ: Ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh thuê hết diện tích trên để làm bãi chứa cát. Thời hạn thuê: 02 năm, số tiền cho thuê: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Thời gian tính kể từ ngày hai bên thống nhất ký hợp đồng.

Bên thuê cam kết trong thời gian làm xả nước thải ra bên ngoài phải đảm bảo môi trường, phải đúng theo sự chỉ dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Hợp đồng được lập thành hai bản mỗi bên giữ một bản. Nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì bên đó phải chịu bồi thường trước pháp luật

Cồn Cù, ngày 28. tháng 10. năm 2023

Bên thuê



Mai Văn Yên

Bên cho thuê



Nguyễn Văn Cát

Người làm chứng:

1/.....

2/.....

Ngày cấp: 15/05/2018

Địa điểm cấp: TP. Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG SẮT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC Gắn liền với SẮT

L. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà ông NGUYỄN VĂN CẤT

Năm sinh: 1969, Q. AND H. BANGKOK

Địa chỉ thường trú: ấp Cầu Ông, xã Bình Hòa, huyện Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

M 6143

Ngày cấp: 15/05/2018
Địa điểm cấp: TP. Hồ Chí Minh



2 9 5 3 6 2 1 0 0 3 7 5 2

1. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM KIỂM TRA

1. Thời gian: Từ ngày 17/01/2021 đến ngày 17/01/2021

2. Địa điểm: Tại trụ sở Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Việt Nam

3. Đối tượng: Cán bộ nhân viên thuộc phòng Kế toán

4. Mục đích: Kiểm tra tình hình công tác kế toán

5. Kết quả: Đã hoàn thành đúng hạn

6. Người thực hiện: Nguyễn Văn A

7. Chức vụ: Trưởng phòng Kế toán

8. Nơi làm việc: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Việt Nam

9. Ngày ban hành: 17/01/2021

10. Nơi gửi: Phòng Kế toán

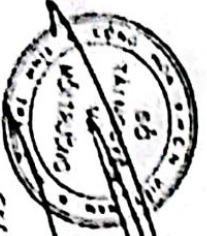
11. Số lượng bản: 01 bản

12. Ghi chú: Mọi chi tiết xin liên hệ phòng Kế toán

Trên đây có 02 (hai) bản để được thanh lý theo quy định của pháp luật.

Trà Vinh, ngày 13 tháng 1 năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH

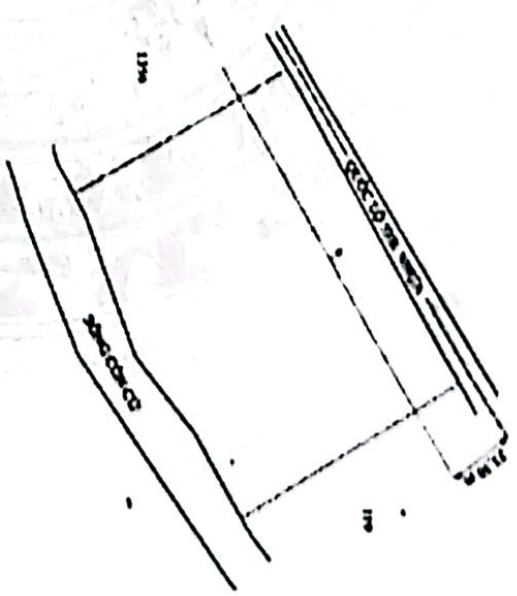
GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ DẤT ĐAI
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn A

Số tiếp GCN: CS06703

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Người sử dụng đất thay đổi từ giấy CN/ND số 3343065531 thành CCCD số 084059001274 theo hồ sơ



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn B

BIÊN BẢN

**Khảo sát thực tế khu vực xin vận chuyển đất,
cát dôi dư từ việc cải tạo đất phục vụ sản xuất nông nghiệp
của hộ ông Mai Văn Yên**

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cải tạo đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số: 578/UBND-KT ngày 29/04/2022 của UBND huyện Duyên Hải về việc phê duyệt phương án xin cải tạo ao, hồ của ông Mai Văn Yên ấp Cồn Cù, xã Đông Hải;

Căn cứ Công văn số 1601/UBND-KT ngày 20/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện Duyên Hải về việc thẩm định đơn đề nghị thực hiện Phương án vận chuyển đất, cát dôi dư sau cải tạo đất nông nghiệp;

Xét đơn đề nghị thực hiện phương án vận chuyển đất, cát dôi dư sau cải tạo đất nông nghiệp của hộ ông Mai Văn Yên ngày 20/10/2023 (kèm theo Phương án).

Hôm nay, vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 11 năm 2023, tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Duyên Hải gồm:

- Ông: Nguyễn Văn Oanh, Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường
- Ông: Đỗ Ngọc Nhân, Chức vụ: Công chức Phòng TNMT (ghi biên bản)

2. Đại diện Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Duyên Hải gồm:

- Ông: Lê Thanh Vũ, Chức vụ: Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và PTNT

3. Đại diện UBND xã Đông Hải gồm:

- Ông: Cao Minh Thắng, Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Đông Hải.
- Ông: Lâm Văn Nhịp, Chức vụ: Địa chính-Môi trường

4. Đại diện hộ dân có nhu cầu cải tạo đất nông nghiệp:

- Ông: Mai Văn Yên

- Địa chỉ ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Tiến hành khảo sát thực tế khối lượng cát dôi dư từ việc cải tạo đất nông nghiệp của hộ ông Mai Văn Yên tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Kết quả khảo sát như sau:

Y kiến của ông Lê Thanh Vũ chuyên viên phòng năng
 nghiệp và Phát triển năng thôn như sau: thể giáo trình Công
 Mai Văn Yên đã thực hiện hoàn thành và ứng theo
 Phương án cải tạo đất nông nghiệp thuộc phi huyện thị
 Công văn số 578/UBND-KT ngày 29/4/2022 của UBND
 huyện Duyên Hải về việc phê duyệt phương án cải tạo
 ao, hồ của ông Mai Văn Yên cấp bản (cũ) xã Đông Hải huyện
 Duyên Hải tỉnh Trà Vinh để nghị ông Mai Văn Yên cung
 cấp giấy giải trình báo Công khai trước dân để
 công, quá trình cải tạo ao
 Y kiến của phòng Tài nguyên và Môi trường: Qua khảo sát
 vị trí như vẽ kèm tài liệu số 12 và tài liệu số 11
 thể gần ao lại thành hai tập kết nằm trong khu đất
 số 521 hồ báo đồ địa thuộc cấp Bản cũ xã Đông Hải
 khối lượng của Khu Chèo Chèo 17.000 m³
 Hồ ông Mai Văn Yên đã thực địa vị trí vẫn do thực
 khảo sát khối lượng đất đắp (số báo đồ Công khai quá
 đo đạc khối lượng chi tiết)
 hoạt động của phòng an: Đất cát do dự cải tạo ao
 (thửa đất số 521 hồ báo đồ số 17) → Máy bơm → đường
 ống đất ngang qua đất hồ ông Lê Văn Hải (thửa đất số
 443, 510, hồ báo đồ số 17) → đường ống đất dọc theo
 bờ đất chèo chèo hồ ông công → đường ống đất dọc theo
 sông Bản cũ → địa điểm lưu trữ tại thửa
 đất số 1347 hồ báo đồ số 17 → vận chuyển đến các thửa
 M. C. như cũ (ao) lấp mặt bằng trên địa bàn xã đảo
 Y kiến UBND xã Đông Hải: Khi thực hiện phương án vận
 chuyển ông Mai Văn Yên phải bảo vệ môi trường và
 an toàn giao thông đường thủy và các phục vụ công tác
 công xây dựng, khai thác hoàn toàn không để xây
 dựng kiến trúc
 Qua khảo sát thửa đất của Đoàn khảo sát nhân dân
 xã ông Mai Văn Yên cải tạo ao, hồ tỉnh theo quy
 định thuộc huyện theo công văn số 578/UBND-KT
 ngày 29/4/2022 của UBND huyện Duyên Hải phía khối lượng
 đất, cát do dự tổng thể tổng số phương án xã xin
 vận chuyển (khối lượng 17.000 m³), Đoàn khảo sát địa
 ông Mai Văn Yên vận chuyển đất cát do dự theo
 định và phương án của ông Mai Văn Yên
 Bên trên phát thực địa số 32 phút công, ngày 06
 tháng qua thành viên nghe và thông báo với bên báo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự - do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc tiếp xúc, làm việc với ông Lê Văn Thái

Căn cứ dự Phương án vận chuyển đất, cát dôi dư sau cải tạo đất nông nghiệp của ông Mai Văn Yên.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 15 phút, ngày 02 tháng 11 năm 2023, tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

I. Thành phần gồm có:

- Ông: Nguyễn Văn Oanh, Phó Trưởng Phòng TNMT huyện.
- Ông: Đỗ Ngọc Nhân, Chuyên viên Phòng TNMT huyện.
- Ông: *Lao Minh Cường*..... Chủ tịch UBND xã Đông Hải.
- Ông: *Nguyễn Văn Đức* Công chức Địa chính - xã Đông Hải.
- Ông: *Lê Mạnh Lưu*..... *Trần Xuân*... Phòng Nông nghiệp và PTNT
- Ông: Mai Văn Yên, Chủ hộ vận chuyển đất, cát dôi dư.

II. Tiến hành tiếp xúc, làm việc:

Ông: Lê Văn Thái, sinh năm 1956 Địa chỉ thường trú: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

III. Nội dung:

Tiếp xúc, làm việc về nội dung ông Lê Văn Thái thống nhất tự nguyện cho ông Mai Văn Yên đặt đường ống bơm đất, cát ngang phân bờ đất của gia đình ông. Vị trí đặt ống bơm cát ngay thửa đất số 443, 510, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Qua nội dung tiếp xúc, làm việc ông Lê Văn Thái cho biết như sau:

Ông Mai Văn Yên có trao đổi với gia đình tôi xin tạm nhờ phân đất để đặt ống bơm đất, cát từ việc cải tạo ao hồ đất của ông Yên đến bãi tập kết tại đất ông Nguyễn Văn Cát tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để thuận lợi cho việc quản lý và vận chuyển.

Tôi Lê Văn Thái và gia đình thống nhất cho ông Mai Văn Yên được sử dụng tạm phần diện tích đất để đặt ống bơm đất, cát tại vị trí thửa đất nêu trên. Đồng thời trong quá trình vận hành bơm đất, cát nếu có sự cố như bể ống dẫn hoặc vượt ống vun đất, cát xuống ao nuôi, ông Mai Văn Yên phải khắc phục ngay đến khi khắc phục xong đảm bảo về môi trường không ảnh hưởng đến việc nuôi tôm của gia đình tôi và các hộ dân xung quanh.

Qua ý kiến của ông Lê Văn Thái, ông Mai Văn Yên cam kết sẽ khắc phục ngay nếu có sự cố xảy ra, khắc phục đến đảm bảo vệ sinh môi trường cho khu vực nuôi tôm của ông Thái và các hộ xung quanh như lời ông Thái yêu cầu.

Biên bản kết thúc 16 giờ 17 phút, cùng ngày đọc cho các bên tham dự, người được tiếp xúc, làm việc cùng nghe, thống nhất trí nội dung ký tên./.

Người được tiếp xúc, làm việc

Ghi biên bản



Lê Văn Thái



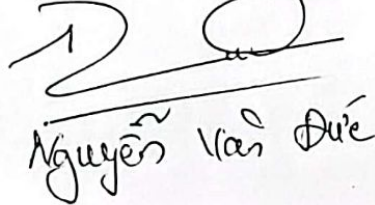
Đỗ Ngọc Nhân

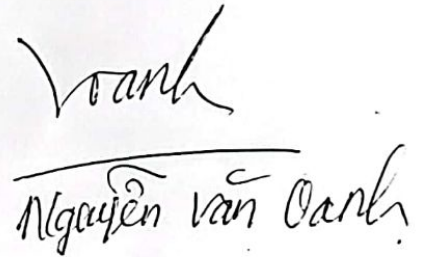


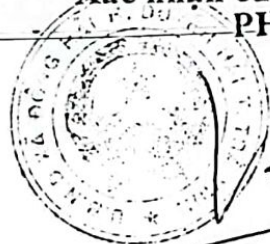
Mai Văn Yên


Lê Thanh Vũ

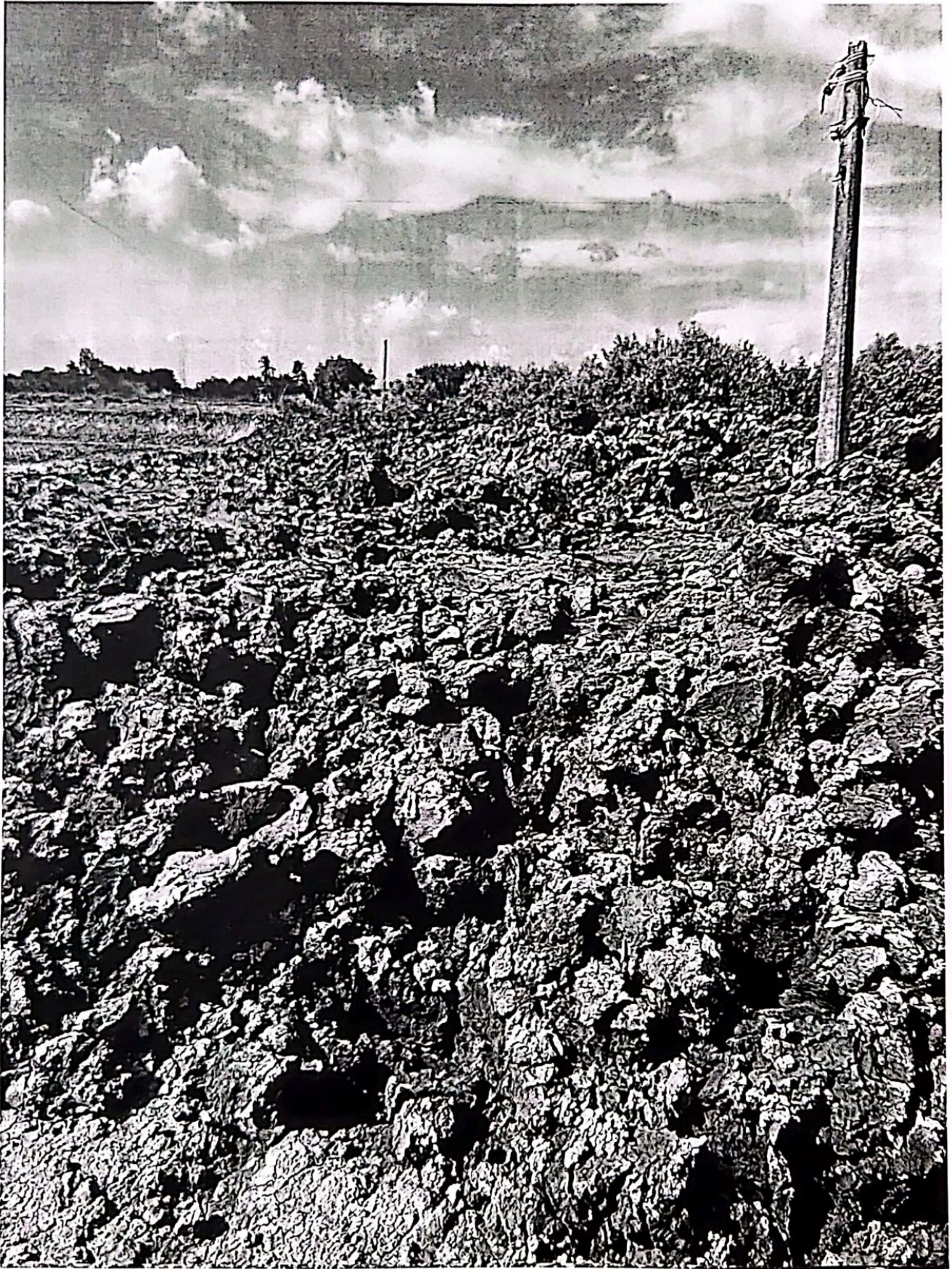
Thành phần tham gia


Nguyễn Văn Đức


Nguyễn Văn Oanh

Xác nhận của UBND xã
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lao Minh Hằng



Đất của ông Mai Văn Yên được gom thành đống



Đất của ông Mai Văn Yên được gom thành đống



Đất của ông Mai Văn Yên được gom thành đống



Đất của ông Mai Văn Yên được gom thành đống

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DUYÊN HẢI**

Số: 1759/UBND-KT

V/v thẩm định Phương án vận chuyển
đất, cát dôi dư sau cải tạo đất nông
nghiệp của hộ ông Mai Văn Yên

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Duyên Hải, ngày 14 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động cải tạo đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc lập phương án vận chuyển đất, cát dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bãi chứa bùn và các thủ tục về môi trường có liên quan.

Qua kiểm tra và báo cáo của ngành chuyên môn (*Báo cáo số 119/BC-TNMT ngày 06/11/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường*) việc cải tạo ao hồ của hộ ông Mai Văn Yên đã thực hiện đúng Phương án đã được phê duyệt tại Công văn số 578/UBND-KT ngày 29/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải, trong quá trình cải tạo ao hồ để nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao, khối lượng đất, cát dôi dư là 17.842m³ được gom lại thành 02 khu vực chứa tạm. Trường hợp không vận chuyển đất, cát sẽ bay lại xuống ao nuôi, ao lắng khi trời có gió to và mưa lớn, làm ảnh hưởng đến môi trường nuôi tôm và nước sạch cung cấp cho quá trình nuôi, không đảm bảo cho mùa vụ, do đó Phương án vận chuyển đất, cát dôi dư của hộ ông Mai Văn Yên là phù hợp (*đính kèm phương án; hồ sơ đo đạc khối lượng đất dôi dư*). Mục đích là vận chuyển đến các đơn vị có nhu cầu san lấp mặt bằng trên địa bàn 04 xã đảo. Về nghĩa vụ tài chính, hộ ông Mai Văn Yên cam kết sẽ thực hiện các loại thuế, phí theo quy định hiện hành.

Trên cơ sở khoản 5 mục IV Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải đề xuất Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau cải tạo đất nông nghiệp của hộ ông Mai Văn Yên.

Rất mong Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án vận chuyển và tận thu phần đất, cát dôi dư sau cải tạo đất nông nghiệp của hộ ông Mai Văn Yên theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- TT HU, HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Phòng TNMT;
- Phòng NN&PTNT;
- NC;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Trương Văn Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ GIẢI TRÌNH

**Về việc Phương án xin cải tạo đất nông nghiệp(ao, hồ),
có thay đổi vị trí đất dôi dư so với Phương án được phê duyệt**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Đông Hải

Tôi tên : Mai Văn Yên, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

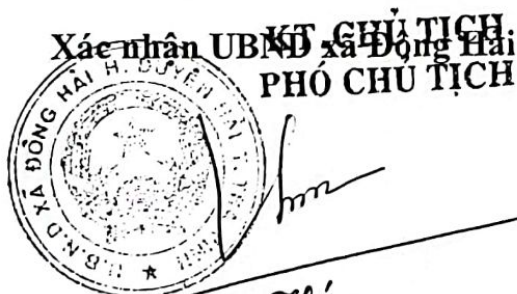
Nay tôi làm tờ giải trình này với nội dung như sau:

Ngày 29/04/2022 tôi được UBND huyện Duyên Hải phê duyệt Phương án cải tạo đất ao hồ tại Công văn số: 578/UBND-KT của UBND huyện Duyên Hải. Sau đó tôi đã tiến hành cải tạo ao hồ đúng như phương án đã duyệt, tuy chỉ có lượng đất dôi dư là chuyển đến nơi khác trong cùng thửa đất 521. Do để thuận lợi trong quá trình vận chuyển gom đống và thuận tiện trong hoạt động cải tạo ao hồ, đất dôi dư khối lượng khoảng 17.500m³ được gom thành 02 vị trí về hướng đông của các ao nuôi, trong cùng thửa đất 521, không qua thửa đất khác.

- Vị trí đất cải tạo ao hồ tại thửa số 521, tờ bản đồ số 17, thuộc ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh do tôi Mai Văn Yên đứng tên và đang quản lý sử dụng; Diện tích thửa đất: 116.026 m²

- Tôi cam kết nội dung trình bày trên là đúng sự thật nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm. Rất mong được sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đông Hải, tôi thành thật biết ơn./.

Trân trọng./.



Lao Minh Kháng

Đông Hải, ngày 06 tháng 11 năm 2023

Người viết đơn

(yên)

Mai Văn Yên

Số: 00506/2023/KQTN-07

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 30/10/2023

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRÀ VINH
- Địa điểm lấy mẫu : ĐTM “PHƯƠNG ÁN VẬN CHUYỂN VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT, CÁT DÔI DƯ SAU KHI CẢI TẠO AO HỒ XÂY DỰNG KHU NUÔI TÔM THỂ CHÂN TRẮNG MẬT ĐỘ CAO CỦA HỘ ÔNG MAI VĂN YÊN”
- Địa chỉ : Xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu : 23/10/2023
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn
- Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Tốc độ gió ⁽¹⁾ (m/s)	Tiếng ồn ⁽¹⁾ (dBA)	Hướng gió
Không khí xung quanh tại khu vực ao nuôi tôm của hộ ông Mai Văn Yên	1,5	49,8	Tây Bắc
Không khí xung quanh tại đoạn Quốc lộ 53B tiếp giáp thửa đất 1347, tờ bản đồ số 17	0,9	58,1	Tây Bắc
QCVN 26:2010/BTNMT	-	≤ 70	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2012/BTNMT	TCVN 7878-2:2010	QCVN 46 : 2012/BTNMT

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

PHÒNG THỬ NGHIỆM



HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 00506/2023/KQTN-07 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 30/10/2023

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRÀ VINH
2. Địa điểm lấy mẫu : ĐTM “PHƯƠNG ÁN VẬN CHUYỂN VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT, CÁT DÔI DƯ SAU KHI CẢI TẠO AO HỒ XÂY DỰNG KHU NUÔI TÔM THỂ CHÂN TRẮNG MẬT ĐỘ CAO CỦA HỘ ÔNG MAI VĂN YÊN”
3. Địa chỉ : Xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
4. Ngày lấy mẫu : 23/10/2023
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
6. Loại mẫu : Không khí
7. Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Bụi ⁽¹⁾ (mg/m ³)	NO ₂ ⁽¹⁾ (mg/m ³)	SO ₂ ⁽¹⁾ (mg/m ³)	CO ⁽¹⁾ (mg/m ³)
Không khí xung quanh tại khu vực ao nuôi tôm của hộ ông Mai Văn Yên	0,15	0,050	0,059	8,32
Không khí xung quanh tại đoạn Quốc lộ 53B tiếp giáp thửa đất 1347, tờ bản đồ số 17	0,20	0,050	0,061	9,49
QCVN 05: 2023/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- (1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN LAO ĐỘNG
SAO VIỆT
NGUYỄN THỊ HUYỀN

- Số: 00506/2023/KQTN-07 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 30/10/2023
- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRÀ VINH
 - Địa điểm lấy mẫu : ĐTM “PHƯƠNG ÁN VẬN CHUYỂN VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT, CÁT DÔI DƯ SAU KHI CẢI TẠO AO HỒ XÂY DỰNG KHU NUÔI TÔM THỂ CHÂN TRẮNG MẬT ĐỘ CAO CỦA HỒ ÔNG MAI VĂN YÊN”
 - Địa chỉ : Xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
 - Ngày lấy mẫu : 23/10/2023
 - Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
 - Loại mẫu : Nước mặt
 - Ký hiệu và mô tả mẫu : 231023.07NM: Nước mặt sông Cồn Cù đoạn tiếp giáp thửa đất 1347, tờ bản đồ số 17
 - Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5994: 1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu ở ao hồ tự nhiên và nhân tạo.
TCVN 6663-6: 2018– Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu sông và suối.
TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
9. Kết quả đo đạc, phân tích :

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2023 /BTNMT Cột B ₁	Phương pháp đo đạc, phân tích
			231023.07NM		
1	pH ⁽¹⁾	-	6,75	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	DO ⁽¹⁾	mg/L	5,05	≥ 5	TCVN 7325:2016
3	TSS ⁽¹⁾	mg/L	19	100	TCVN 6625:2000
4	COD ⁽¹⁾	mg/L	28	15	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	16	6	TCVN 6001-1:2008
6	Tổng dầu mỡ ⁽¹⁾	mg/L	KPH MDL=0,3	-	SMEWW 5520B:2017

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 08-MT: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 00506/2023/KQTN-07 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 30/10/2023

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRÀ VINH
- Địa điểm lấy mẫu : ĐTM “PHƯƠNG ÁN VẬN CHUYỂN VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT, CÁT DƯỚI DƯ SAU KHI CẢI TẠO AO HỒ XÂY DỰNG KHU NUÔI TÔM THỂ CHÂN TRẮNG MẬT ĐỘ CAO CỦA HỘ ÔNG MAI VĂN YÊN”
- Địa chỉ : Xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu : 23/10/2023
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Loại mẫu : Đất
- Vị trí lấy và mô tả mẫu : 231023.07DD: Mẫu đất dôi dư khu vực cải tạo
- Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 4046 – 1985 - Đất trồng trọt: Phương pháp lấy mẫu TCVN 7538 - 2: 2005 - Chất lượng đất. Lấy mẫu. Phần 2: hướng dẫn kỹ thuật lấy mẫu
- Kết quả đo đạc, phân tích :

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2023/ BTNMT Loại 1	Phương pháp đo đạc, phân tích
			231023.07DD		
1	Asen (As) ⁽²⁾	mg/kg	KPH MDL=0,15	25	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7062
2	Chì (Pb) ⁽²⁾	mg/kg	<15	200	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
3	Cadimi (Cd) ⁽²⁾	mg/kg	KPH MDL=0,5	4	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
4	Đồng (Cu) ⁽²⁾	mg/kg	30,1	150	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000
5	Kẽm (Zn) ⁽²⁾	mg/kg	46,5	300	US EPA Method 3051A + US EPA Method 700B

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

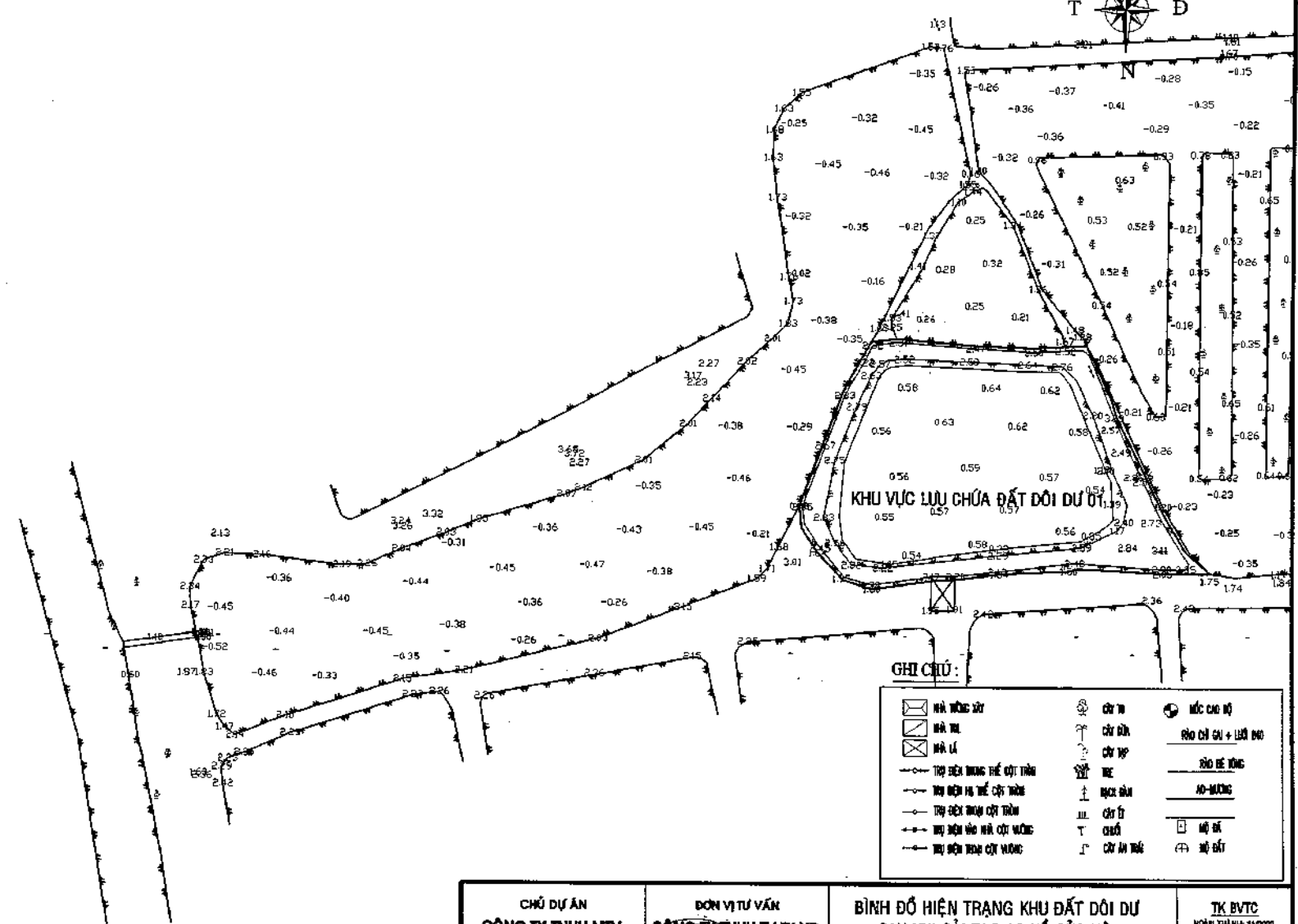
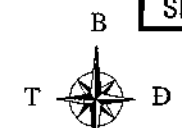
- ⁽²⁾ Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117;
- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất;
KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM



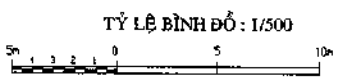
HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN





GHI CHÚ:

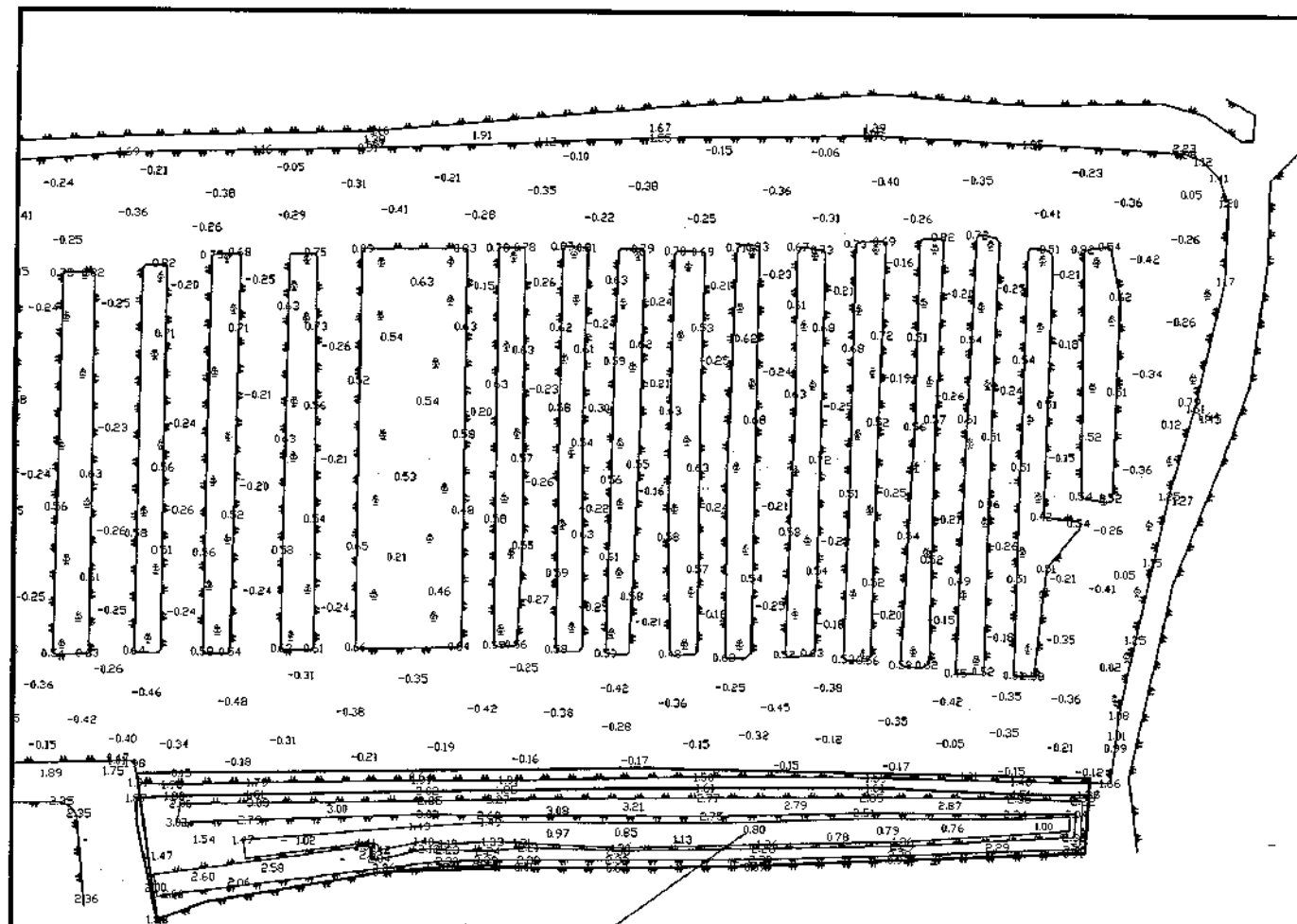
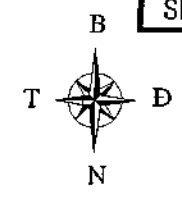
	MÀNG SỬ		MÀNG TỰ		MÀNG LÁ		MÀNG LƯỚI		MÀNG LƯỚI		MÀNG LƯỚI		MÀNG LƯỚI
	MÀNG TỰ		MÀNG LƯỚI		MÀNG LƯỚI		MÀNG LƯỚI		MÀNG LƯỚI		MÀNG LƯỚI		MÀNG LƯỚI



TỶ LỆ BÌNH ĐỒ: 1/500

Hệ thống tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực 105 30')
Độ cao ghi bằng mét so với mốc Hòn Dấu, Hải Phòng (cao độ bằng 0.00)

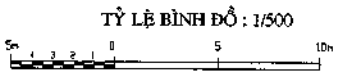
CHỦ DỰ ÁN CÔNG TY TNHH MTV NGUYỆT TÂM		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TRẠC ĐỊA VÀ THIẾT KẾ SẠCH SẴN		BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT ĐỐI DƯ SAU KHI CẢI TẠO AO HỒ CỦA HỘ ÔNG MAI VĂN YẾN KHU 01		TK BVTC HỒN THỦY 11/2025 TỶ LỆ: 1/500	
CHỖ TRƯỞNG NGUYỆT TÂM		CHỖ TRƯỞNG TRẠC ĐỊA VÀ THIẾT KẾ SẠCH SẴN		CHỦ TRƯỞNG KHẢO SÁT BÙI VĂN LÂM		ĐO VẼ NGÔ HỮU LỘC	
CHỖ THÀNH VIÊN NGUYỆT TÂM		CHỖ THÀNH VIÊN TRẠC ĐỊA VÀ THIẾT KẾ SẠCH SẴN		THỂ HIỆN LÊ THỊ CẨM LINH		KIỂM TRA BÙI VĂN LÂM	
CHỖ THÀNH VIÊN TRẠC ĐỊA VÀ THIẾT KẾ SẠCH SẴN		CHỖ THÀNH VIÊN TRẠC ĐỊA VÀ THIẾT KẾ SẠCH SẴN		CHỖ THÀNH VIÊN TRẠC ĐỊA VÀ THIẾT KẾ SẠCH SẴN		CHỖ THÀNH VIÊN TRẠC ĐỊA VÀ THIẾT KẾ SẠCH SẴN	



KHU VỰC LƯU CHỨA ĐẤT DỒI DƯ 02

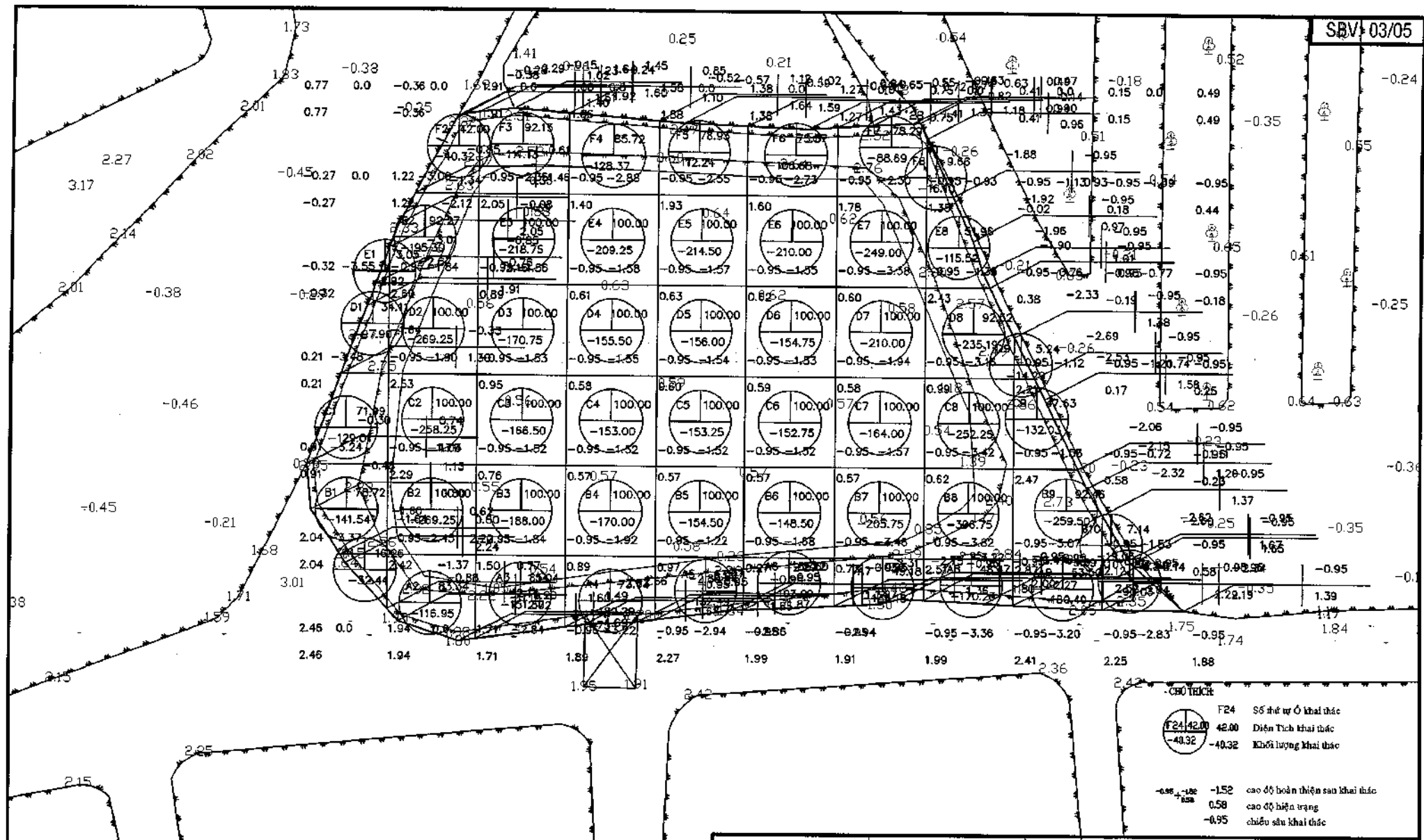
GHI CHÚ :

	MÀNG TƯỜNG BÊ TÔNG		CÂY TỎ		MỨC CAO MẶT
	MÀNG TƯỜNG		CÂY ĐỪA		ĐỘ CHỈ CÁN + LƯỚI ĐỒ
	MÀNG LÁT		CÂY TẬP		ĐỘ BỀ THANG
	TRUYỀN TRUNG TẾ CỘT TÊN		TRIE		NO-BƯỚC
	TRUYỀN BÊN TRÊN CỘT TÊN		TRIE		
	TRUYỀN TRÊN CỘT TÊN		CÂY CỎ		
	TRUYỀN VÀO NHÀ CỘT VÒNG		CHỒI		MỘ BÀ
	TRUYỀN NGOÀI CỘT VÒNG		CÂY TÊN THỎ		MỘ ĐÁ



Hệ thống tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực 105 30')
 Độ cao ghi bằng mét so với mốc Hòn Dấu, Hải Phòng (cao độ bằng 0.00)

CHỦ DỰ ÁN CÔNG TY TNHH MTV NGUYỆT TÂM		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TRẠ VĨNH		BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT DỒI DƯ SAU KHI CẢI TẠO AO HỒ CỦA HỘ ÔNG MAI VĂN YẾN KHU 02		TK BVTG HOÀN THIỆN 11/2023 TỶ LỆ: 1:500	
CHỨC VỤ: GIÁM ĐỐC NGUYỆT TÂM		CHỨC VỤ: GIÁM ĐỐC TRẠ VĨNH		CHỦ TRƯỞNG KHẢO SÁT BUI VĂN LÂM		ĐO VẼ NGÔ HỮU LỘC	
CHỨC VỤ: THÀNH VIÊN NGUYỆT TÂM		CHỨC VỤ: THÀNH VIÊN TRẠ VĨNH		THỂ HIỆN LÊ THỊ CẨM LINH		KIỂM TRA BUI VĂN LÂM	
CHỨC VỤ: THÀNH VIÊN NGUYỆT TÂM		CHỨC VỤ: THÀNH VIÊN TRẠ VĨNH					



Bảng khối lượng đào đắp lô khu 1

	Cột 1	Cột 2	Cột 3	Cột 4	Cột 5	Cột 6	Cột 7	Cột 8	Cột 9	Cột 10	Tổng
Kl. đào	409.71	1149.32	1006.50	996.41	922.98	877.77	1051.62	1096.04	586.22	109.09	8205.66
Kl. đắp	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Dt. đào	204.14	517.61	577.19	559.46	542.20	530.87	527.47	402.61	196.83	39.84	4100.22
Dt. đắp	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00

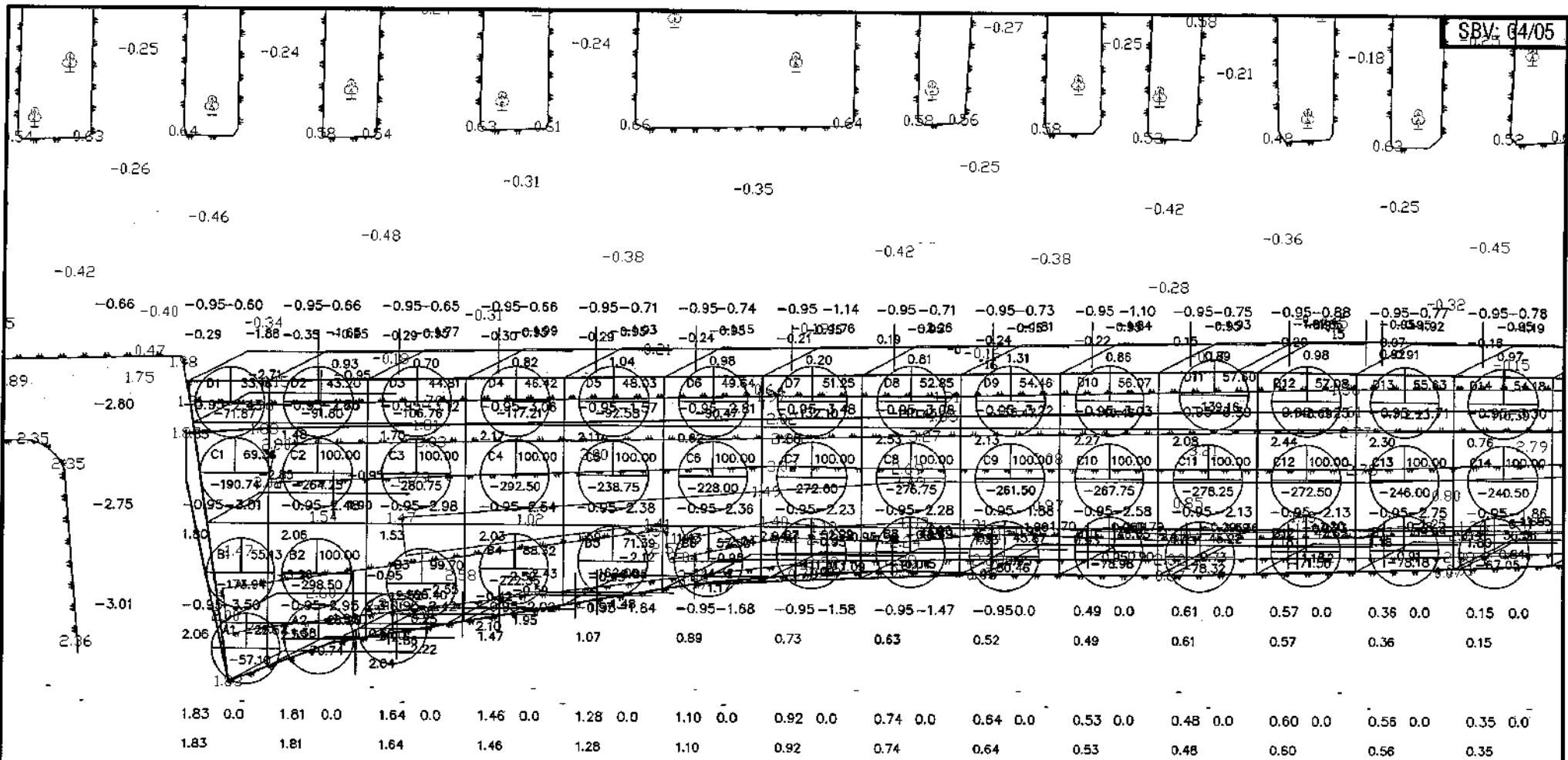
CHỦ TRƯỞNG

F24 Số thứ tự ô khai thác
42.00 Diện tích khai thác
-40.32 Khối lượng khai thác

-0.95 +1.52 -1.52 cao độ hoàn thiện sau khai thác
0.58 cao độ hiện trạng
-0.95 chiều sâu khai thác

CHỦ DỰ ÁN CÔNG TY TNHH MTV NGUYỆT TÂM	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TRẠ VINH	BÌNH DỒ KHỐI LƯỢNG KHU ĐẤT DỐI DƯ SAU KHI CẢI TẠO AO HỒ CỦA HỘ ÔNG MAI VĂN YẾN KHU 01		TK BVTC HOÀN THẠNH 1/2022
GIÁM ĐỐC NGUYỆT TÂM	GIÁM ĐỐC TRẠ VINH	CHỦ TRƯỞNG KHẢO SÁT BÙI VĂN LÂM	ĐO VẼ NGÔ HỮU LỘC	THỂ HIỆN LÊ THỊ CẨM LINH
THÀNH VIÊN NGUYỆT TÂM	THÀNH VIÊN TRẠ VINH	KIỂM TRA BÙI VĂN LÂM		

SBV: 64/05



	Cột 1	Cột 2	Cột 3
Kl. đắp	493.65	725.29	668.77
Kl. đắp	0.00	0.00	0.00
Dl. đắp	180.22	269.40	250.07
Dl. đắp	0.00	0.00	0.00

CHỦ DỰ ÁN CÔNG TY TNHH MTV NGUYỆT TÂM CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TRẦN VĂN LÂM GIÁM ĐỐC THÀNH VIÊN NGUYỆT TÂM	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KH. KH. VÀ K. KH. TRẦN VĂN LÂM CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KH. KH. VÀ K. KH. TRẦN VĂN LÂM GIÁM ĐỐC THÀNH VIÊN NGUYỆT TÂM	BÌNH ĐỒ KHỐI LƯỢNG KHU ĐẤT ĐOI DỰ SAU KHI CẢI TẠO AO HỒ CỦA HỘ ỜNG MAI VĂN YÊN KHU 02			TK BVTC HOÀN THIỆN: 11/2023 TỶ LỆ: 1:500
		CHỦ TRƯỞNG KHẢO SÁT <i>(Signature)</i> BÙI VĂN LÂM	ĐO VẼ <i>(Signature)</i> NGUYỄN HỮU LỘC	THỂ HIỆN <i>(Signature)</i> LÊ THỊ CẨM LINH	KIỂM TRA <i>(Signature)</i> BÙI VĂN LÂM

